

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẬP SAN VĂN NGHỆ
LÁ BỒI XUẤT BẢN

6

DƯƠNG NGHIÊM MẬU • HÀ NGUYỄN THẠCH • ĐẶNG
THIÊN GIA HỘ • CHINH BA • HỮU PHƯƠNG • VÕ HỒNG
PHẠM DUY • TRẦN TUẤN KIẾT • CHÍN • HẰNG HÀ
SA • XUÂN THAO • THÀNH TÔN • TÔN NỮ HOÀI MY
ALEXANDER SOLZHENITSYN • BÌNH THUẬN • VƯƠNG
PẪN LIÊM • NGUYỄN THỤY LONG • NHẤT HẠNH
HOÀI KHANH



GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ • Lá Bối xuất bản

Coi sóc : HOÀI KHANH

2	Nhất Hạnh	Thông điệp
3	Nhất Hạnh	Dựng tượng tuổi thơ
4	Hà Nguyên Thạch	Phù ảo
5	Đặng Thiên Gia Hộ	Khởi động
6—7	Trần Tuấn Kiệt	Thế giới con
8	Xuân Thao	Đất mẹ
9	Tôn Nữ Hoài My	Gót lạnh
10	Hữu Phương	Thành phố này
11	Thành Tôn	Chứng tích
12	Hoài Khanh	Cõi mộng
13 — 19	Dương Nghiễm Mậu	Kẻ nuôi máu
20 — 25	Hằng Hà Sa	Huy hoàng trường cửu
26 — 34	Nhất Hạnh	Nói với tuổi hai mươi
35 — 40	Võ Hồng	Trạm Hành
41 — 47	Alexander Solzhenitsyn	Thơ
48 — 49	Phạm Duy	Tâm ca số 6 (Một cảnh củi khô)
50 — 56	Chín	Mười Tý
57 — 62	Vương Pên Liêm	Thanh niên với giáo dục cộng đồng
63 — 69	Nguyễn Thụy Long	Những ngày còn không
70 — 76	Hoài Khanh	Thắp một ngọn đèn
77 — 92	Chinh Ba	Những hình ảnh để lại của người chết
93 — 101	Nhất Hạnh	Nẻo về của ý (truyện dài)

Số 6 tháng mười hai năm 1965



thông điệp

trán tôi đã từng nhận
và ưu tư của cuộc đời đã về ghi dấu chân
nặng nề trên khoảng trời mai ấy.
nhưng trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại
hoa lá về trên nụ cười buông thả
vô tình xóa mờ những nếp nhăn đi
như mưa chiều nay xóa đi những dấu chân
trên bãi vắng — qua một chu kỳ
tôi đi giữa rừng chông gai như đi giữa vườn
kỳ hoa dị thảo
đầu cát cao, nụ cười ngày xưa còn đó
những vằn thơ đã nở trong tiếng gào súng đạn
nước mắt ngày xưa khóc nắng quái chiều hôm
trên chiến trường vàng vọt,
bỗng đã trở thành mưa ; tiếng mưa rơi êm êm
trên mái lá,
quê hương tuổi thơ thầm gọi tôi về
mưa xóa đi bao tâm tư sầu muộn
tôi vẫn còn — nụ cười chiều nay bình lặng
trái ngọt chín trên cây rừng cay đắng-
ôm xác em thơ, tôi băng qua ruộng lúa quê
hương đêm nay
đất mẹ sẽ gìn giữ em
để trên bãi cỏ xanh non, sáng mai này em
sẽ luân hồi thành những bông hoa mới
những bông hoa cười trầm lặng trong bình
minh đồng nội
giờ phút này em có còn khóc đâu — qua một
đêm dài thăm thẳm sâu
sáng nay tôi quý trên bãi cỏ xanh khi trông thấy
những bông hoa mang nụ cười huyền diệu
thông điệp của hy sinh của trầm lặng quả
đã tới nơi rồi.

NHẤT HẠNH

dựng tượng tuổi thơ

đứng nhìn bên khung cửa sổ sáng nay của cuộc đời
tôi thấy em ngã xuống rồi em đứng dậy mỉm miệng cười
cầu nguyện cho em đừng để thân em lấm bụi

thẹn thùng, đừng để tâm em mang mặc cảm
cô đơn vụng về yếu đuối.

mỗi lần ngã là một lần vùng dậy

để trưởng thành

để cuộc đời nhường một bước đi lên

những mũi tên bắn vào thân thể em

hãy để cho chúng rơi như lá thu đẹp lìa cành

ngoạn mục trò chơi tuổi thơ con trẻ.

chiều gió qua

nước hồ trong thoáng gọn

nhưng rồi vẫn bình yên

lặng chiều bóng núi bóng trăng

em đã trưởng thành rồi

Cho tôi xin thêm của cuộc đời một ít tháng năm

vừa đủ dựng tượng tuổi thơ can đảm

NHẤT HẠNH

phù ảo

cỏ xanh mướt đầy trời lên xa thăm
chưa mùa thu sao lòng đã bay sâu
mây qua đó bao la miền biển động
hỡi núi rừng xin ngủ giấc miên du

khi nhìn xuống loài chim theo lối gió
lời ca chìm trong bóng lá thâm u
ngày di động trên mỗi giòng thác đổ
có nghe không đời lẫn dấu trong mù

và ngoảnh lại bàn tay mình năm ngón
là nỗi buồn thân xác gọi tên nhau
thời gian thức trên mỗi loài cỏ mọn
thấy gì không ngoài năm tháng lo âu

bởi theo mãi bước chân đời lẫn khuất
chờ mùa xuân hồn phủ lá trên cành
nên từ đó bóng sâu vây u uất
ôi đỉnh trời xa khát vọng, sao đành

ngày vẫn nắng cho tim người bốc cháy
nước vẫn cuồng giao tận đáy sông dài
mai còn đó nụ cười trên tay vẫy
tôi hỡi về đâu cát bãi chia bày !

HÀ NGUYỄN THẠCH

khởi động

Trẻ thơ ơi trẻ thơ ơi
em hãy đến đây hãy đến đây
cầm chơi khẩu súng này viên đạn này
hòa bình bây giờ là ở chúng đây

Bạn trai ơi bạn trai ơi
bạn hãy đến thành phố sống ít lâu
rồi bạn hãy về làng quê sống ít lâu
sự sống quê hương bây giờ là ở các bạn đây

Người yêu ơi người yêu ơi
em hãy đến anh hãy đến anh
em hãy tựa vào ngực này nghe tim lạnh này
cái chết bây giờ là ở anh đây

Trẻ thơ ơi bạn trai ơi người yêu ơi
Cùng hãy đến đây
Tất cả với Chân-Vọng sáng ngời

ĐẶNG THIÊN GIA HỘ

(Chiến tranh hãy trở về bên cá)

thế giới con

(cho linh hồn con Trần Triều Miên)

nhành thông đồ hột nghe buồn
gió ru thiên cồ hồi chuông nhân tình
ngậm ngùi thay kiếp phù sinh
nhân gian vô ảnh vô hình phải chăng
đã nghe sóng bủa đất bằng
tĩnh ra cuộc thế xoay vần chiêm bao

tếch đầu đếm tóc gầy hao
cuộc chơi nhân thế lũy hào chông chênh
buồn viết mãi một thiên tình sử
viết cho người tử tội đầy lưu
những ai nhân quả địa cầu
những tường phi lý đượm màu máu tanh

viết cho trẻ sơ sinh đời loạn
lòng vẫn còn trong sáng ước mơ
nỗi buồn nghìn chữ nghĩa xưa
với chân ảnh nọ giữa bờ tịch liêu

chân lý hiện bên triều thác lũ
ẩn trong lòng đất nọ ngát hương
bống dựng hoa nở đầy vườn
bống dựng chim hót bên nguồn nước xanh

trong lớp sóng đầu ghềnh cuối bãi
trong mộng trường tang hải ngoài kia
trong tim máu vọt đầm đìa
trong con mắt ngóng sao khuê cuối trời

ngủ đi con nhé con ơi
cỏ hoa bầu bạn dưới trời mền thương
cuộc trần thế lắm nguồn thi sử
khách thơ luôn trao đổi thâm tình

giang hà bọt nổi buồn tênh
hàng hà nhân thế con thuyền độ ai
đất trời mở hội gió mây
cửa thiên thì cũng chốn này tịnh yên

con ơi ngủ nhé con hiền
ra đời trên vông vô biên mộng đời
càng viết mãi những lời thê thiết
càng nhớ thương biệt bóng hình
tuần hoàn thiên địa chi tình
đất ơi tròn nhé mối tình thủy chung

trong Triền Miên ngâm khúc

TRẦN TUẤN KIỆT

đất mẹ

Kính tặng nhạc sĩ Phạm Duy.

Hãy nhìn xuống quê hương này khốn khó
Cây không xanh cho lịch sử thêm già
Một dòng sông — đen như màu hắc ín
Chảy cảm hờn trong từng nổi can qua

Và cuộc chiến lớn lên bằng với tuổi
Trên tay tôi còn ghi dấu lửa binh
Những thù hận đã đứng mờ biên giới
Thôi xa bay từng viễn tượng hòa bình

Đạn vẫn nổ xẹt ngang đầu Tổ quốc
Lửa chiến chinh làm cháy mặt xém mày
Những hàng tre lòng âm thầm héo úa
Như quê hương, như đất mẹ đắng cay

Khi nằm xuống ôm mặt trời đỏ lửa :
— Quê hương ơi ! và Tổ quốc tôi ơi
Vác lý tưởng trên vai làm khí giới
Tôi đi hoài cho máu lệ khôn vơi

Tiếng mẹ gọi hai mươi năm khản giọng
Nghe xanh xao từng điệu hát qua hồn
Ơi ! Trường sơn mẹ giang tay ôm biển
Cho con xin, một phút, ngã vào lòng

XUÂN - THAO

(Lãnh thổ đen)

gót lạnh

Rồi một lần xa tuổi ấu thơ
đầu cao ngẩng mặt cắt ngôi thờ
trùng đêm ngọn nhỏ đèn khơi muộn
cười ướt môi hiền ăm tóc xưa

đường vẫn đi về dăng bóng cây
trời cao muộn tuổi dáng sao gầy
tâm tư một thuở chai vò muối
với nửa ân tình theo gió bay.

vẫn tưởng tình yêu như cỏ non
nụ hôn còn vị đắng linh hồn
khi về tủi bước bàn chân lạnh
tôi khóc trong bàn tay héo hon.

thôi một lần xin cho ngủ yên
tóc bay mờ nửa khoảng môi hiền
giấc mơ còn lại lên màu khói
tuổi cạn mưa chiều xõa tóc đen.

khoảng đó người qua chỉ một lần
khi về chưa kịp khóc ăn năn
bàn tay tuổi nhỏ khơi mùa rét
tóc trùng phơi dày lên dáng trắng.

còn lại từng đêm vang cúc xưa
tiết trình thoi cũng tựa sương mù
nhớ thương ngọn nhỏ đèn khơi muộn
tôi bỏ tôi về ươm tuổi thơ.

9-65.

TÔN NỮ HOÀI MY



thành phố này

Thành phố này buồn với dòng sông nghìn kiếp chắt chiu
từng con cá con tôm. Sinh lên nước đọng, mùi cỏ
lẫn mùi người vất vả quanh năm.

Thành phố này buồn với những con đường già nua,
dãy nhà cỏ sơ, mái ngói đen đui, tường hiên
rong rêu, sân hè ngập rác...

Thành phố này buồn với những sập gụ, những tủ kính,
gương mặt và tiếng nói khô khan, những mảnh
giấy bạc thối lại cũ mềm và người con gái ngoảnh
đi ra điều sang trọng...

Thành phố này buồn với những thằng con trai nghênh
ngang anh chị, những bà già khom xuống cho
lừa người thiếu phụ hồi xuân... Cho em diện
mãi vẫn chưa chồng.

Thành phố này buồn với bãi biển mùa hè cát bỏng.
Người có đông nhưng lẫn lộn màu da. Một chai
coca hai mươi lăm đồng không đá. Tiếng oang
oang, địa phương lặng lẽ và mệnh mông hoa
nắng đổ thẹn thùng.



Thành phố này không những buồn những ngày thường
mà cả những ngày chúa nhật. Thác người lũ
lướt kéo đi. Và không xóa bỏ được gì.



Đà Nẵng 6-7-65

HỮU PHƯƠNG

chứng tích

hòn đá lăn, tuổi thơ và ảo vọng
tôi quay tròn, trong đó, hai mươi năm
đôi đũa thần gõ vòng quanh sự sống
lời phù chú bùng ra rồi mất tăm

quê mẹ xứ cha và tôi nỗi sợ
lửa chung quanh vây hãm tấm thân hèn
đời lạng lơ trôi, dòng sông vô có
tôi trở về tôi như bóng đêm

em thối hắt hiu qua vừng trán rộng
xô bước chân đời trên nếp nhăn
vùng tuổi nhỏ, lũy tre, bờ ảo vọng
tan như sương trong đường nét thù hằn

tôi có mặt lơ đờ như chứng tích
trên quê hương tiếng mẹ cất tan tành
nhìn lấy bóng, thu mình trong u tịch
tôi rút về tôi như chiếc đanh

tôi quay tít từng vòng xem chóng mặt
ngoài hư vô huyền ảo khói sa mù
nỗi vong quốc ngay trên phần đất mẹ
nên hồn hiền cổ đại đã muôn thu

THÀNH TÔN

cõi mộng

Em đã chở vàng trắng đi cõi đó
Ta về đây không sáng sao trời
Nghe buồn rã từng nụ cười sám hối
Dòng sông nào vẫn lạnh bóng sao rơi?
Ôi những mộng đã tàn trong cõi mộng
Giọt sương nào sẽ trắng bóng hình xưa
Đề ta gọi lá cây rừng thồn thức
Những buổi chiều gió cũ buốt trong mưa
Đêm cõi đó ta nghe hồn cây lá
Thở vi vu cùng với giọt sương tràn
Trên trái đất có những gì tàn tạ
Là những gì sẽ lạnh suốt tâm can
Ta sinh ra ở một miền hoang vắng
Núi và rừng rờn mộng suốt trong sương
Ta nhìn em qua bóng hình cây lá
Ôi một đời cõi đó thiếu quê hương
Em đã mang cả vàng trắng biển biệt
Ta nằm đây thương tiếc thuở huy hoàng
Đã không đến như một dòng sương trắng!
Đã không về như một ánh sao tan!

HOÀI KHANH

khuất. Tôi trở vào, buổi chiều khô héo, lặng lẽ, tôi chọn một chiếc ghế đá ngồi xuống ngó lên nền trời phẳng lặng một cách mệt mề. Ba mặt khu vườn những dãy nhà hai tầng đứng ỉn ngử, tường vôi trắng lạnh, những khung cửa vòng tròn thấp thoáng bóng những người y tá thỉnh thoảng ngang qua. Tôi nhớ tới Vịnh, Trương; chắc chúng đang ngạc nhiên hỏi nhau vì sự biệt tăm của tôi cùng những giả thiết. Tôi cười thầm vì sự việc đã đưa tôi vào đây.

Lúc sau tôi chợt nhận thấy một người chống nạng đi từ phía khu nhà bếp lên khu nhà bếp ở phía khu nhà bên tay mặt, nổi liền bởi một hành lang rộng. Người lạ bị cụt một bên chân tới khoảng đầu gối hay cao hơn nữa vì tôi nhận thấy ống quần lủng lảng anh ta bước đi một cách chậm chạp khó nhọc chừng như anh ta nhận thấy tôi và đi tới gần lúc đó tôi nhận ra là một thanh niên như tôi, anh ta tới bên và ngồi xuống một đầu ghế đá. Anh ta để chiếc nạng xuống, lấy thuốc ra châm hút, mùi khói hơi khó thở chừng như là thứ thuốc của nhà binh Pháp, hay một thứ thuốc rẻ tiền nào đó. Ống quần bên chân cụt bẹp hẳn xuống chiếc chân bị cưa lên phía trên đầu gối một chút; tôi nghĩ anh ta có vẻ lành vết thương rồi sao vẫn còn ở đây, mà sao anh ta không mặc quần áo của bệnh viện. Chợt anh ta đưa sang phía tôi mấy điều thuốc bỏ trong một chiếc hộp sắt đựng thuốc đã bong sơn nham nhở, anh ta nói cụt ngắn :

— Anh hút thuốc.

TÔI nói không, cảm ơn anh, giọng anh ta có vẻ quê mùa, dáng điệu thô một cách thực thà, anh ta thu hộp thuốc bỏ vào túi, tôi nói :

— Tôi không hút thuốc, có chăng tôi chỉ hút ít thuốc vàng, thuốc anh hút tôi thấy khói có vẻ nặng, tôi hút dăm say lắm anh không ra ngoài ăn tết sao.

Anh ta im lặng, tôi thấy anh ta nhìn ra bồn hoa tư lự, khuôn mặt khô khan đôi lông mày đậm chiếc mũi hơi huếch đôi môi khô nứt nẻ, da mặt vàng như thiếu máu. Khuôn mặt anh ta ngừng lên bất động mãi rất lâu anh ta mới nói :

— Quê tôi ở xa không về được.

Anh ta tiếp tục hút thuốc, dựa lưng vào thành ghế, anh ta nhìn tôi hỏi :

— Mặt anh làm sao vậy tôi trông có vẻ nguy hiểm cho con mắt lắm.

— Một tai nạn, người ta ủi lên mặt tôi chiếc bàn là đang đỏ than.

Anh ta mở lớn đôi mắt tỏ vẻ ngạc nhiên sững sốt :

— Con mắt có làm sao không, tôi sợ cho con mắt. Chân tay, mắt là cần lắm, không có là một đó, như tôi còn làm ăn gì nữa :

— Bác sĩ nói không can chi.

— Ô ! tin họ gì được, tôi đã bị lừa như thế đấy, thực ra thì họ chẳng lừa làm gì, nhưng họ thương mình mà không nói, lúc tôi nằm trên giường sau khi bị cưa, tôi hỏi chân tôi có sao không, họ bảo không, mình đau đâu còn kiểm soát được gì, tưởng là đang nổi chân mình chứ, nhưng đến khi ngồi được dậy thì tôi thấy tôi chỉ còn một bên thôi còn nói gì nữa tiêu đời rồi còn gì. Tôi la lên, họ bảo ngó bộ họ muốn tôi như thế sao, không thể làm khác được thì phải chịu, tôi biết tôi vô lý nhưng khổ quá xúc động quá khiến tôi không nghĩ được gì nữa cái phần dưới đó nó nát như một mớ thịt bằm ra để làm nhân bánh. Tôi không hiểu vì sao tôi có thể sống trong người đầy vết nhưng không nguy hiểm.

— Tại sao vậy ?

— Lựu đạn.

Anh ta lại im lặng, hai con chim bồ câu ở đâu bay xuống nhưng thấy người nên

bay lên khi chưa xuống mặt đất. Anh ta lại nói, giọng xúc động :

— Sau này tôi tiếc là sao mình không chết luôn lúc đó. Sống với một cái chân như thế này, anh nghĩ xem— anh ta phác một nụ cười gượng gạo khô khan— nếu anh biết anh được cứu sống mà trở thành tàn tật như thế này anh có muốn được cứu sống không, tôi thì tôi không muốn chút nào hết. Bây giờ có muốn chết cũng không có can đảm tự tử, thế là phải sống, phải sống trong cái chết, như một con vật vô dụng, khổ sở, xa lạ...

G IỌNG anh ta mơ hồ, nét mặt đăm chiêu, bàn tay trắng xanh vuốt trên thân nạng gỗ đã bóng lên vì mồ hôi và đã được dùng lâu ngày; buổi chiều im vắng; rất xa, phía ngoài bức tường gạch cao dày cũ kỹ tiếng xe cộ thưa và mơ hồ, ở ngoài đó cuộc sống đang diễn ra những tiếng nói tiếng cười, nỗi vui mừng...

— Tôi tên là Tân, Nguyễn văn Tân, còn anh ?

— Tôi là Ngạc.

— Anh thử tưởng tượng tôi sống ở trong này đã hơn một năm, trong đó sáu tháng là nạn nhân chiến tranh, thời gian còn lại và sau này là một người tàn tật cho đến chết phải rồi cho đến chết. Anh có nghĩ đến chết bao giờ không ?

— Cũng có lúc, nhưng đối với tôi không quan trọng.

— Không quan trọng à, phải rồi chết về với Chúa, ông thầy dòng vẫn vào thăm là bạn hân ?

— Không, đó là một người em nhưng tôi là một người vô tôn ?

— Thế là thế nào, anh là người... ở ngoài... ?

Tôi mỉm cười, tôi biết anh ta đang nghĩ và tôi nói :

— Không phải, tôi không là gì cả, tôi cũng như mọi người bình thường vậy, thằng em tôi nó sống trong trại tế bần từ thuở nhỏ, rồi nó xin đi tu luôn. Kể người ta có được một điều để tin cũng là hay.

Làm thế nào để tin được, tin mà không bao giờ hoài nghi. Đó là một hạnh phúc. Từ lúc lớn lên đến nay tôi không tin một cái gì nữa. Gia đình tôi thờ ông bà tổ tiên thờ thờ công, mẹ tôi cũng có đi chùa nhưng chuyện thờ cúng đó chẳng có gì liên can đến ai, mẹ tôi chết tôi cũng cúng mẹ tôi, tôi cúng vì tưởng nhớ. Thằng em tôi đó nó vẫn giảng đạo với tôi hoài, tôi chỉ biết ngồi im nghe, nó có ý của nó, tôi có ý của tôi.

Tân lấy thuốc ra hút tiếp những làn khói trắng xanh bao phủ, vờn quanh người; Tân, Tân nói giọng mơ hồ :

— Anh tin có trời không ?

— Trời, tôi không nghĩ đến.

— Tôi không tin nếu có trời thì sao trời lại làm chuyện kỳ cục như vậy, trời lại muốn mình khổ lại buộc mình phải tàn tật à. Tôi có làm gì ác đâu, cả bố mẹ tôi nữa. Bố tôi là một người đi cày mẹ tôi cũng vậy. Bố tôi bị Tây về bắn chết chẳng có nguyên cớ. Một viên đạn đum đum phá vỡ mặt ra chết không kịp kêu, tôi bị Tây bắt đi làm phu rào đồn, du kích ném lựu đạn, bốn năm người chết cùng một lúc tôi không chết. Thế là thế nào tôi vẫn không sao nghĩ ra : thật vô lý. Trời làm vậy trời để cho bọn nó làm vậy, trời dung cho người ta làm vậy mà im sao.

M À nào riêng một mình tôi nhiều người nữa, rất nhiều, có cả những đứa trẻ vừa sinh ra khỏi bụng mẹ, có cả đứa con ở trong bụng mẹ nữa. Bom đạn không có mắt, nó vô tội nhưng người ta dùng nó, người cầm súng mà bắn cầm lựu đạn mà

ném chẳng có lẽ họ cũng vô tội mà không bị phán xét, nhưng không ai phán xét không có gì phán xét cả. Tội và vô tội như nhau nhiều lúc tội nghĩ bậy bạ vậy đó. Con hồ ăn thịt người rồi ngủ yên, người giết người không ngủ yên chưa chắc, người ta nói vậy để cố bảo rằng người ta cao quý hơn súc vật nhưng chưa chắc. Nếu như họ nói thì chẳng ai ngủ yên hết, nhưng sự thực họ vẫn ngáy khò khò...

Tôi đứng lên, buổi chiều đã gần tan, Tân vẫn ngồi im hút thuốc :

Anh lên phòng sao ?

— Tôi lên, tôi cảm thấy lạnh.

— Lúc nào buồn anh xuống tôi chơi tôi ở chỗ nhà bếp, phía sau nơi người gác ở.

Tôi trở lên, lúc đứng ở hành lang ngó xuống tôi vẫn thấy Tân ngồi bất động trên ghế như một pho tượng đá.

Mấy hôm liền tôi nằm dài trên giường không ra khỏi phòng, cô y tá hỏi tôi sao không xuống đi dạo, tôi nói chờ người vào thăm, nhưng rồi không có ai vào, cô y tá bảo :

— Chắc cô bạn bạn, hay quên anh rồi.

— Sao cô nghĩ thế, tôi không có bạn gái.

— Thật sao ?

— Cô có gặp cô nào vào thăm tôi không, tôi đang nghĩ tới lúc ra, nghĩ đến cái mặt gớm ghiếc.

Cô y tá tỏ vẻ tội nghiệp. Buổi chiều, sau một giấc ngủ ngắn tôi trở dậy và xuống đi dạo trong sân, lúc sau chợt nhớ tới Tân, tôi đi ngang qua hành lang xuống nhà bếp, những người đàn bà đang làm cơm, họ rửa rau, vo gạo trong những cái bể lớn những chiếc chảo gang đen để ngùn ngang dãy nhà bếp chạy dài đen khói và ồn ào tiếng nói, lửa cháy đỏ trong dãy lò xây bằng gạch áp vào tường.

QUA khỏi một chút, tôi tới một khoảng đất không, áp với bờ tường là nhà của người gác cổng, trên cửa sổ ngó ra phía cổng ra vào có bày bán những kẹo bánh lật vặt, người gác cổng còn có bà vợ chuyên mớm nấu nước sôi bán cho những người trong nhà thương dùng, luôn thế bà ta còn nhận giặt quần áo, mua bán hộ những người nhờ cậy. Tôi nhận ra Tân đang đứng nơi cổng ra vào dành riêng cho nhân viên trong bệnh viện, anh đứng nơi cánh cửa sắt, hai tay giữ lấy chấn song, anh ta đang nói chuyện với một chị bán hàng rong ở phía ngoài, chừng như Tân nói đùa gì khiến cho chị ta cười rồi bỏ đi. Tân đứng im một lúc rồi chống nạng quay vào, nhận ra tôi Tân mỉm cười nụ cười khô khan, tôi thấy Tân xanh mướt chừng như xanh hơn mấy hôm trước đây, đôi mắt đại thất thần nheo nheo đôi mi húp xuống một mẻ thiếu ngủ. Chiếc áo cánh trắng màu nước dừa mềm nạt phủ thân hình gầy như sô lệch. Tôi nói :

— Trông anh gầy lắm, cái chân anh vẫn đau sao ?

— Không, tôi lành rồi — Tân nhếch mép nhưng tôi sắp chết.

— Sắp chết ! thế còn mối tình đó.

Tân à lên một tiếng cụt ngủn, Tân đưa tôi vào phía sau chỗ nhà người gác nơi hẻm nhỏ kê một chiếc ghế vải áp vào tường và che ra ngoài bằng một miếng vải, chừng như là thứ bao bột mì loại ra. Tân chỉ vào chiếc ghế bần thiu nói :

— Nhà tôi đó, lúc mưa gió thì ôm chiếu lên phòng đợi bệnh viện, nghĩa là mình có một cái nhà lưu động. Tôi sống nửa năm như thế rồi. Nay mai khi nào sắp chết tôi sẽ là một bệnh nhân lăn nữa, rồi được mang xuống nhà xác. Có người bảo như thế là hạnh phúc, vợ nhà thờ, ốm nhà thương, chết nghĩa địa lại có chính phủ chôn cất vậy

còn đòi gì nữa. Nhưng có khác một điều là mộng của tôi không phải thế. Anh có quê không ?

— Có nhưng tôi không biết quê mình ra sao. Tôi là một thứ thị dân không gốc.

Tôi là một thứ nông dân bị bức khỏi đồng ruộng, để trở thành một kẻ đứng góc đường ăn xin. Phải rồi, ăn xin chứ tôi còn làm gì được nữa. Tôi cũng sắp chết rồi, anh nhìn tôi. Tại sao tôi lại thế này ?

Tân nhích người ngồi sát dựa lưng vào tường lấy thuốc ra châm hút :

— Tôi vừa có một món tiền, Tân mỉm cười moi tiền từ trong túi ra cho tôi coi, chắc anh nghĩ làm sao tôi có tiền, làm sao tôi sống, lúc trước tôi có ý định tìm cách trở về quê nhưng bây giờ thì không tính về nữa dù về để chết tôi cũng không về. Về để làm gì, làm khổ những người còn sống, tìm một ít lòng thương hại của những người thân ban phát cho sao ?

TÔI nghĩ, nhiều người khổ hơn tôi nhiều, một quê hương tôi không biết có lẽ đó là một bất hạnh, nhưng còn Tân, những người bị bức ra khỏi đó không thể trở về được. Tôi chắc Tân sống nhờ vào tiền của những người thân từ quê gửi ra. Một trái lựu đạn tung vào, Tân bị thương mang đi. Tôi nói :

— Bây giờ anh được cứu sống rồi, sao anh không tìm cách trở về, anh còn bà cụ ?

— Tôi còn một bà mẹ, một người anh cả, bởi vậy tôi không muốn trở về. Có lẽ mọi người ở nhà cũng nghĩ tôi chết rồi. Mẹ tôi anh tôi suốt từ nhỏ tới giờ chưa biết Hà Nội, bố tôi chừng như biết một vài lần. Dân làng tôi như thế cả. Họ chỉ biết lũy tre xanh, biết đất khô biết đói khổ, biết chịu đựng, rồi chết. Bây giờ thêm chiến tranh họ biết súng biết bom biết lựu đạn biết đào đường biết Tây hiệp dân biết du kích ám sát... Tôi còn về đó làm gì ? Có

lẽ tôi là một người tuyệt vọng, anh còn mơ tưởng, ước mong, xây dựng, còn tôi, tôi không nghĩ gì nữa.

Giọng Tân dỗi lên từng lúc chua chát đau xót rồi lả xuống buồn bã. Tân đưa tay ra trước mặt tôi, vén tay áo lên chỉ vào chỗ khuỷu nơi mạch máu. Tôi nhận thấy vết tiêm nơi mạch máu Tân cười :

— Tôi bán máu để sống. Đêm qua tôi mới bán được một ít tiền đó. Bán cho một kẻ tự tử. Cô gái đã được cứu sống bởi máu của tôi.

Tôi rung mình xúc động quay đi, giọng Tân đều đều :

— Chẳng hiểu sao Tây nó lại bỏ tôi lên xe cùng những người bị thương, trong đó có cả Tây họ chở tôi đi, đi suốt mãi cho tới đâu khi tôi biết tôi sống thì tôi cũng hiểu tôi đã đi qua những đâu để tới đây chung quanh những người xa lạ tôi được cứu sống rồi tôi được thả ra, tinh thần nhân đạo của người ta là cứu tôi sống nhưng họ không nghĩ thêm tới điều này : cứu sống để làm gì và sau đó. Hay là những người khác đều được nuôi sống trừ tôi. Không chết để rồi phải sống khổ sở thì thà chết còn hơn. Tôi tiếc, tôi tiếc... Tôi phải sống. May tôi được ông gác ở đây thương tình cho tá túc tạm bợ, đã nhiều lần người ta đuổi tôi đi, họ đuổi cũng phải, người ta bảo tôi kiếm đến nhà tế bần, tôi lại người ta không nhận vì tôi còn khỏe và ở đó cũng không còn chỗ, những người tàn tật không gia đình, không nhà cửa sống chen chúc trong mấy dãy nhà như cái chợ, không đủ ăn họ phải đi xin tối về chen nhau ngủ như chuồng súc vật, lâu lâu mới có một lần bố thí thì bọn trông coi nó ăn hết. Tôi đến hội nạn nhân chiến tranh người ta phát cho một cái chăn nhỏ như cái khăn lớn, một hộp xà phòng hai gói thuốc lá một hộp bơ hai hộp thuốc đánh răng, một cái bàn chải và năm chục bạc.

Người ta cứu giúp như vậy đó. Tôi đành trở về đây, tôi giúp ông gác quét sân, lau phòng đợi. Sau tôi thành người bán máu.

Tân ngừng lại một lúc, Tân hỏi :

ANH uống nước không, để tôi lấy cho anh.

Tôi chưa kịp trả lời Tân đã đứng lên đi vào trong nhà người gác, lúc sau Tân mang ra đưa cho tôi một ly nước trà nóng và một miếng bánh mặn, Tân cũng cầm bánh mặn ăn. Trước mặt tôi là một khoảng đất trống cách tường với dãy nhà nội thương, một dãy cây bàng cao mùa lạnh đã làm trụi lá, thân cây già mốc mếch, dọc theo lối hiên có một hàng cây thấp được cắt xén ngay ngắn tôi nói :

— Anh chịu đựng gì được mãi, trông anh xanh lăm, anh không thể làm gì khác sao?

— Anh bảo tôi làm gì ? Tôi ăn uống mấy ngày thì lại người, tôi sẽ có máu mới tôi biết tôi yếu dần đi nhưng tôi chưa chết được. Người ta trả tiền tôi để tôi nuôi máu. Đâu cũng vào đấy. Tôi được sống mà người ta cũng sống, tôi nghe nói, người cho máu nhiều còn tặng huy chương, giấy ban khen nữa, tôi không cần những thứ ấy, tôi cần tiền. Anh cũng biết trong bệnh viện này không có máu tích trữ, nhiều trường hợp chết vì vậy, chiến tranh nhiều bệnh nhân lắm, có tiền nhiều khi cũng không có máu vì có nhiều loại máu không có. Có bao giờ tôi nghĩ được rằng tôi có một thứ để bán mà nuôi sống mình đâu. Tình cờ, hoàn toàn tình cờ. Tối hôm ấy đã hơi khuya, xe cấp cứu mang đến một người, người ta la lên kêu mở cửa trong khi ông gác còn kiểm gì đó, tôi ở ngoài vội đi ra mở hộ cửa, rồi tôi phụ với người ta mang bệnh nhân vào, một người đàn ông đứng tuổi bị nạn xe hơi bệnh nặng phải giải phẫu, mất nhiều máu mà trong nhà thương thì hết rồi, chợt ông bác sĩ thấy tôi, ông hỏi tôi, máu loại nào,

tôi nói loại E, ông hỏi có giúp người ta không, người vợ bệnh nhân năn nỉ tôi cứu mạng chồng bà ta, tôi nói nếu cứu được tôi không tiếc, lúc đó tôi đâu nghĩ tới tiền bạc gì, tôi thấy tội nghiệp nên tôi giúp họ, người kia được cứu sống, người ta trả tôi một số tiền lớn vì họ là người giàu. Tất nhiên tôi cần tiền, đã bao lâu rồi tôi đâu biết tiền bạc là gì, tôi sống nhờ vào những thứ ăn thừa trong nhà thương

Tôi có một món tiền và từ đó tôi chờ đợi người ta cần tới tôi, cứ như thế, người ta cho tiền, tôi có máu và bán một cách không chính thức, khi nhiều khi ít, tôi nghĩ tới một lúc tôi không còn một giọt máu trong người sau một lần cứu sống ai đó, tôi lăn ra chết thế là xong, chắc lúc đó cũng không ai nghĩ đến chuyện tiếp máu cho mình nữa. Thật tức cười... Mọi người đều sung sướng đều có tương lai trừ tôi.

Tôi ngó vào mắt Tân :

— Anh chắc mọi người đều sung sướng ? Tôi không tin, mỗi người một hoàn cảnh, có lẽ anh nghĩ tôi sung sướng ?

Ít nhất anh cũng không như tôi, ốm có người thăm có người tiếp tế rồi có chỗ để về có giường để ngủ, có nhà để ở. Tôi đứng lên rủ Tân đi dạo, Tân nói hôm nay mệt, không muốn đi dạo, Tân hỏi :

— Chắc anh cũng sắp ra nhà thương ?

Bác sĩ chờ coi cái mắt cho tôi đã, tôi cũng chưa biết tôi về đâu.

— Thế gia đình anh ?

Có gia đình nhưng tôi không còn cha mẹ . Có chỗ để về nhưng không phải là chỗ tôi muốn về. Tôi đã nói với anh : mỗi người có một hoàn cảnh. Anh có quê mà không muốn về, tôi có nhà mà không phải là nhà để về. Gần giống nhau. Lúc nào anh lên phòng tôi chơi.

TÔI trả cái cốc không lại cho Tân rồi trở lại nơi sân bệnh viện. Trời lạnh se se. Tôi nghĩ tới Hiền, tới Vịnh, hẳn đã đi chưa, có chỗ nào cho người ta tới nữa. Trương ra sao. Tôi ngồi nơi ghế đá mãi tới lúc trời nhá nhem mới lên phòng. Tân đang tự tử dần rồi Tân sẽ chết. Tôi có thể giúp gì cho Tân? Tôi tự mỉm cười chua

chát với chính mình, tự tôi cũng không giúp gì được tôi còn nói chỉ tới người khác. Trong đêm tối, đứng trên bao lơn ngó xuống tôi thấy mịt mùng, chừng như tôi bị giam vào một nơi hoàn toàn cô lập. Chiến tranh còn kéo dài tới bao giờ. Tôi nghĩ tới mẹ của Vịnh, mẹ của Tân, những giọt nước mắt cho những đứa con của họ. Nếu tôi có một phép lạ...

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ ★ LÁ BỐI XUẤT BẢN

Chủ nhiệm : VÕ THẮNG TIẾT

**Thư từ, bài vở,
ấn phẩm gửi về:**

HOÀI KHANH

190, Lý thất Tò — SAIGON

Bưu phiếu xin đề:

Cô CAO NGỌC THANH

Đ.T. SG. 026

hằng hà sa

HUY HOÀNG TRƯỜNG CỬU

Tôi đóng cánh cửa sổ lại ; thế là căn phòng trở nên âm u ; bên ngoài nắng buổi chiều vàng vọt, bệnh hoạn, thật phù hợp với không khí của bệnh viện. Tôi có thói quen từ lâu hay đóng cửa sổ, đóng hết cả bốn cánh cửa sổ để khỏi phải đón nhận những tia nắng yếu đau từ đâu đưa lại, để khỏi phải nhìn từng đoàn máy bay ồ ạt lên xuống ở phía phi trường. Và nằm yên sau những giờ mỗ xẻ mệt nhọc, gắp từng viên đạn, khâu từng vết thương. Nhưng thường thường nào có nằm yên được ; bệnh nhân không gọi tôi dậy thì chính lòng tôi gọi tôi ; tôi sợ nhất là chính tôi lay tôi, vỗ vai tôi, chính tôi không cho tôi yên nghĩ. Càng sợ lại càng bị gọi, như thế

nhiều lần lắm rồi, như chiều nay chẳng hạn ; tôi đóng cánh cửa sổ lại, thế là căn phòng trở nên âm u ; như chính con người tôi mỗi ngày một trở nên âm u ; như những đám mây mùa đông mỗi ngày một dày đặc. Có lẽ tôi quy lỗi cho những niềm vui bé bỏng không thực hiện được nữa ; tôi có ham những nỗi vui mừng hạnh phúc rộng lớn đâu ; tôi chỉ thích và chỉ có những ước mơ rất bé, nhỏ và nhẹ như những sợi tơ trời vào những buổi chiều thu lang thang trên nền trời xanh nhạt. Thế mà tôi đã mất chúng, từ bao năm nay, không phải lỗi tại tôi. Tôi không quy lỗi cho ai, hẳn học mà đổ tội cho ai, nhưng tôi biết chắc là không phải lỗi tại tôi. Bây giờ nằm yên, đặt tờ báo đọc

dở lên mặt, muốn ngủ một giấc mà không thể ngủ được, mới đoán chắc rằng không phải lỗi tại tôi nếu những ước mơ bé bỏng đó không thực hiện được, nếu những niềm vui nhẹ như tơ trời đó bị đánh mất đi.

NĂM nay tôi lớn rồi, mẹ tôi bảo thế, chị tôi bảo thế và người con gái yêu tôi cũng bảo thế. Nhưng tôi không muốn lớn, bởi những thú vui tuổi thơ tôi chưa hưởng hết, những ước mong nhỏ bé thực hiện nửa chừng thì đã bị đánh cắp. Để tôi cho ví dụ, để anh hiểu tại sao tôi hay đóng cửa để khỏi phải nhìn những chuyến máy bay ồ ạt lên xuống ở phi trường, để khỏi phải đón nhận những tia nắng ồm ồm từ đâu mang lại, khác hẳn những cụm nắng tinh anh của những cánh đồng lúa vàng mỗi lần tôi đi trên chuyến xe lửa từ miền Trung vào Nam vào những ngày cuối hạ năm nào. Hồi nhỏ, và ngay cả bây giờ nữa, có ba điều tôi thích nhất: đó là đi dạo dưới trăng, được người thân tiễn đưa mình ra đi bằng xe lửa và tiễn người thân ra đi trên những chuyến máy bay. Đây những sở thích, như thế đó, nhỏ lắm, mà bây giờ tôi mất hết. Saigon không bao giờ có trăng, ai cười tôi ngơ ngẩn thì tôi chịu, chứ bảo Saigon có trăng thì tôi không đồng ý. Rồi cái cảnh bước lên xe lửa vào buổi sáng tinh sương, nhận một món quà mọn «đề em ăn đỡ khát lúc đi đường» của chị tôi cũng mất luôn. Những người chị tôi vẫn có tật là chờ lúc nào còi xe lửa hú lên, báo hiệu tàu sắp chạy mới trao quà cho tôi; tôi cầm gói quà và

nhìn những chiếc áo dài xanh cho đến lúc tàu ngoặt sang một tí, bụi tre chắn lối nhìn và thành phố Huế mất hút đằng sau; mỗi lần như thế tôi lại rung rung nhìn thật kỹ niềm vui nhỏ bé đó của tôi và hứa hè sang năm lại về, để khi đi, lại được các chị tiễn đưa. Nhưng năm sau tôi trở về thăm gia đình vào mùa hè thì phải mất bốn ngày mới đến Huế đáng lý chỉ mất có hai đêm một ngày. Chuyến tàu phải dừng một đêm tại một trạm nhỏ trong rừng vì đường rầy bị gỡ mất mấy trăm thước. Nằm một đêm ở giữa rừng tôi nghe xa xa có tiếng súng nổ. Sau này lúc trở vào ba tôi bắt đi máy bay. Vù một cái, chừng hai tiếng đồng hồ là đến Saigon; hết rồi những cảnh tiễn đưa ở ga Huế với những tà áo xanh buổi sáng tinh sương, hết rồi lời dặn dò «đề em ăn đỡ khát lúc đi đường», hết rồi màu nắng vàng tinh anh của các cánh đồng ruộng được mùa, hết rồi cảnh chia tay thăm lặng của đôi tình nhân ở một ga nhỏ, mưa lất phất đủ để gây kỷ niệm cho một lần tiễn đưa. Và thế là, từ ngày ba tôi dặn «con nhớ về bằng máy bay kéo nguy hiểm», tôi mất đi niềm vui thứ hai: được người thân tiễn đưa mình ra đi trên một chuyến xe lửa.

CHƯA hết; năm tôi hai mươi tuổi: thẳng bạn thân tôi đi Mỹ du học; một năm sau cô bạn của em tôi lên đường sang Nhật. Tôi bỗng có dịp rung rung nhìn những chiếc máy bay vút lên trời, hùng dũng, mang người thân ra đi. Đứng ở phi trường tôi lặng người vì những ý nghĩ bay nhảy trong đời của một người con trai. Sau này mấy

lần tôi được đi xa, ngồi trong lòng chiếc Boeing 707, tôi cũng không thấy sung sướng bằng lúc đứng ở phi trường nhìn máy bay vút thẳng lên trời.

Tôi mất luôn những nỗi sung sướng đó nốt ; không phải tại bây giờ tôi không được phép nhìn tận mắt cảnh người thân leo lên chiếc máy bay và một cái tung trời thổi gió, đi mất. Tôi còn có rất nhiều dịp nhìn cảnh hùng dũng đó của một chuyến bay, ngày, đêm, nhưng tâm tình không thể còn như xưa, niềm vui không còn lâng lâng, không còn dạt dào như mấy năm về trước. Hoàn cảnh đã đổi thay ; bây giờ tôi chỉ nhìn những chiếc máy bay xé không gian, giập dữ ồ ạt, như vừa rời ở phi trường Nha Trang, những chiếc Skyraider bụng đầy bom đạn, nhào lên, hùng hổ, bay đi. Mười phút sau trở về từ từ hạ xuống. Tôi chú ý thấy bom đạn đi mất đằng nào rồi. Trong mấy phút mấy chục chiếc Skyraider lên xuống, lúc đi thì thật nặng, lúc về bụng trống trơn. Tôi ngáy người đếm mãi, nhìn mãi đến nỗi người con gái ngồi cạnh tôi phát cáu. « Giờ này (giờ này tức là giờ mà hai đứa sắp phải xa nhau), mà anh còn nghĩ đến, đếm mãi mấy chiếc máy bay vô tri đó được sao ? ». Tôi mỉm cười chua chát. Chúng nó mà em bảo là vô tri à ; chúng nói chuyện với anh nhiều lắm đấy, từ nãy đến giờ. Nghĩ thế nhưng tôi không nói ra, sợ lại phải to tiếng với một người con gái, để tình yêu lúc phải xa nhau cho trọn vẹn.

ĐẤY, ba niềm vui nhỏ bé, thường ao ước, tôi đã mất đi. Tôi thường gọi chung là những phút huy hoàng

của đời tôi. Miệt mài ra vào lợi danh, tranh chấp, đồ kỵ, tôi cho đó là những đen tối nhất của đời người. Thế nhưng tôi không tìm lại được những phút huy hoàng đó nữa ; chúng đi mất rồi, không phải lỗi tại tôi. Tôi đã hai mươi mấy tuổi rồi. Mẹ tôi thường bảo : « Con không biết, chứ hồi con mới sinh ra ba con đã bị tui nó nghi ngờ (tui nó tức là tui Tây), rồi con năm sáu tuổi đã bắt anh con công lên vai chạy giặc. Tản cư về con đau một trận bán sống bán chết vì ba con bị tù không ai «bốc» thuốc cho. » Rồi lúc nào kể chuyện mỗi dịp về nghỉ hè, mẹ tôi cũng bắt đầu « con không biết chứ hồi đó... » Tôi không biết thật, ở với mẹ mãi thì có biết thêm được gì đâu, tình thương của bà mẹ lên quá đầu che hết cả đôi mắt làm sao mà thấy được. Tôi không biết gì cả cho đến lúc tôi bỏ Huế mà đi, cho đến lúc xe lửa bị gỡ đường rầy, nằm giữa rừng, đêm nghe có tiếng súng nổ ; cho đến lúc tôi bị giam trong «xà lim» chật hẹp và nhìn ra ngoài qua khe hở, thấy sao trời lấp lánh, mới nghĩ được rằng chỉ có con người mới xây địa ngục cho nhau. Tôi không biết gì cả cho đến bây giờ mỗi buổi chiều mở cửa sổ nhìn những cụm mây xanh lại trông thấy cả một đoàn máy bay ồ ạt xé trời, mỗi buổi đêm nhìn lên trời nghe các vì sao thăm thì với nhau lại nghe xa xa tiếng súng nổ, gần quá.

Lúc tôi biết được nhiều như một đêm phải mò mấy đứa nhỏ một lượt toàn là vì ham chơi không nghe lời mẹ dặn nên nhắm phải đạn, trúng phải mìn, thì tôi đã mệt mỏi quá, muốn yên thân, muốn ngủ vui một giấc.

chẳng cần nghĩ đến những phút huy hoàng, những ước mơ bé nhỏ mà không thể nào thực hiện.

LÀ N này thì tôi đồ thừa, quy lỗi cho thầy NH. Thầy không cho tôi yên, cứ kể mãi chuyện Pomona và Phương Bối. Sao thầy không để cho tôi trẻ giữ con Datino lại ; ít nhất tôi nó cũng nâng niu con nai vàng đỏ ; thầy thả nó về rừng thì thôi rồi, bây sói ăn thịt mất. Tôi vẫn chê là Thầy lý tưởng thái quá. Con nai vàng mà ngơ ngác đập lá vàng khô kêu xào xạc tài đẹp thật đấy, nhưng núi rừng không tha nó đâu. « Như con đây này, đời có tha cho con đâu ». Tôi nói với thầy như thế đó, cuộc đời có tha cho tôi đâu. Nó cướp mất những phút huy hoàng của tôi rồi. Nó không cho tôi trở lại Phương Bối lần thứ hai để nói chuyện với núi rừng nữa ; để đốt lửa ; đốt lửa cao ngất trên ngọn đồi của Phương Bối một đêm nào của năm 60.

Hồi đó chúng tôi lên thăm thầy ở Blao. Mỗi đứa có một dự định lúc đi. Riêng tôi, tôi chỉ muốn xa Sài Gòn vài ngày để đỡ ngột thở. Thế thôi. Sau đó tôi đã tiếc rẻ là tại sao Phương Bối chỉ giữ tôi lại có một đêm. Một chuyến đi có đầy đủ điều kiện cho tôi thích thú. Có bạn, có thầy, có lửa, những đốm lửa như hoa bay vút lên trời, trong đêm đen, rồi mất vào khoảng không vô tận. Có cả hội thảo và nhất là có cả cơm chay nấu theo lối thứ làm mấy chị trong này tấm tắc khen ngợi mãi. Tôi vẫn thích nhất là ăn xong, thầy cũng như trò, trai cũng như gái, xắn tay áo, vác củi, từ đặng

xa, chất thành đống để đốt lửa. Hồi đó sao mà yên ổn thế nhỉ, Núi mà cũng hiền, đi chơi xa thì chỉ sợ « vất » thôi chứ không sợ cộp... Tiếc thật. Bây giờ mà đi chơi đâu, có lẽ cộp tôi cũng không sợ, vất cũng không đáng ngại, chỉ sợ người. Người hút máu người nhanh hơn vất ; cộp cũng thua người về chuyện hút máu.

Bạch thầy,

ĐỀ M đó con ngủ chung một ghế bô với Dương. Để con kể lại chuyện này cho thầy nghe. Năm được một chốc chừng 11 giờ đêm thì cái ghế bô gãy. Dĩ nhiên là lỗi tại anh Dương, con gãy thế này thì làm sao làm ghế gãy được. Hết chỗ để ngủ con trở dậy nhìn núi rừng và cầm giấy bút viết vớ vẩn. Để con chép lại thầy xem để thầy thấy những phút huy hoàng con mất đi không phải lỗi tại con, cũng như cái ghế gãy là lỗi tại anh Dương. Hồi đó con viết nhiều lắm, có một đoạn như thế này «Tôi đi sâu vào lòng đêm. Đêm của rừng núi yên tĩnh đến lạ lùng, bởi tôi đang nghe tiếng thời gian chạy dài trên vạn vật. Bây giờ chỉ có Phương Bối am là đang sáng, tất cả đều tối đen như mực. Tôi đến Blao vào một buổi chiều không mưa, trời xanh xanh và mây hiền lành. Đường dài và đỏ lúc thẳng quá. Chiếc xe thì lúc nào cũng vội vã. Sao lúc đi tôi lại lần thẩn đến thế, cứ nghĩ rằng con đường sẽ không hiện hữu nếu không có xe và ngược lại. Ấy, không lẽ vạn vật lại chỉ là một sự phù hợp mà một yếu tố mất đi thì tất cả chỉ là con số không ! Đi

trên xe tôi ít nói quá, càng xa Saigon tôi lại càng không muốn nói, tôi thích trả lại yên tĩnh cho lòng tôi. Cho đến bây giờ khi đêm đang yên giấc trên núi đồi thì tôi lại miên man suy nghĩ.

Ánh lửa đốt ban chiều bây giờ không còn lách tách reo nữa. Chúng đang «cháy» trong yên lặng. Tôi đang nằm im ở đây không trở mình. Các bạn tôi đang yên lặng ngắm vòm trời đầy sao sáng. Tất cả đang trả lại hoàn toàn sự yên tĩnh cho Phương bối am. Chỉ có sự thanh tịnh là đáng quý. Quay cuồng cho lắm rồi cũng là hư ảo ; mình sẽ không bao giờ gặp lại mình nữa, bởi cái «tôi bản thể» đã lui về để nhường chỗ cho cái «tôi hiện tượng» đầy ố bĩ. Càng lớn lên càng chôn sâu vào u tối cái «tôi bản thể» mà tôi nghĩ chắc nó trong sáng lắm.

Đêm Blao lạnh quá. Hồn thiêng của núi đồi đang chừng như u uất lắm. Tôi đang nằm trong lòng ánh sáng bạch lap. Tôi muốn đem ánh sáng của ngọn nến soi vào sâu thẳm của núi rừng. Tôi đã thất bại, bởi trong một trở mình, trong một khoảnh khắc đổi hướng đời, tôi cũng đủ vừa mất ánh sáng đó mà giờ đây là nguồn sáng độc nhất. Ánh sáng 100 waths của thị thành chỉ làm tôi chói mắt. Đem nó đến đây thì nụ trà sẽ không thơm nữa, núi đồi sẽ trơ trẽn và chúng tôi sẽ không cùng nhau yên ổn đứng nhìn vòm trời đầy sao sáng ».



TÔI quy lỗi thầy NH đã không để cho tôi yên. Lúc này bận rộn, nhọc nhằn, bắt tôi nhớ về Phương bối

am tức là bắt tôi đi tìm lại những phút huy hoàng đã mất. Chỉ hoài công, tìm làm chi ra được. Tôi oán thầy lắm Sáng hôm sau khi ngủ một giấc ngắn với cái lạnh tê tái của núi rừng ban đêm, chúng tôi lại trở về Saigon. Mỗi đứa được Thầy tặng một câu viết trên một tấm bìa cứng màu vàng. Thầy chép cho tôi một câu trong Samyutta Nikaya « Il viendra un temps où l'océan puissant s'assèchera, disparaîtra et n'existera plus. Il viendra un temps où la terre puissante sera dévorée par le feu, péri-ra et n'existera plus. Mais cependant il n'y aura pas de fin aux souffrances des êtres qui, aveuglés par l'ignorance et pris au piège du désir, se pressent et se hâtent au travers de la ronde des renaissances ». Bây giờ đọc lại tôi giận thầy thực tình ; giận nhưng mà thương. Mẹ tôi thì cứ bảo với tôi, chỉ cho tôi thấy, kể cho tôi nghe sự cay đắng của một kẻ sinh ra trong chiến tranh, lớn lên trong khói lửa và trưởng thành trong tranh chấp. Nếu mẹ tôi không kể chuyện và anh chị tôi không lặp lại câu này khi mẹ tôi nói xong « hồi nớ mi sương chết đi, có chạy giặc thì cũng có anh H. công », thì tôi cũng không biết thân phận lửa tuổi chúng tôi khổ đến thế. Mẹ tôi cho tôi biết thế. Đến lượt thầy tôi cho tôi biết nhiều hơn, còn vô minh thì còn khổ bất tận, dù biển có khô đi, trái đất có bị đốt cháy đi, nỗi khổ của con người do chính sự kỳ thị, tranh chấp, đố kỵ của chính nó gây nên. Tôi biết thế, tôi giận thầy lắm nhưng tôi vẫn thương.

như tôi thương mẹ tôi, anh chị tôi đã
cống tôi chạy giặc năm tôi lên sáu.

Đề tôi kể tiếp. Tôi xem ngày ở
Phương Bối như những phút huy
hoàng, nên khi phải quay lại Saigon
tôi buồn lắm, sự nhớ đến câu

« Thà một phút huy hoàng rồi
chợt tối. Còn hơn buồn le lói suốt
trăm năm » tôi viết lên giấy và làm
phông vắn chớp nhoáng các bạn tôi
ngay trên xe để xem ý kiến họ như
thế nào về vấn đề huy hoàng của
cuộc đời.

Tôi được thầy và các bạn cho các
câu trả lời sau nhân hai câu thơ trên.

Thầy : nguy hiểm.

Chị Diệp : tôi không muốn huy
hoàng cũng không muốn buồn le lói.

Chị Phương : Tôi muốn buồn
le lói muôn số kiếp để cho tất cả
hay ít nhất cũng một người được huy
hoàng.

Chị Chi : thích câu thứ nhì

Chị Bích : tôi muốn huy hoàng
mãi mãi

Anh Dương : có định rõ một
quan niệm rộng hơn về thời gian
không ? Xin nêu một vấn đề, có thể
lấy thời gian để đo lường mê ngộ.
Theo đuổi một huy hoàng chốc lát
phải chăng là mê, theo đuổi một huy
hoàng trường cửu phải chăng là ngộ.
Xin thầy cho biết ý kiến.

Ý thầy : Huy hoàng trường cửu
thì không cần phải « theo đuổi ». Nó
đang hiện hữu trong và quanh ta, chỉ
vì ta không thấy nó.

oOo

TR Ờ I ơi, hồi đó trở về Saigon mà
tôi không tiếc nhớ Blao quá lắm
cũng nhờ câu sau cùng của thầy.
Và bây giờ, nếu lúc tôi đã đóng
cửa sổ lại cho căn phòng âm u, nếu
trong suốt mấy năm nay, tôi không
đập phá, không thét lên, không chửi
vào mặt những ai gây ra cảnh chém
giết hằng ngày mà chính chúng tôi
phải gặp đạn, khâu vết thương, nếu
tôi không quy lỗi cho ai về chuyện
những ước mong nhỏ bé của tôi không
thực hiện được, nếu, nếu thế, cũng
chỉ vì tôi được biết rằng Huy hoàng
trường cửu thì không cần theo đuổi.
Tôi không thấy nó, chứ nó hiện hữu.

Tôi thiếp đi trong giấc ngủ bình
yên ; để đêm đêm, sau một ngày mệt
nhọc vì bồn phận, tôi thầm cầu
nguyện cho đất nước thanh bình, tôi
trở về và cài hoa lên tóc người con
gái tôi yêu thương.

17-10-65

NHÀ IN

HY MÃ LẠP SƠN

Một nhà in lớn nhất của Phật giáo trang
bị nhiều máy in và kiểu chữ hoàn toàn
mới. Nhận in kinh, sách, nhật báo, tuần
báo, nguyệt san, báo nguyệt san, sổ sách,
ấn chỉ văn phòng...

190, LÝ THÁI TÔ SAIGON - Đ. T. : 25946



nói với tuổi hai mươi

NHẤT HẠNH

III

Lý tưởng không phải chỉ là sản phẩm của lý trí như Phạm công Thiện nói. Lý tưởng là sản phẩm của những ước vọng từ cạn nhất đến sâu nhất của con người và là động lực giúp con người tự thực hiện. Bởi vậy ta không thể nói như người trai trẻ họ Phạm rằng : « Con người hồn nhiên không có lý tưởng. Chỉ khi nào người ta mất mát rồi thì người ta mới tạo ra lý tưởng để tự đánh lừa mình bằng sự phiêu lưu vô định trong thế giới tư tưởng. Lý tưởng là những sản phẩm của lý trí : lý trí là ký ức ; ký ức là quá khứ ; là kinh nghiệm ; kinh nghiệm đánh mất hồn nhiên ».

Chúng ta không nên nghĩ rằng lý tưởng là một giả tạo của tư tưởng, để con người tự đánh lừa mình. Cũng không nên nghĩ rằng lý tưởng thì bao giờ cũng là đẹp đẽ. Lý tưởng biểu hiện ước muốn của con người và ước muốn ấy có khi không chính đáng. *Không chính đáng ở đây* không có nghĩa là trái chống với một nền đạo đức hay luân lý nào. *Không chính đáng ở đây* chỉ có nghĩa là không có tính cách xây dựng, lành mạnh, và còn đe dọa phá hủy những gì đẹp đẽ và mẫu nhiệm của hiện hữu.

Tôi muốn định nghĩa lý tưởng là

ước vọng, và là nhu cầu đạt tới sự thực hiện những ước vọng của một người hoặc một nhóm người. Vậy thì lý tưởng là một cái gì *phải có* đối với con người bởi vì ít nhất và cần nhất con người cũng *muốn có* cơm ăn khi đói, áo mặc khi rét. Xa hơn, con người còn muốn được thương yêu khi cô độc, được khám phá khi óc tò mò bị kích thích. Về sinh lý, chúng ta đều được cấu tạo như nhau, hoặc nói cho đúng, tương tự như nhau. Mà về tâm lý cũng vậy, bởi vì tâm lý dựa trên cơ sở sinh lý. Cái hợp thể *ngũ uẩn* của chúng ta (ngũ uẩn : sinh lý, cảm giác, suy tưởng, ý chí và nhận thức) trong lúc hiện sinh cũng cần có những điều kiện để được nuôi dưỡng và phát triển *như* bất cứ một hiện tượng nào khác, và có lẽ *hơn* bất cứ một hiện tượng nào khác. Cái hợp thể ngũ uẩn đó, như vậy, có những nhu cầu không bao giờ cạn của nó, và tôi gọi hình ảnh và động lực đạt tới sự thỏa mãn những nhu cầu ấy là lý tưởng.

N G Ư Ồ I chuyên môn hành lạc cũng có lý tưởng hành lạc của mình. Nếu hằng ngày, tôi có thể nghe những câu tương tự như : « đó là một nơi cắm trại lý tưởng », hay « đó là một cái *bar* lý tưởng » hoặc « đó là một thứ rượu lý tưởng », thì tại sao ta không thể định nghĩa lý tưởng như là những mong ước thỏa mãn những nhu cầu của chúng ta ? Có một điều cần nhớ là những nhu cầu của ta không bao giờ có thể được thỏa mãn trọn vẹn và khi nói đến lý tưởng là ta nghĩ đến

những gì chưa được thỏa mãn ấy. Tôi thấy bi kịch của một kiếp người là ở chỗ con người không sống được trọn vẹn cuộc đời của mình, chỉ thấy được một số nhu cầu rất cạn hẹp của ngũ uẩn mà không thấy được những nhu cầu thâm sâu nhất của ngũ uẩn. Do đó chúng ta thấy có sự lệch lạc đáng tiếc : có khi ta đòi hỏi ước mong những gì thực sự bản thể ta không cần đến và ta không biết đòi hỏi ước mong những gì mà bản thể ta, trong phần sâu thẳm và vĩ đại của nó, đang cất tiếng kêu gọi. Nếu ta biết hướng sự sống ta về những lý tưởng (tôi nhắc : những nhu cầu) này thì ta có thể phát triển con người của ta đến mức tốt đẹp và vĩ đại nhất mà nó có thể đạt được.

Có những nhu cầu do ta tự tạo ; những nhu cầu này có vẻ giả tạo và không thực sự cần thiết. Ví dụ thói nghiện rượu hay thuốc phiện. Ta tập cho ngũ uẩn ta một thứ nhu cầu để ngũ uẩn ta quen với nó, đòi hỏi nó, thiếu thốn nó. Và một khi sự đòi hỏi và thiếu thốn ấy trở nên độc tài rồi thì ta sẽ mắc kẹt vào nó không thể gỡ ra được nữa. Rượu và thuốc phiện là những gì không thực sự cần thiết cho sự tồn tại phát triển của hợp thể ngũ uẩn, trái lại, chúng phá phách và tàn hại hợp thể ngũ uẩn. Ta gọi là nhu cầu không chính đáng những thứ nhu cầu không thực sự cần thiết, những thứ nhu cầu tàn hại sự sống, ngăn cản đà phát triển của một hợp thể ngũ uẩn lành mạnh. Và như thế những nhu cầu này không thực sự là những nhu cầu.

Thực sự là nhu cầu thì chỉ có những gì giúp ta đạt tới sự mạnh khỏe, bình tĩnh và an lạc của hợp thể ngũ uẩn.

TA biết rằng có những người nương vào nghệ thuật (nhạc, thi, họa, v.v.) để tự đưa mình đến một mức sinh hoạt thực sự văn minh, thực sự cao đẹp. Có những người không bao giờ có thể thưởng thức được một bản nhạc tâm linh để cho tâm hồn mình vươn lên cao vút và trong sáng như sao trời mà chỉ có thể thấy được sự rung cảm rạo rực nơi những bản nhạc sầu đau hay cuồng loạn. Bằng bất cứ một bộ môn nghệ thuật nào, người ta cũng có thể đạt tới sự phát triển đến tận cùng bản ngã của mình. Yêu thương cũng là một nghệ thuật. Khám phá cũng là một nghệ thuật. Bằng con đường yêu thương hoặc bằng con đường khám phá, ta cũng đạt tới sự phát triển toàn diện bản ngã của chúng ta.

Ta thấy có những người không thể nào ngồi yên khi nghe nói đến một tai nạn vừa xảy ra cho một người bạn. Dù trời mưa rét, dù đêm khuya, những người này cũng tự nhiên rời bỏ gian phòng ấm cúng của mình để lặn lội đi trong mưa lạnh tìm tới nhà bạn. Tôi không muốn cho đó là mệnh lệnh của bản phân, của đạo lý. Tôi muốn cho đó là tiếng gọi của một nhu cầu. Nhu cầu của thương yêu, của sự bình yên tâm hồn. Nếu không bỏ gian phòng ấm cúng mà ra đi trong mưa lạnh, người kia sẽ cảm thấy thiếu thốn.

Thiếu thốn vì không đáp lại được nhu cầu thương yêu, vì không đáp lại được nhu cầu của sự bình yên tâm hồn. Những người như thế đã tìm thấy những loại nhu cầu có thể giúp họ phát triển con người của họ về hướng Chân Thiện Mỹ.

Có những người đi làm việc xã hội là để giết bớt những thì giờ trống trải, và có những người khác vì nhu cầu của thương yêu, vì nhu cầu của ý thức trách nhiệm. Thỏa mãn được những nhu cầu này, người ta cũng cảm thấy an lạc và hạnh phúc, và như thế, phần thưởng cũng sẽ rất ngọt ngào. Thường tình ai cũng thấy ngồi trong căn phòng ấm cúng là dễ chịu hơn đi trong mưa lạnh, nhưng một khi nhu cầu yêu thương và trách nhiệm đã trở nên rõ rệt, thì nhu cầu nhỏ bé của sự làm biếng sẽ bị mờ đi và trở nên không quan trọng nữa.

Omỗi con người đều có nhu cầu của sự phát triển toàn diện và tuyệt đỉnh của con người ấy. Trong đạo Phật nhu cầu kia được gọi là Phật tính (bởi vì Phật là gì, nếu không phải là sự phát triển toàn diện của con người đến mức cao nhất?) Nhu cầu kia thật là một tiếng gọi tha thiết nằm ngay trong bản chất của hợp thể ngũ uẩn. Nghe được tiếng gọi ấy là ta có thể bỏ dần được những nhu cầu giả tạo, những nhu cầu không thực sự là những nhu cầu, để đi tới. Đi tới đây nghĩa là phải ăn, phải ngủ

phải chơi, phải học, phải lo lắng, phải thương yêu, phải hành động. Ăn, ngủ, chơi, học, lo lắng, thương yêu và hành động thế nào để thân thể khỏe mạnh, để hào quang của một hợp thể ngũ uẩn có thể tỏa chiếu đến những sinh hoạt của các hợp thể ngũ uẩn khác. Em đừng nhìn tôi với cặp mắt e ngại như thế. Tôi không có ý muốn bảo em hãy ăn chay hãy tụng kinh hãy từ bỏ hết những sinh hoạt vui và trẻ của em đâu. Trái lại tôi muốn em được tự do, tự do phát triển để được thực sự sung sướng. Người ta không có thể thành Phật bằng cách sống một cuộc đời cực khổ, trái lại người ta chỉ có thể thành Phật bằng cách sống một cuộc đời thực sự sung sướng. Mà để được thực sự sung sướng, ta phải biết những gì là nhu cầu đích thực của ta và những gì không phải là nhu cầu đích thực của ta.

Tôi lấy ví dụ vấn đề ăn. Cổ nhiên là em có thể ăn bất cứ thứ gì các em muốn, bởi vì em có tự do. Cũng như Gide nghĩ đã là những *enfants de la terre* thì ta có quyền và có thể ăn bất cứ một thứ *nourritures terrestres* nào. Lẽ cố nhiên. Nhưng vấn đề không giản dị như thế. Ta còn xem coi lục phủ ngũ tạng của ta có thể chấp nhận được những món ăn nào. Để đừng làm hại tới sự an lành và phát triển của ngũ uẩn, em không thể ăn những món ăn có tác dụng tàn hại và gây rối loạn cho ngũ uẩn em. Thế thôi. Và em phải tự lựa chọn lấy món ăn. Nếu cần,

em nhờ sự giúp đỡ của một bác sĩ mà em tin cậy.

EM có quyền ăn, nhưng mà nếu vì ăn phải một món ăn không thích hợp với vị, em có thể đau bụng, và em phải ráng chịu. Đó là ý nghĩa của tự do, bởi vì tự do không thể không đi đôi với tình thần trách nhiệm. Tự do mà không có trách nhiệm thì không còn là tự do mà là tự hoại, mà là phá hoại.

Hãy ăn những gì ngon lành, thực sự ngon lành bây giờ và cả ngày mai nữa, cho khẩu vị của em, cho ngũ uẩn của em. Có những thức ăn bổ dưỡng, giữ gìn cho em một sức khỏe, một sự an lành, một sự tráng kiện thân thể cũng như tâm hồn. Có những món ăn không ngon và không bổ dưỡng nhưng ảo giác của em có thể cho là ngon và bổ dưỡng. Những món ăn ấy chỉ có tác dụng phá hoại. Có những món ăn thực sự ngon lành và bổ dưỡng mà chỉ vì không quen hay chưa quen, em cho chúng là dở và không cần thiết.

Đánh răng chẳng hạn, không phải là một nhu yếu tốt đẹp và chính đáng sao. Thế mà một số những người dân quê chưa quen, cho đó là một kỷ luật khó chịu, một cực hình. Đối với em, người đã được dạy đánh răng sau bữa ăn từ thuở nhỏ, thì đánh răng là một nhu cầu cần thiết. Em thấy khó chịu thiếu thốn mỗi khi ăn xong mà không có bàn chải đánh răng. Đó, em đã tìm thấy thêm một nhu cầu chính đáng nữa rồi, bởi vì đánh răng giúp cho em giữ gìn thêm được sự tráng

kiện của thân thể, ngăn cản được sự sinh sôi nảy nở của một số không nhỏ những vi trùng trong miệng.

TÌM thấy được lý tưởng của mình tức là tìm thấy được con đường do đó mà mình có thể đạt tới sự phát triển toàn diện con người của mình. Và tìm thấy được lý tưởng tức là tìm thấy được hạnh phúc. Sở dĩ ta thấy những lạc thú cuồng loạn bao giờ cũng chứa đựng trong chúng, tính chất bi thương và chết chóc là vì chúng không đích thực là những nhu cầu cần thiết của con người. Những nhu cầu cần thiết của con người, từ những nhu cầu của thân thể cho đến những nhu cầu của tinh cảm và trí tuệ, đều mang tính cách trong sáng, lành mạnh, xây dựng. Cho nên bí quyết thành công của một đời người là ở chỗ biết được những gì mình quả thực thiếu thốn và những gì mình quả thực không cần đến. Mà *những gì mình quả thực thiếu thốn* ấy không phải là ít ỏi, nhỏ bé. Đó là những chất liệu cần thiết để bảo vệ, nuôi dưỡng và phát triển của một con người. Thiếu thốn một số thực phẩm nào đó thì hợp thể ngũ uẩn kia không thể trở nên một con người xứng đáng theo nghĩa của nó. Được nuôi dưỡng bằng một số thực phẩm độc hại nào đó, hợp thể ngũ uẩn kia trở nên khô héo tàn tạ và không thể là một sức sống mạnh khỏe vươn lên.

THÂN thể, cảm giác, suy tưởng ý chí và nhận thức, mỗi thành tố ấy của con người đều có những

nhu cầu của nó. Ta không khinh thị thành tố nào trong hợp thể ngũ uẩn và cũng không khinh thị bất cứ một nhu cầu nào, của bất cứ một thành tố nào. Ta chỉ cần biết rõ ta là ai, ta là gì; chỉ cần biết đặc tính và thực trạng của thân thể, cảm giác, suy tưởng, ý chí và nhận thức ta để có thể tìm ra những gì hợp thể ngũ uẩn ta quả đang cần đến để được bảo vệ, nuôi dưỡng và phát triển. Không một hợp thể ngũ nào giống một hợp thể ngũ uẩn nào, vì vậy nhu yếu của mọi người không thể hoàn toàn giống nhau được. Do đó mỗi người phải tự tìm cho mình một lý tưởng thích hợp. Khi ta nói rằng *hai người kia cùng có một lý tưởng*, ta không nghĩ rằng tất cả những ước vọng, suy tư, sinh hoạt của hai người hoàn toàn giống nhau. Ta chỉ có thể nói rằng trong ước vọng, suy tư và sinh hoạt của họ có những điểm giống nhau và điều đó đã đưa họ tới gần nhau, nâng đỡ và hỗ trợ cho nhau. Cá tính của con người chính là do ở những điểm khác nhau kia tạo ra. Tuy vậy không ai có thể khác ai một cách tuyệt đối, bởi vì chính những cấu tạo sinh lý và xã hội của con người đã không thể khác nhau một cách tuyệt đối.

BỞ I vậy *khi ta có cảm giác* cho rằng không ai giống ta, ta hoàn toàn khác biệt với kẻ khác, ta làm bằng một thứ bột (pâte) khác hẳn với thứ bột làm nên những kẻ khác, cảm

giác ấy chỉ là ảo giác. Sự thực là tuy ta không giống ai, ta cũng là con người, là một hợp thể ngũ uẩn — và do đó ta có những điểm giống với kẻ khác. Và chính căn bản đó đảm bảo cho sự cảm thông chắc chắn là có thể có giữa người với người. Niềm tin này đánh tan được mặc cảm và ảo giác cô đơn nhất là thứ cô đơn bị nhận thức chủ quan của ta đẩy tới tuyệt đối nghĩa là tới mức bị thẳm. Ta chắc chắn có thể có những ước vọng và nhận thức chung với một người khác hay một nhóm người khác, điều này ta phải công nhận. Chia sẻ với họ những ước vọng và nhận thức của ta, ta sẽ không còn cô đơn nữa. Cuộc đời đáng sống, trước hết là vì ta có bạn, ta có những con người sống chung quanh ta. Sở dĩ người là nguồn đau khổ cho người là tại vì người đã vô minh, nghĩa là đã không sáng suốt để trông thấy nhân tính nơi người. Cũng chính là vì người đã tự nhốt mình trong chiếc vỏ cứng của ty hiềm của oán thù. Và cuối cùng chính là vì người đã không biết rõ được mình, không biết rõ được những gì mình đích thực đang thiếu thốn.

Có người nói rằng đời chỉ đáng sống khi có lý tưởng; nếu không có lý tưởng thì ta phải tạo ra một lý tưởng cho dù một ảo tưởng cũng được. Tôi thấy như thế thì bi thảm quá. Tại sao ảo tưởng lại có thể là lý tưởng được? Có những lý tưởng khó thực hiện và vì những điều kiện khó khăn hay trái ngược người ta có thể chưa hoặc là không thực hiện được, không phải vì

vậy mà lý tưởng đó được gọi là ảo tưởng. Nói rằng phải tạo ra một ảo tưởng để sống tức là cho rằng thực tại vốn không hàm chứa một cái gì đích thực là chân là thiện là mỹ. Vì con người chỉ có thể sống trong niềm tin rằng cuộc đời còn có một cái gì thực, lành và đẹp cho nên nếu quả thực cuộc đời không có một cái gì thực lành và đẹp thì ta phải tạo ra những ảo tưởng về thực, lành và đẹp cho cuộc đời để mà sống trong cuộc đời. Tôi không chịu cái nhìn bi thảm đó bởi vì tôi, và tôi biết còn có rất nhiều người khác nữa trong đó có lẽ có em, tôi biết chắc rằng cuộc đời quả thực có những cái thực, lành và đẹp. Những cái ấy có nhiều hay ít là do con mắt của chúng ta, do trái tim của chúng ta. Có những con đường thật đẹp với hai hàng cây thẳng cao vút, mang ánh nắng tươi xanh trên tàng lá của chúng: tôi biết em có lần đã thấy chúng đẹp, nhưng có thể trong liên tiếp năm sáu tháng trời em không nhìn thấy chúng chỉ bởi vì em đã đi dọc theo những con đường ấy với bao nhiêu khổ sở lo âu.

TÔI thấy chính hợp thể ngũ uẩn của em cũng đã là một cái gì mẫu nhiệm quý giá và linh thiêng. Tôi biết có khi em chán ghét thân thể em, chán ghét cảm giác, suy tưởng, ý chí và nhận thức của em. Có khi em coi hợp thể ngũ uẩn em như một vũng bùn lầy lội, nhầy nhụa, và em muốn chấm dứt sự liên tục của dòng ngũ uẩn ấy. Thực ra, chỉ vì nhận thức của em mà thôi. Hợp thể ngũ uẩn ấy có thể là một

vườn hoa, một ngôi đền thờ, và cũng có thể là một địa ngục, một tử thi hôi hám, điều đó là tùy ở em, ở nhận thức của em. Tất cả chỉ là một vấn đề *nhận thức*. Em không cần chán ghét hủy bỏ em, chán ghét hợp thể ngũ uẩn em. Trong bản chất, nó không phải là một cái ô tội lỗi. Tại vì em mà nó có vẻ như thế. Tôi rất ghét những ai coi thường hợp thể ngũ uẩn mình và lại càng ghét những ai khinh thị thân xác của mình. Khổ hạnh, ép xác, cho rằng xác thân là tội lỗi, điều đó thật là sai lầm, tôi cho làm như thế là ngu dốt, là khờ dại. Ngày xưa Phật có nói : Người nào giác ngộ thì tự nhiên trở thành Như Lai, ăn cơm Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi ghế Như Lai, ở nhà Như Lai. Hành hạ xác thân là một lỗi lớn, chính Phật đã mắc phải và đã chữa bỏ. Nhận biết thân thể em, nhận biết cảm giác, suy tưởng ý chí và nhận thức em, em sẽ *thấy* chúng quả thực cần gì, quả thực thiếu gì, quả thực muốn vươn tới đâu. *Thấy* được như thế rồi thì hợp thể ngũ uẩn của em tự khắc hướng về sự sống, hướng về phát triển, hướng về Chân Thiện Mỹ. Em xem lại tổ chức tinh vi của mắt em. Rồi em sẽ thấy rằng được nhìn trời xanh, được xem hoa nở, được thấy nụ cười của mẹ, được ngắm đôi má hồng của em thơ tức là một niềm phúc tuyệt vời. Nếu thân thể em không phải là một thực thể màu nhiệm và quý hóa thì không bao giờ em thấy được thể hiện nơi em niềm phúc tuyệt vời đó. Hãy bảo trọng lấy thân thể em, tâm

hồn em, bởi vì đó là nguồn của chân lý, của Thượng Đế, của Chân Như, của Như Lai.

CÓ người chê trách em không có lý tưởng, nói nhỏ to với nhau rằng em không có lý tưởng. Tôi không tin có chuyện đó. Với sức sống trào dâng của tuổi hai mươi, em không có lý tưởng thì xác chết nào mới có lý tưởng ? Một con đường không thể không đưa đến đâu. Một sức sống như em, như hợp thể ngũ uẩn của em không thể không có lý tưởng. Em quả tình đang vươn tới. Nhưng vì em thiếu bình tĩnh thiếu nhận thức nên sự vươn tới ấy chưa được chỉnh đốn. Sinh lực của em tràn đầy, và chưa được nhận thức em hướng dẫn đúng mức, đã khiến cho em khi lệch sang bên này một chút khi lạc sang bên kia một chút. Em chỉ cần nhìn lại, em chỉ cần kiểm soát kịp thời là sức sống kia sẽ vươn lên phía mặt trời. Muốn được như thế em phải xử dụng chính trí tuệ và kinh nghiệm em, đồng thời phải thiết lập cảm thông và đối thoại với những người khác, những người cùng tuổi và những người khác tuổi.

Em không cần tạo ra lý tưởng. Lý tưởng vốn sẵn có trong em, cũng như *nơi* đến có sẵn trong *con đường*. Phải kịp thời kiểm soát hướng đi của mình điều khiển con thuyền của mình. Phải kịp thời xử dụng năng lực dồi dào của sự sống em một cách hợp lý. Năng lực sung túc của em cần phải được xử dụng, không thể để cho chúng trở nên thừa thãi. Nếu không, trong hồn mê, trong

ngờ vực chán nản em sẽ xử dụng chúng, tiêu xài chúng trong những trường hợp và ở những địa vực bệnh hoạn. Thay vì để bảo vệ nuôi dưỡng và phát triển em, năng lực ấy sẽ làm suy nhược em, phá phách em, tiêu diệt em. Ngoài những nhu cầu *tồn tại*, hợp thể ngũ uẩn em còn có những nhu cầu *phát triển* và *trở thành*. Mà chỉ khi nào có phát triển có trở thành em mới tìm thấy an lạc hạnh phúc, em mới thấy được như con cá trong nước, con chim trên trời : trong những nhu cầu phát triển và trưởng thành ấy tôi thấy hai nhu cầu *khám phá* và *thương yêu* là những nhu cầu mãnh liệt nhất bền bỉ nhất rất cần cho sự phát triển của hợp thể ngũ uẩn em để trở thành vĩ đại và siêu tuyệt.

SỰ khát khao hiểu biết nơi em, cũng như nơi tôi và nơi mọi người, là một sự thực một bản tính của hợp thể ngũ uẩn. Nếu sự tò mò nếu nhu cầu hiểu biết và khám phá không biểu hiện nơi em là tại vì em bị che lấp bởi những chương ngại vật của cuộc đời, bị trĩu nặng bởi những hành lý ồm ồm không ích lợi cho bản thân em. Trong trường hợp này sự phát triển và trở thành của em— ta gọi là *sự sống*, quả thực bị ngăn chặn lại rất nhiều. Em phải khơi mở, phải giải phóng cho sự khát khao hiểu biết và khám phá vốn nằm tiềm tàng trong con người em. Vũ trụ và con người cần được tìm hiểu, được khám phá. Phải tìm tới sự thực, dù sao em cũng phải tìm tới sự thực: nhu yếu này nơi nhà bác học nơi nhà thám hiểm cũng như nơi người học giả

được hiển lộ một cách rất hiện thực. Nơi nhà đạo học, sự khát khao này gọi là sự khát khao đạt đạo hay chứng đạo. Càng khám phá, càng tìm tòi, càng hiểu biết, ta càng thấy ta lớn hơn lên, gần gũi thêm với vũ trụ với con người, ta càng thấy sự liên hệ mật thiết giữa ta với vũ trụ với con người, ta càng thấy rõ được hòa điệu đại đồng của sự sống. Ta sẽ không còn bị giam hãm trong một cái ta, một cái vỏ chủ quan bé nhỏ và lầm lạc. Em sẽ tìm thấy sự sống và sẽ sung sướng tìm thấy mình trong thực hữu màu nhiệm.

Sự khao khát yêu thương nơi em cũng là một sự thực, một bản tính của hợp thể ngũ uẩn em. Em không thể sống nếu không yêu thương. Nếu em có cảm giác rằng em không thương ai, em ghét tất cả mọi người và cả chính bản thân em, thì đó là tại vì em chưa biết em là gì. Cảm giác đó chỉ là ảo giác. Sự thực em rất cần thương yêu và được thương yêu cũng như cây lá cần đến ánh sáng mặt trời. Bản thể em lên tiếng gọi em thương yêu bảo trọng lấy em và thương yêu bảo trọng tất cả những gì hiện hữu, những gì đang vươn lên như sự sống màu nhiệm.

HỢP thể ngũ uẩn em cần được hiện sinh cần được phát triển, em không thể không yêu thương bảo trọng nó. Em không thể xử tệ với nó, không được khinh xuất, không thể để nó phải ốm yếu, suy nhược, hư hỏng. Và những sức sống quanh em cũng vậy. Người sinh thành ra em, người cùng một huyết thống với em, một tông tộc với em, một nòi giống với em cũng

cần đến sự bảo vệ, tôn trọng và yêu thương của em. Em có trách nhiệm về sự đau khổ của họ. Nhìn thấy họ, sau khi nhìn thấy em, em sẽ thấy nhu yếu thương yêu họ là một nhu yếu thiết thực không kém gì nhu yếu thương yêu lấy chính em. Em sẽ thấy rằng hạnh phúc không phải là sự mệt mỏi đi tìm những khoái cảm chốc lát (những khoái cảm ác liệt, tay sai của sự chết) thường có tác dụng tiêu hủy phá hoại con người toàn diện của em, mà là thương yêu. Không thương yêu tức là không sống. Càng biết thương yêu, ta càng thấy ta lớn hơn lên gần gũi thêm lên với vũ trụ với con người, ta càng thấy sự liên hệ mật thiết giữa ta với vũ trụ, với con người, ta càng thấy rõ được hòa điệu đại đồng của sự sống. Ta sẽ không còn bị giam hãm

trong một cái ta, một cái bản ngã bé nhỏ và ích kỷ. Em sẽ sung sướng tìm thấy mình trong thực hữu mẫu nhiệm.

Sức sống rào rạt của em, nếu được hướng về khám phá và yêu thương sẽ giúp em thực hiện một nhân cách càng ngày càng vĩ đại càng đẹp đẽ. Dọc đường em đi, hoa tri tuệ và tình thương sẽ nở, có thể là trên chông gai, nhưng là những bông hoa đẹp nhất của hiện hữu, những cống hiến quý giá nhất của một cuộc đời.

EM là một kiến trúc kỳ diệu cũng như vũ trụ là một kiến trúc kỳ diệu; ngày nào tri tuệ và trái tim em nhận thức được điều đó một cách xác thực và thực nghiệm, ngày ấy em thực hiện được thiên đường, hái được bông hoa chân như. (còn nữa)

nhà xuất bản THỜI MỚI

VỪA PHÁT HÀNH :

Tập bút II

Đêm tóc rối

Một mình

Vọc nước giỡn trắng

Truyện hay các nước II

Những hạt cát (tái bản)

ĐANG IN :

Dịch hạch

của VÕ PHIẾN, 34đ.

của DƯƠNG NGHIÊM MẬU, 70đ.

của VÕ PHIẾN, 80đ.

của SƠN NAM, 40đ.

của TRÀNG THIÊN, 34đ.

của THẾ UYÊN, 40đ.

của ALBERT CAMUS

do Hoàng văn Đức dịch

võ hồng

TRẠM HÀNH

HÔM nay tôi lên xe đi tản cư. Tôi chỉ đem theo một va li quần áo. Rương sách gửi lại biệt thự Trường Xuân.

Trời mưa phùn ướt át. Hai bên đường, từng gia đình một diu dắt nhau đi trên đường lầy lội, dẫm trong đất đỏ dẻo quánh. Người cha còng lưng dưới hai gánh nặng chất những hòm xiềng, hỏa lò, đĩa bát, củi, nồi niêu, người mẹ tay dắt tay bông. Người chị lưng còng em. Hết gia đình này tiếp đến gia đình khác.

Những cây thông mình cao, ngửa cánh tay sẵn sàng hứng mưa. Tôi ngồi trên một hòm đồ đạc, dựa lưng vào một hòm đồ đạc. Cạnh tôi, ngồn ngang những người và gói bọc, giỏ xách. Cùng đi một xe là hai gia đình công chức. Ông Thanh tưng sự tại Ty Bưu điện, người nhỏ nhắn, da trán và da mặt bóng loáng, nhẵn nhụi. Đó là

thứ da dẫu kín ở trong phòng giấy, xa ánh nắng mặt trời. Ông ngồi tư lự như một nhà đạo sĩ Ấn độ tham thiền. Sáu đứa con của ông nằm bật bừa đầu gối lên thùng gỗ, tay nải, chân xỏ ngang xỏ ngửa vào quang gánh, vào kẹt thùng xe mà ngủ gà ngủ gật. Bà vợ có cặp mắt tháo vát của một con gà mái, nhìn trước nhìn sau trông chừng bầy con của mình. Cứ từng chập bà lăm nhăm kiểm lại xem có đứa nào lọt mất xuống đường không, có còn bỏ sót đứa nào không. Ông Lễ nhân viên Ty Canh nông thì ngủ ngon lành như đang nằm trên giường nệm ở nhà. Ông ngáy ồ ồ, miệng há tròn, hai vệt râu mép thỉnh thoảng nhấp nhòm theo dấu chân của một con ruồi ương ngạnh cứ bò qua bò lại. Cô con gái lớn không có ngực, ngồi thẳng như một chữ I. Bà vợ cũng béo tròn như chồng, chốc chốc thở dài thò đầu ra trước hỏi bác tài xế :

— Đã tới Trại Hầm chưa Bác.

— Chưa. Tí nữa.

— Xuống Trại Mát bác cho tôi ghé xuống xưởng cưa Thái Lợi một tí nghe Bác? Coi thử người bà con của tôi ở đó đã tản cư chưa.

— Chắc không được, bà ơi. Xe tôi còn phải...

Những tiếng sau của câu nói bị nuốt đi trong tiếng xe rồ.

Tôi nhìn ra sau xe. Con đường đất đỏ cứ lùi dần, khép nhỏ lại rồi qua một đoạn đồi thì khuất mất. Rồi lại mở rộng, lại lùi. Một ý nghĩ buồn thoáng dậy vương lấy óc tôi, ý nghĩ chia ly cách biệt. Có lẽ tôi sẽ ít buồn nếu tôi nhìn ra trước xe.

TÔI chăm chú nhìn ra xa giây lâu để ghi chặt một hình ảnh đặc biệt của Đà Lạt đối với tôi đã trở thành thân mến: một rừng thông mờ sau màn mưa trắng.

Xe đến Trạm Hành thì đỗ lại. Trạm được chỉ định là một trong những trạm tiếp cư. Chính quyền địa phương thu xếp cho tôi ở chung với gia đình ông Thanh tại nhà bà Bernard. Bà Bernard không có một tí dáng dấp gì của người đàn bà Việt lấy chồng Pháp. Tôi đang tưởng tượng một người đàn bà mặt trát đầy phấn, móng tay bôi son đỏ mặc pyjama màu xanh màu hồng và thơm ngát nước hoa không ngờ lại gặp một người nước da đen đũi như người lao động, tóc vấn trên và mặc áo dài đen. Tính tình thì chất phác thực thà. Ông Bernard trước làm Ban cơ khí nhà ga Trạm Hành. Hỏi bây giờ ông ở đâu thì bà hoặc bật diêm đốt điếu thuốc, hoặc nghiêng bình rót tách nước rồi bắt qua chuyện khác.

Căn nhà gỗ chỉ có hai phòng. Tất cả đồ đạc dù không quý giá nhưng dễ vỡ, bà Bernard xếp qua phòng của bà. Phòng này

thường đóng cửa vì bà đi luôn. Đi thu gạo đồng tâm, thu nguyệt liềm... Tôi thì dự hội nghị. Bà làm việc siêng năng chí tình như một người chỉ sống vì cách mạng. Tuy vậy trông dáng bà đi te tái xuôi ngược, nghe bà kể chuyện hội chuyện hè, người ta có sự yên tâm được đối diện với một người đàn bà căn cơ làm ăn hơn là sự nể vì hoặc sợ sệt. Bà là loại toa tàu Cách mạng mới mọc theo không biết nguy trang.

Sáu đứa con ông Thanh và bà Thanh làm chủ ở phòng kia. Lúc nào cũng nghe tiếng cười, tiếng cãi cọ tiếng la khóc của mấy người ấy. Phải đến chín giờ tối, khi đã sắp hàng cho chúng nằm dài ngủ ở sàn gỗ thì mới có sự yên tĩnh. Ban ngày phải đuổi chúng ra sân cho chúng chơi. Ông Thanh và tôi thì hầu như là hai cái bóng mờ, như là hai nhân vật của một cuốn phim câm.

Tôi thường trốn ra mái hiên ngồi một mình. Đọc sách hoặc tắm nắng. Hoặc ngồi nhìn xuống khoảng rừng xanh âm u nằm dưới chân, nằm trùng trùng tiếp giáp ở mãi chân núi xa mù. Trạm Hành ở ngang sườn một quả núi cao, cao hơn Đà Lạt và trống gió hơn. Sáng dậy mở cửa, sương mây theo gió lùa vào, ngập trắng phòng. Lạnh buốt tay chân. Mai, chiều tiếng vượn ở rừng bên cạnh hú vang buồn bã. Ở đây chỉ có một hiệu buôn người Hoa Kiều và vài mươi ngôi nhà của đồng bào ta ở rải rác dọc đường xe hơi. Khu nhà người Pháp và của các nhân viên sở Hỏa xa là đẹp nhất.

Trạm Hành không có chợ, chỉ ngày ngày người ta mang rau, hoa quả, cá khô và thỉnh thoảng thịt bò ra ngồi xúm xít ở trước cửa hiệu Hoa Kiều. Buôn bán trao đổi trong vài giờ rồi giải tán.

SAU một tuần lễ, những bữa cơm bắt đầu thiếu nước mắm. Phải ăn với muối.

Trái su luộc chấm muối trở nên món

căn bản của hai bữa cơm hằng ngày. Nước cũng thành vấn đề vì muốn lấy được nước phải trèo qua một sườn núi để xuống hồ nước mà lấy. Mỗi buổi sáng, người lớn được quyền rửa mặt với một tách nước. Trẻ con thì miễn. Người ta đồn vùng có lắm hồ nên mỗi buổi sáng dậy là đòi phải nghe câu chuyện hồ rồi. Hồ đen, hồ xám, hồ thọt ba chân hồ báo thù hồ ném lợn qua hàng rào cao rồi phóng mình nhảy theo bắt, hồ thêm mỗi ngời rình đến chảy nước dãi ướt đầm vạt cỏ bụi cây... Một người chỉ dấu chân trâu giẫm kính cần nói ?

— Kia, vết chân ông ba mươi.

Trẻ con bắt chước ngay :

— Thật đấy ! Khuya con chợt dậy con nghe tiếng gầm gầm ở mé sau nhà. Ghê quá !

Ông láng giềng, một ông đội kiểm lâm già hay ghé sang nhà để vui miệng kể cho nghe những chuyện hồ, chuyện ma, chuyện vạt... một trăm thứ chuyện về đường rừng

Tối đến, anh em tản cư rủ nhau đi xuống ga đón tàu hỏa ở Tháp Chàm lên xem người quen nào chẳng, mua đem lên một món nào ăn được chẳng. Thường thì không có người nào cả. Người ta chỉ đi xuống mà ít người đi lên. Tuy nhiên chúng tôi vẫn cứ nhẫn nại đi đón không bỏ sót chuyến nào. Vì không đi đón tàu thì không biết làm gì khác.

Quang cảnh chuyển tàu về đêm trông rất đẹp mắt. Những người buôn bán, những người qua lại ở sân ga cầm từng bó đuốc ngo cháy sáng. Ban ngày thì có chuyển tàu ở Đà Lạt chạy xuống. Chuyển này rất đông khách, phần nhiều là người tản cư. Thành ra gặp vô số là người quen.

Những buổi mai trời đẹp, mây trắng nằm vắt ngang sườn núi, chân núi. Tôi tự nhủ : Khi nào xuống đồng bằng, sẽ chỉ cho anh em xem những đám mây nằm dãn

lưng trời mà tự hào nói : « Ngày xưa đã có lần tôi ở trên những đám mây kia ».

Ở Trạm Hành mọi người đếm nhằm từng ngày một, đợi Hội đồng tư vấn Viễn đông hợp. Chúng tôi không hy vọng gì ở nó mấy nhưng cũng mong rằng nó có thể giải quyết tạm được vấn đề Việt nam. Nhưng Hội đồng hết hoãn tuần lễ này lại hoãn thêm tuần lễ khác. Rốt cuộc, Hội đồng hợp miễn cưỡng rời rạc. Chúng tôi không ai thêm đề ý đến nữa.

Có tin giặc Pháp từ Biên hòa tiến ra Xuân lộc. Số đồng bào tản cư xuống Phan rang đông hơn vì xuống Phan rang còn có gạo ăn chứ ở đây thì có cơ chết đói lắm. Nhiều nhà đã ăn một bữa cháo trừ cơm. Năm gạo đồng tâm đã có nhiều người chênh mảng. Nhưng đồng bào tản cư vừa xuống đến Phan rang thì có tin đồng bào Phan rang được lệnh tản cư. Rối loạn. Chẳng ai còn biết nên đi đâu nữa.

Ngày 16 tháng 11, quân Nhật dẫn cây ngáng đường không cho tàu hỏa ở Đà Lạt chạy xuống. Đồng thời chúng lừa bắt đồng bào ta và nổ súng tấn công vào Trại Mát. Tin ấy vừa lan ra thì cả một thành phố Cầu Đất đang sầm uất trong nửa ngày, đã trở nên vắng vẻ tiêu điều. Những hiệu buôn còn mở cửa phần đông là của Hoa kiều. Họ dán trước cổng, vẽ trên tường, treo trước cửa không biết bao nhiêu là cờ « thanh thiên bạch nhật mãn địa hồng ».

Gia đình anh Tân, người thư Ký của Tòa Tổng Đốc bị ngưng chức, tản cư về Cầu Đất được hai tháng nay. Bây giờ Cầu Đất lại tản cư, họ không biết chạy đi đâu nữa cả. Về Huế thì Nha trang mắc nghẽn. Xuống Phan rang thì Phan rang bị tản cư. Họ đành theo người quen vào rẫy cắt lều mà ở. Tôi đã nghe theo lời chỉ dẫn suốt nửa giờ giữa bụi bờ đá sỏi, gạt sên bắt

vất đề vào thăm chiếc lều của họ. Thật chẳng khác gì lều của các nhà thám hiểm giữa rừng châu Phi. Xung quanh cây cao không nhìn thấy ngọn. Đây đó chẳng chịt lá um tùm, bao bọc cái lều gỗ nhỏ. Đất ướt âm ỉ. Đêm người ta nghe tiếng «à ừm», tiếng «bép lép» của hồ. Sống được mười ngày thì toàn thể không ai chịu nổi nữa, phải ra xin vé tàu xuống Phan rang. Rồi muốn ra sao thì ra chỉ biết bây giờ họ không thể sống chung với hồ, với vất vả và với muỗi rừng.

MỘT buổi sáng tôi ngồi tắm nắng vừa lắng nghe tiếng vượn hú lạnh lạnh ở rừng bên. Tiếng hú tha thiết tuyệt vọng tôi tưởng như tiếng kêu gọi của quê hương xa vời và tôi nghe lòng mình rung rưng buồn. Tôi phải ở đây đến bao giờ? Đến bao giờ thì chiến cuộc mới chấm dứt? Những hoạt động của Đô Đốc Thierry Argenlieu bên cạnh Chính Phủ Trùng Khánh chứng minh rằng người Pháp không dễ dàng gì giao trả độc lập cho Việt nam. Ở Nha trang chiến tranh cũng đã bùng nổ. Chiến tranh như một đám cháy lớn, đang bắt đầu bằng những mồi lửa rải rác.

Tôi ở đây để làm gì? Lúc đầu khi rời bỏ Đàlat tôi có ý nghĩ: Mình hãy tự ý lưu đầy trong một thời gian xa lánh hết mọi sinh hoạt cộng đồng. Nhưng hai tháng thần thơ ở chóp núi này tôi càng ngày càng thấy rằng «tự ý lưu đầy» chỉ còn là một từ ngữ hoa hòe làm trang sức cho một ý nghĩ trống rỗng. Có con mắt nào lưu ý thân phục mình đâu? Những phế đế, phế vương uy nghi trong cảnh lưu đầy cô quạnh của họ là nhờ máy chụp ảnh. Có lẽ chỉ uy nghi trong khi máy chụp. Tôi cảm thấy mình bị lừa trong quan niệm anh hùng ngày thơ nặng về hình thức. Thực tế thì chỉ trong năm tháng nữa là tiền tiêu cạn. Sau năm tháng tôi sẽ trở thành thế nào? Trên mỏm núi cheo leo này, nhất định không tìm được kẻ sanh nhai. Gạo Lục tỉnh

không được tiếp tế lên. Lúa phải nài mua từng gia ở trong các rẫy, các buôn. Tôi nghĩ đến quê nhà lúa vàng ươm đầy đồng. Nhà tôi nằm đầy lúa. Thế mà ở đây tôi sẽ nhịn đói, sẽ không đủ sức đề kêu lên những tiếng xót xa tuyệt vọng như một con vượn.

MỘT buổi sáng, tôi chậm rãi đi trong vườn, chân giẫm lên những lớp lá ngo rưng dày thì chợt có tiếng ô tô xích đồ ở cổng. Một người quân nhân cúi bước vào: Gặp tôi ở sân, người ấy giơ tay bắt:

— A! Chào anh Thuyên.

— Dạ. Chào... anh.

Tôi lưỡng lự nên tiếng «anh» nói quá nhẹ, đáng lẽ xưng hô là «ông» thì phải hơn vì người đối thoại tôi chưa quen. Nhưng gọi «ông» thì thành ra khách sáo quá, đối với chữ «anh» người kia dùng. Và lại, trong chế độ mới, chủ tịch Ủy ban hay chỉ huy quân sự đều xưng hô «anh, em» với nhau và với nhân viên, binh sĩ.

— Anh Biên dẫn tôi đến gặp anh.

— Vâng

Biên nguyên là Ty trưởng công chánh nay được bầu làm chủ tịch Ủy ban.

— Anh Biên mời anh xuống Dran giúp đùm cho Ủy ban

— Ủy ban hiện nay đóng ở Dran?

— Vâng.

— Tưởng Ủy ban hôm nay thu hẹp phạm vi hoạt động thì không cần thêm người

— Phạm vi lãnh thổ kiểm soát thì có thu hẹp thật. Nhưng một bộ phận của Ủy ban kẹt ở Đàlat đã bị Nhật bắt giam anh phó chủ tịch, anh ủy viên ngoại giao, anh ủy viên tư pháp...

— Anh Trà bị bắt rồi? (tôi ngắt lời)

— Vâng. Hiện giờ ta còn có nhiều rắc rối với quân đội Nhật. Mặt trận Fimnom ta phải gắng giữ. Mặt trận Trại Mát nữa.

Anh trước đây có quen với Bộ Tư lệnh Nhật ở Đàlat nên anh Biên muốn nhờ anh giúp trong việc ngoại giao với họ.

LỜI nhờ vả đến đúng lúc, giải quyết được cái buồn phải ngày ngày đếm thì giờ trôi qua, giải quyết được mối lo không biết chiến tranh bao giờ mới hết. Hơn nữa nó còn giải quyết được mối ám ảnh là mình đã bị cuộc đời gạt bỏ bên lề. Ý này ban đầu không có nhưng lần lần khi trật tự mới được ổn định, thiên hạ sinh hoạt bình thường trở lại thì tôi cảm thấy mình buồn bã lẻ loi. Người ta không cần gì đến mình cả. Người bỏ quên mình không cần biết xem hiện giờ mình ở đâu, mình đang làm gì, mình ra thế nào. Cái cộng đồng xã hội ấm áp tình người, tôi thấy cần thiết đối với cuộc sống tinh thần của mình và khi nó không tìm đến với tôi thì tôi thấy xót xa như bị người phụ bạc.

Tôi hỏi người quân nhân :

— Đại tá Yamada vẫn còn làm tư lệnh ở Đàlat ?

— Tôi không được biết rõ. Dường như họ thay đổi tướng lãnh khác ngày trước nhiều lắm.

— Thế tình hình ở Đàlat hiện giờ ra thế nào, anh ?

Người quân nhân đứng lưỡng lự một phút. Có lẽ vì câu hỏi quá bao quát.

— Tổ chức chìm của ta vẫn còn đề đó. Tin tức báo cáo về rất thường. Đồng bào hoang mang nhưng vẫn buôn bán làm ăn trở lại.

— Mời anh vào xơi nước.

— Thôi, cảm ơn anh. Tôi phải lên Cầu Đất liền bây giờ. Thế nào, anh xuống Dran với anh Biên chứ ?

— Vâng. Tôi sẽ xuống.

— Thế thì chiều nay, không chừng ba giờ xế nay thôi, — ở Cầu Đất về tôi sẽ ghé lại đón anh đi xuống cùng một thể. Anh có cần nhiều ngày giờ để thu xếp công việc và đồ đạc không ?

Tôi phì cười :

— Tôi chỉ cần mười phút thôi.

— Vậy thì xế nay tôi sẽ ghé đón anh nhé ?

— Vâng. Xế nay.

— Chào anh.

— Chào anh.

Tôi nhìn theo dáng đi của người quân nhân vừa suy nghĩ : Đáng lẽ mình đừng trả lời ngay là mình nhận. Đáng lẽ mình nói : Anh để cho tôi suy nghĩ vài ngày. Một người khôn ngoan thường làm bộ khó khăn trong những trường hợp như thế. Và tôi kết luận : Mình lẫn vào trường chính trị thật không phải chỗ. Mình không biết đối trá một cách ngon lành như những người khác.

TÔI chạy đi giả từ ông Đội Kiểm lâm. Ông Đội bắt tay tôi lúc tôi báo tin sẽ đi Dran, nắm giữ bàn tay để mà kể về những cảm tình mà ông dành cho tôi. Ông nói :

— Tôi định vài hôm nữa tối trời sẽ dẫn thầy đi săn con heo rừng này. Nó cứ lảng vảng về rẫy của ông Điền ở hố cây Dầu. Tôi đang cho điều tra giờ khắc đi về của nó.

— Tiếc chưa, tôi nói. Thôi, hôm nào ở Dran tôi sẽ lên. Tôi đi mà nhớ cụ lắm. Cụ có lòng tốt, sốt sắng giúp đỡ...

Ông Đội ngắt lời liền (nhưng tay vẫn cứ nắm chặt tay tôi).

— Thầy, thầy đừng nghĩ chi điều đó. Tứ hải giai huynh đệ. Có thầy ở đây nói

chuyện chơi, tôi vui... Đề tôi sai trẻ nó nướng khô nai tôi với thầy nhấm nháp chơi. Sáu ơi...

Tôi vội ngăn lại :

— Thôi cảm ơn cụ, đề khi khác. Cụ cho phép tôi đi giã từ mấy nơi quen.

— Thầy cần đi gấp sao ?

— Dạ, xế nay thì có xe đến đón.

Vừa nói, tôi vừa đứng dậy. Ông Đội tay vẫn còn cầm tay tôi gác gác tay nhiều lần

— Vậy thì thầy đi. Chúc thầy bình an. Con heo rừng này dạn lắm. Thế nào tôi cũng bắn ngã. Lâu lâu thầy ghé thăm tôi chơi. Chúc bình an.

Tôi lại thăm chú Niền Pào chủ hiệu Đại Phát một tiệm Hoa Kiều bán chạp phô kèm hủ tiếu và cà phê nằm ở mãi chân đồi. Tiệm đường, tôi ghé lại nhà anh Hân, nguyên nhân viên của Ty Ngân chánh. Chị Hân khóc ròng :

— Anh bỏ tụi tôi anh đi sao, anh Thuyên ? Cùng tản cư một bạn với nhau mà. Bây giờ anh bỏ về trước...

Anh Hân rầy vợ.

— Anh Thuyên đâu có về trước ? Anh xuống giúp việc cho ủy ban mà.

— Nhưng Dran gần Phan rang hơn, gần xứ sở đồng bằng của mình hơn. Anh có hy vọng về quê hương. Còn tụi tôi cứ ở mãi trên đầu núi heo hút này.

CHỊ khóc suốt cả nửa giờ thăm viếng khiến anh Hân bức mình suýt đánh mấy lần... Tôi phải đóng vai hòa giải.

Ra khỏi nhà anh Hân, đi lúi thủi trên con đường dài, tôi còn nghe tiếng khóc của chị Hân. Tôi quay nhìn ra sau. Dáng chị Hân đứng ở vại nước sau nhà một cánh tay cung lên chạm nước mắt.

Giã từ gia đình ông Thanh thì dễ hơn. Ông Thanh vẫn cứ trầm tư như hồi mới chạy tản cư. Vì bà Thanh quán xuyến cả

đi về Phan rang—Trạm Hành buôn bán đôi chác tiếp tế nên ông khỏi phải lo lắng gì hết. Hôm tôi đi bà Thanh đang chạy mỗi mấy bộ xương cạp để người ta nấu cao hồ cốt. Xương cạp hiện nằm ở đồn điền ông xã Tám ở M'Lon. Hồi mới ở mấy hiệu buôn thuốc Bắc dưới Phan rang, Tháp Chàm nhưng chắc tình hình lộn xộn không bảo đảm họ không nhận mua nên bà Thanh chưa về. Ông Thanh chậm rãi rít từng hơi thuốc lào dài vừa lơ đãng nghe tôi nói lời giã từ. Ông nuốt khói vào thật lâu, nín hơi giữ lại rồi mới thông thả méo mồm cho khói từ từ tuôn ra lỗ miệng và lỗ mũi. Ông chiêu một ngụm nước trà đặt chiếc tách ngay ngắn xuống giữa lòng đĩa rồi mới khề khà nói :

— Anh xuống Dran rồi bữa nào rảnh ghé lên chơi.

Thằng Thận, thằng Triệu, con Lệ vừa rượt bắt, la ó cười giỡn vừa nói như những cái máy :

— Chào chú Thuyên.

— Chào chú.

— Chào chú.

Thằng Đậu và con Xiu giành nhau viên bi còn sót lại, đã đập vỡ mất lọ kẹo, bị ông Thanh phạt quì gối ở góc nhà. Tôi lại gần vò đầu nói :

— Hai cháu ở nhà ngoan nhé ? Chú đi vài hôm chú về.

Hai đứa xịu mặt không trả lời.

Bà Bernard thì bận đi thu gạo đồng tâm và gạo nguyệt liêm. Phạm vi hoạt động của bà dường như mãi đến Dran.

Tôi nhờ ông Thanh chuyển lời chào và lời cảm ơn, đồng thời tự hẹn với mình: Hôm nào gặp bà ở Dran sẽ xin lỗi vì trường hợp ra đi gấp rút.

GIÃ từ mái nhà rộng lượng đã che chở khỏi ngày nắng và đêm sương. Giã từ khu rừng âm u vang lạnh tiếng con vượn rừng.

vũ đình lưu

CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

QUA nền văn học Tây Phương hiện đại, người ta thấy xuất hiện một thứ tâm trạng đặc biệt, đó là tâm trạng của người mất thur thái hồn nhiên, họ mất hết ý nghĩa cuộc đời, mất hết tin tưởng vào những giá trị xã hội, không chịu đựng được những cách xử sự của người đời, họ không thỏa hiệp được với cuộc đời.

Tâm trạng của con người « khó sống » như thế được họ gọi là « conscience malheureuse. Nó xuất hiện khá sớm trên nền văn học Tây Phương vào cuối thế kỷ thứ 19 với Huysmans và nhân vật Folantin, sau này André Gide, Duhamel tung vào văn nghệ những trái bom hạng nặng và đến thời

hiện sinh ra đời thì Sartre đẩy sự phân tích đến chỗ cực kỳ tinh vi.

Những nhân vật của các văn hào này là những mảnh ván trôi giạt bấp bênh trên biển đời. Nhân vật Roquentin của Sartre trong quyển La Nausée trở nên khét tiếng vì Roquentin làm cuộc thí nghiệm then chốt về thuyết hiện sinh, về tính cách vô thường và phi lý của cuộc sống. Sợi giây liên lạc nối tiếp chàng ta với đời sống đã cắt đứt, chàng ta chỉ còn lại một rỗng không. Về một cạnh khía nhìn nào, người ta có thể công kích những nhân vật ấy phi nhân loại và xâm phạm đến nền tảng đạo đức và gây những đảo lộn xã hội, nhưng đứng

về phương diện học thuật tư tưởng, về phương diện mở đường khai lối cho tương lai, ta thấy những nhân vật ấy đã đặt ra vấn đề xét lại cả nền văn minh ngày nay. Họ khó sống, họ khước từ cuộc đời vì họ đã có tâm hồn bén nhạy để nhìn rõ những khủng hoảng của một tổ chức mà mọi người không thấy được. Vì không thấy được mà ta yên ổn hưởng thái bình. Chính vì vậy họ không yên mà họ sống mãnh liệt và đầy đủ hơn ta.

HỌ từ khước lớp trật tự hình thành ngày nay là vì họ có một «khuyết hướng đạo đức luận thoát thai từ những nền móng bản thể học và những quan niệm triết lý tân kỳ. Cảm tưởng chung của chúng tôi đối với những tư tưởng yếm thế ấy là một cái gì như một ảo tưởng vĩ đại về chân lý cuộc sống. Nói thế không phải là phủ nhận giá trị của tư tưởng Tây phương hiện đại, một tòa lâu đài vô cùng phong phú, tự nó có một động lực mạnh mẽ để kết nạp những sinh khí tượng trưng cho sự mâu thuẫn của giòng sống. Tuy nhiên, cái sinh khí đó đem lại cho cuộc đời những ý nghĩa nào, và ý nghĩa ấy làm cho cuộc đời bế tắc và mâu thuẫn hơn, hay cởi mở cho tâm hồn người ta thư thái an hòa để tìm thấy những nhịp điệu quân bình của cuộc đời? Đó mới là điều quan trọng và nghĩ đến điều ấy cũng là đặt vấn đề trách nhiệm của nhà văn.

CHÚNG tôi thấy câu hỏi này cấp bách hơn khi nhận định rằng nền văn minh Tây phương ngày nay có tính chất phổ biến, các dân

tộc phải chấp nhận nó hay là đi đến chỗ tiêu diệt. Triết học, văn nghệ khoa học, kỹ thuật, tổ chức, đều xô đẩy con người đến chỗ mâu thuẫn trầm trọng với thiên nhiên; họ miệt thị thiên nhiên và xây dựng những thành trì kiên cố để tự giam hãm trong nếp sống giả tạo. Chúng tôi có linh cảm rằng sự tạo lập cuộc đời theo chiều hướng ấy dẫn đến tình trạng tuyệt vọng và đau khổ giữa xung túc và tiện nghi; người xưa đâu có biết những tình trạng nghịch thường ấy.

TR I Ế T lý, trật tự, tổ chức, kỹ thuật, cơ khí, quan niệm trong tinh thần tạo tác và lựa chọn của Tây Phương đã tạo ra một thứ «thảm kịch tiến bộ». Thảm kịch đang bành trướng, đang lôi cuốn tất cả các dân tộc trên thế giới vào con đường mâu thuẫn và bế tắc.

Trước thảm trạng ấy, nhà văn Tây Phương không phải là không ý thức được trách nhiệm, nhưng hầu như họ có phản ứng tuyệt vọng của người chơi vơi giữa giòng, hay có phản ứng của người bị giam hãm trong một hệ thống suy tư và rung cảm giới hạn bởi chân trời triết lý của họ. Và triết lý ấy tiêu biểu cho sự bất lực của họ không thể xướng được một căn bản đạo đức luận khả thủ. Đỉnh cao văn học của họ ngày nay đại diện bởi những triết lý bạo lực (Nietzsche) bi đát, bi thảm, phi lý nồn mửa (Sartre) tức là những triết lý miệt thị cái sinh khí nguyên thủy nồng ấm tạo ra sự cởi mở, sự thông cảm tự nhiên của con người.

NHỮNG triết luận ấy đề cao khái niệm tiêu cực, chống lại những khái niệm tích cực như yêu mến, yên ổn, tốt đẹp, thiện mỹ. Đạo đức luận của họ là những mẫu mực « lý luận đảo ngược»: Đời sống vô nghĩa, con người có những khuynh hướng nguyên thủy xấu xa, nhưng con người phải hành động để phủ nhận bản chất xấu xa nguyên thủy và đem lại ý nghĩa cho đời sống (Sartre, Simone de Beauvoir). Hoặc «*Người ta phải đập cho tan hết hy vọng trần gian chỉ như thế mới có thể tự cứu vãn bằng hy vọng chính xác*» (Kierkegaard) ».

Chỗ thiếu sót trọng đại của nền tảng đạo đức luận ấy như sau: Người ta nhân danh cái gì mà phủ nhận bản chất xấu xa nguyên thủy? khi phủ nhận như thế người ta phải nhân danh những giá trị tích cực tạo lập được đời sống tốt đẹp, quân bình và có nền tảng chắc chắn. Khốn thay, người ta không đặt được cho những giá trị ấy một bản thể luận nghĩa là không tìm những nguồn gốc của nó trong các bản năng và khuynh hướng nguyên thủy của con người. Việc làm của họ là tìm cho những khuynh hướng nguyên thủy xấu xa tiêu cực những căn bản bản thể luận thật kiên cố. Như vậy việc làm của họ là phủ nhận những khuynh hướng phá hoại của nền tảng bản thể luận chắc chắn nhân danh những khuynh hướng xây dựng chỉ có căn bản suy luận mơ hồ, hay là không có căn bản suy luận. Con người phải chọn lựa con đường đi trong những điều kiện không có lợi cho sự lựa chọn

THẨM kịch thời đại bắt nguồn ngay từ uyên nguyên của kinh nghiệm sống đại diện bởi những khuynh hướng triết lý thiên lệch như thế.

Cả một trào lưu văn học Tây Phương cực kỳ phong phú và đạt được tính cách phổ biến khắp thế giới đã được khai triển xung quanh những khái niệm sâu sắc về các khuynh hướng cõi mở. Những giá trị đời sống xuất hiện trong khung cảnh hỗn độn ấy qua những thử thách của cuộc đời đã tỏ ra không thể dùng làm kim chỉ nam cho nhân loại như ta thấy ngày nay, vì đã làm cho giòng đời bế tắc và mâu thuẫn..

VỚI khôn ngoan truyền thống của người Đông Phương hình như họ lý hội được những đảo lộn sẽ gây vì những hệ thống đạo đức luận như trên đây cho nên những triết lý đặt nền tảng trên những khái niệm tiêu cực không thể phát triển được. Trải qua bao nhiêu thế hệ người ta chỉ có thể chấp nhận được một hệ thống siêu hình tượng trưng cho tinh thần vui sống. Khổng Tử là người khởi xướng một tư trào triết lý đặt nền móng cho một hệ thống đạo đức luận mà người sau chỉ có công khai triển chứ không hề có ý đặt lại các vấn đề.

Nền móng đạo đức luận của Khổng Tử là một cố gắng nhìn đời dưới khía cạnh vui sống và hành động, mục đích tìm căn cứ siêu hình cho biện chứng pháp cũng không ngoài ý

muốn chứng minh các nguyên tắc đạo đức vui sống hợp với thiên nhiên. Thực thể người không thể quan niệm là cái gì khác thực thể thiên nhiên khác thực thể vũ trụ. Nguyên lý hiện hữu vũ trụ cũng là nguyên lý hiện hữu con người.

« Người là cái đức của trời đất sự giao hợp của âm dương sự tụ hội của quỷ thần cái khí tinh tú của ngũ hành (Lễ ký, Lễ vận IX). »

DẤY cũng là căn bản của siêu hình học về người, chân lý cuối cùng của lý luận « nhân chi sơ tính bản thiện » và của khái niệm « minh đức ». Tất cả lâu đài tư tưởng Khổng Mạnh đều đặt trên nền móng hình nhi thượng học này và trở thành chân lý phổ biến kết tinh lại trong 2500 năm.

Khổng Tử chiêm nghiệm hiện tượng thiên nhiên đã ý thức được 4 nguyên tắc gọi là bốn đức lớn của trời : *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh*. Nói theo ngôn ngữ triết học ngày nay, ta có thể nói : một hiện tượng xuất hiện do một chân lý uyên nguyên, hiện tượng đó là nét vẽ của một toàn thiện, nó diễn biến hướng về một cứu cánh và dù diễn biến vẫn giữ được cái gì là chính cốt, là gốc rễ của nó. Như vậy đức lớn của Trời, hiểu theo từ ngữ của Sartre, có thể là *être transphénoménal* (bản thể siêu hiện tượng).

UYÊN nguyên của vũ trụ là cái thái cực. Thái cực có hai thể, thể tĩnh thường trụ và thể động thiên biến vạn hóa. Tâm con người đồng nhất với thể tĩnh của thái cực, do đó, hưởng được cái minh đức, cái tri lực vô cùng sáng

suốt, vậy thì tự nó thấu suốt được bản thể của sự vật.

« không nghĩ, không làm, im lặng không động, đến lúc cảm thì thông suốt được mọi cơ trong thiên hạ » (Dịch : Hệ từ thượng).

Khổng Tử đã đặt nền tảng bản thể luận cho vấn đề khả năng hiểu biết (*problème de la connaissance*), bây giờ chỉ còn phải đặt nền tảng bản thể luận cho đạo đức học. Vấn đề không khó khi người ta đã quan niệm thực thể người với thực thể thiên nhiên là một

Đạo trời có 4 đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh thì đạo của người có 4 đức tương ứng : Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí.

Hiện tượng người là một phát hiện của những nguyên nhân nguyên thủy (Nguyên) cho nên người có « Nhân », người được hướng dẫn bởi nguyên tắc toàn thiện (Hanh) cho nên người biết « Lễ », người có một cứu cánh (Lợi) cho nên người biết « Nghĩa », người có cái gốc sáng suốt của thái cực cho nên biết « Trí ».

DO thực thể siêu hình của con người như vậy cho nên Khổng Tử nói : *« Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của quỷ thần cái khí tinh tú của ngũ hành » (Lễ-ký : Lễ vận IX).*

Nền văn minh nào cũng khai triển dưới một vài nguyên tắc triết lý chỉ đạo cuộc sống. Triết lý Đông Phương gắn liền con người với thiên nhiên như vậy, con người suy diễn những nguyên tắc triết lý đó xuống lãnh vực hình

nhị hạ học, lãnh vực bình thường nhật dụng, tạo ra lễ thói, phong tục kỷ cương, học thuật, hiến chế. Họ tạo ra một cuộc sống hòa mình với trời đất với âm dương ngũ hành, họ uốn mình theo nhịp tứ thời bát tiết và tìm thấy thư thái an hòa và cõi bỏ phần nào thắc mắc về kiếp sống.

Hẳn là chúng ta nhận thấy triết lý vui sống như vậy rất thiếu thốn và không trả lời được nhiều thắc mắc thần bí và không an ủi con người khổ đau; những thống khổ trên đời hầu như muốn cải chính quan niệm triết lý vui sống của Khổng Tử. Chỗ thiếu thốn trong tâm hồn đó họ lấp bằng những quan niệm siêu hình của Phật Giáo, Lão Giáo.

QUA sự trình bày trên đây chúng ta nhận thấy nếu đứng về phương diện lý luận thuần túy thì phương pháp lý luận của Khổng học rất chặt chẽ, đầu đuôi xuôi ngược ăn khớp với nhau. Nguyên lý « khả năng hiểu biết của con người » và nguyên lý « con người vốn thiện » đều có căn bản lý thuyết vững vàng. Chính nhờ căn bản lý thuyết đó mà Mạnh Tử đánh bại hết các học thuyết khác, và những thuyết thảm bại ngủ yên cho tới ngày nay. Mới có một thuyết của Mặc Dịch được cơ hội thuận tiện của Mao Trạch Đông cho hồi sinh.

Sự độc quyền triết lý trên thực tế ấy, tôi có cảm tưởng là không phải một ưu điểm. Nhận định triết học Tây Phương ta thấy hệ thống nào cũng là cái lâu đài bỏ dở. Và những kẻ hồ của hệ thống lại chính là lối thoát cho

tư tưởng về sau khiến cho triết lý của họ luôn luôn đổi mới.

Thiết tưởng sự nhận xét trên đây có một tầm quan trọng vô cùng mà chúng ta cần phải đặt thành một vấn đề có thể coi như vấn đề then chốt của văn học tư tưởng Á Đông.

CÓ lẽ tính cách chặt chẽ của một hệ thống lý luận là một nét chung cho triết lý Đông Phương. Tôi hơi lấy làm lạ rằng các nhà « Đông Phương Học » hình như cho rằng triết lý Đông Phương không thành hệ thống, không có phân tích mà chỉ bài liệt thành một hàng lối riêng khó phân tích khó kiểm soát. Có lẽ họ không quen với lối lý luận của mình chăng? Dầu sao đây cũng là những điểm chúng ta cần phải đặt thành vấn đề.

Nhìn qua triết lý Phật Giáo chúng tôi cũng nhận thấy tính cách chặt chẽ của hệ thống lý luận. Ta biết rằng cái tử địa của các triết thuyết là giải thích sự hiện hữu của thế gian, của sự sinh tử. Triết thuyết nào đến đây cũng bế tắc vì đều phải tham chiếu một tuyệt đối rất vi ẩn là Thượng Đế, Thái cực v.v... Với hệ thống luân hồi vô thủy vô chung người ta không cần bận tâm đến tuyệt đối nữa và tránh được bế tắc. Sau đây là sự trình bày của nhà học giả Trần trọng Kim, sáng sủa hơn cả: « Xét về đường lý thuyết thì cái thuyết Thập Nhị nhân duyên giải quyết được vấn đề thế gian và sự sinh tử một cách hoàn bị hơn cả. Các học thuyết khác, hoặc Đông, hoặc Tây xưa nay phần nhiều đã nghiên cứu về vấn đề vạn hữu ở trong vũ

trụ, tuy vẫn có nhiều thuyết rất cao thâm uyên áo, nhưng thuyết nào cũng cho vạn vật có cái bản thể tự tại, dù có nói là vạn vật do cái nhân mà sinh khởi ra nữa, thì cũng chỉ nói là do các thứ nhân gốc ở cái tự thể rất vi ẩn mà thành ra các hiện tượng biểu lộ, chứ không ai nói cái tự thể ấy là nhân duyên. Bởi vậy cái kết thúc sự luận lý của các học thuyết ấy tất nhiên là phải nhận có một cái nhân sinh ra nhiều quả. Vạn vật đã do một nhân mà sinh ra thì phải nói là có một cái nguyên thủy. Đã có cái nguyên thủy, tất phải có cái chung thủy. Vì thế cho nên các nhà tôn giáo và các nhà triết học không có nhà nào không cố hết sức để nói cái nguyên thủy của vạn vật, mà rút cục vẫn không phân giải được rõ ràng, rồi chỉ thấy cái thuyết của họ đi đến chỗ cùng, không thông được.

BÊN Phật giáo chủ trương cái thuyết cho nhất thiết chư pháp vốn không có tự thể, chỉ vì cái duyên tích tập mà sinh ra các ảnh hưởng. Bởi thế cho nên suy lên đến thiên cổ về trước cũng không thấy vạn vật có thể mà xét đến muôn đời về sau cũng không thấy vạn vật có chung. Vạn vật đã không có thể có chung cho nên không cần phải miễn cưỡng nói cái nguyên thủy vạn vật mà cũng không cần nói đến cái chung thủy của vạn vật. Nhất thiết pháp đã không có tự thể thì nhất thiết sự vật ở trong vũ trụ đều không có cái tính nhất định, kiên cố thực tại, và chỉ là tùy duyên khởi mà động mà sinh » (Phật giáo. T.T.K.)

Ta có thể nói Triết luận Phật giáo là một mâu thuẫn lý hoàn toàn, một hệ thống lợc trong được hết mâu thuẫn và vấp vấp đề đi đến chỗ cùng thông. Tuy nhiên, đây chúng tôi chỉ đứng về phương diện luận-lý-học thuần túy, mà nói, xin nhấn mạnh điểm này : chúng tôi chỉ nói hệ thống gói ghém được mọi yếu tố dùng để suy luận chứ không nói gói ghém được mọi hiện tượng vũ trụ, mọi quan niệm nhân sinh quan và vũ trụ quan.



SỐNG dưới sự chỉ đạo của những nguồn tư tưởng siêu hình cố gắng đặt cho hiện tượng người sự liên hệ mật thiết với các hiện tượng khác và gán cho con người một cái tâm đồng nhất thể với bản thể toàn diện (đối với Khổng Tử thì cái tâm ấy là thái cực, đối với Phật giáo thì cái tâm ấy là chân như). Vậy là triết lý đã uốn nắn dần trong 2500 năm cho tri thức và tiềm thức con người vào một cái khuôn nhất định. Khuôn khổ sống ấy muốn rằng người ta hòa mình với vũ trụ thiên nhiên đừng quá bận tâm với thắc mắc cuộc sống. Và họ đã luyện được một tâm hồn thư thái an hòa yên ổn mà sống mà chết, bởi vì sinh tử chỉ là sự tuần hoàn của hết thầy các hiện tượng chứ không riêng gì hiện tượng người. Cái «tâm» kia mới là cái thực, cái thường hằng ; thì nó vẫn đó có đi đâu mất mà phải phát hoảng !

Nhưng mà, than ôi khôn ngoan quá cũng không phải là thượng sách.

KINH nghiệm cho người ta thấy rằng sự sống linh diệu và uyên áo của dân tộc không thể bộc lộ thần khí trong một bầu không khí rào đón, bùng bít bởi một phong thái suy tư, chiêm nghiệm và rung cảm già nua. Lương tri con người bảo đảm được trật tự trong một kích thước này nhưng lại bóp nghẹt khả năng tạo tác trong một kích thước khác. Văn minh Á Đông suy tàn vì loài người quá tin ở một hệ thống suy tư hoàn bị cho nên bóp nghẹt khả năng tạo tác. Trái lại văn minh Tây Phương quá tin ở

khả năng tạo tác kỳ xảo, đã đưa giống đời đến chỗ bế tắc.

Đó là hai phương diện của một vấn đề mà người ta khó lòng thấu triệt qua sự suy luận bằng những công thức trừu tượng, chỉ có một thái độ nhận định qua kinh nghiệm cụ thể của người thấu suốt được cái lý cao thâm của giống sống mới có khả năng phóng mình vào tương lai mà đặt các câu hỏi phải đặt ra và tìm cách trả lời thỏa đáng. Tùy thuộc cách trả lời đó mà ta biết tương lai nhân loại sẽ đi về đâu.

Đón đọc :

ẢO TƯỢNG

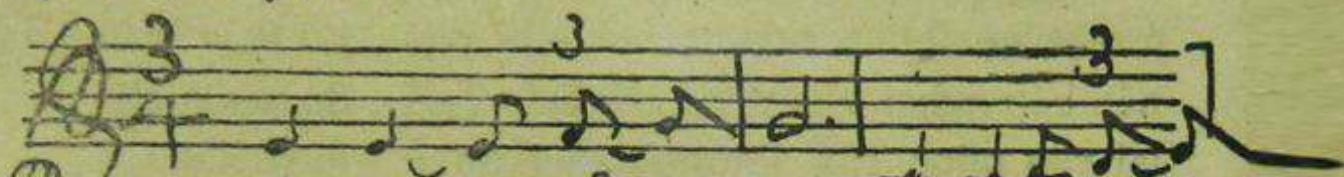
Tập truyện của Nhất Hạnh, Sơn Nam, Hồ Hữu Tường
Chinh Ba, Thiều Chi, Tuệ Uyển, Võ Phiến.

do nhà **LÁ BỐI** ấn hành trong tháng 12-65

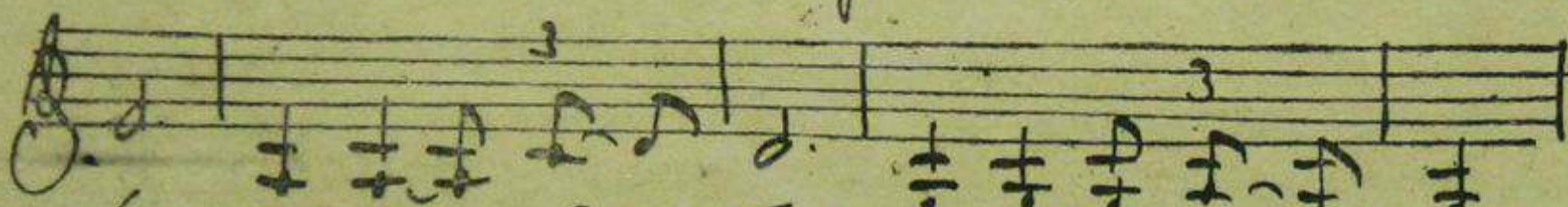
Tâm ca số 6

nhạc ra lời:—
Phạm Duy

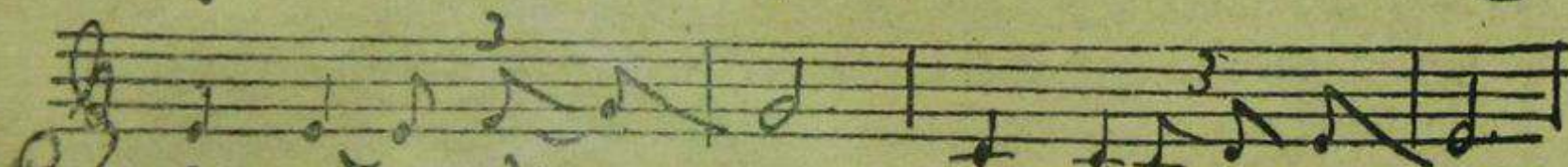
Rất trầm tĩnh



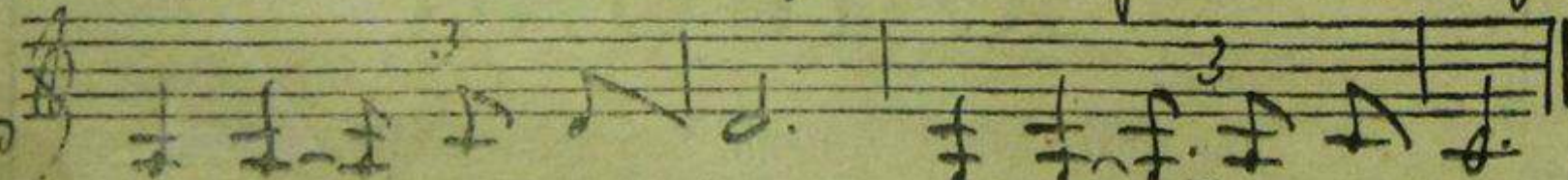
- 1.- Một cánh cù (i) Khô một tờ lá cá)
2.- một hàng rêu (a) thừa một đàn Kiến (a)
3.- Một mảy vai (i) non một vòm tóc (c)



- 1.- ủa một hồn uối (i) to một làn bụi (i) mờ...
2.- gió một nhòa giăng (g) to một ô to (o) vô...
3.- sóng một vánh tai (i) ngon một ô tron (a) tron...

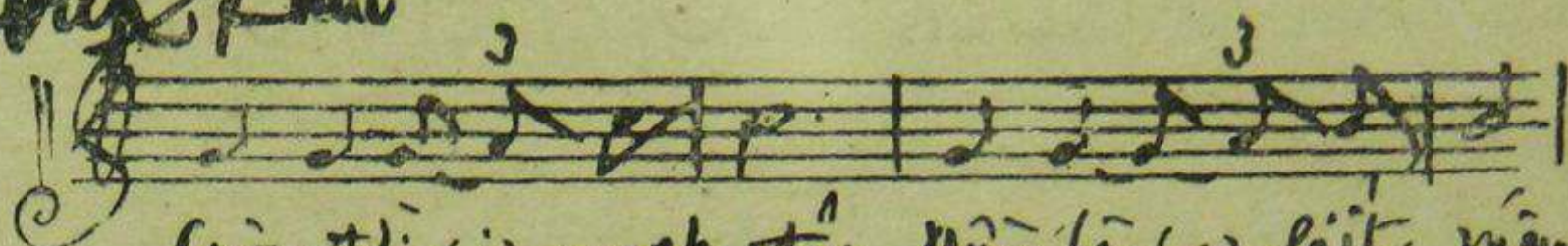


- 1.- Một gòn cỏ (o) may một vại miêng (g) gầy
2.- một giồng con ve kêu một điều con dế nói
3.- một làn mi (i) cong một vầng má (a) nóng

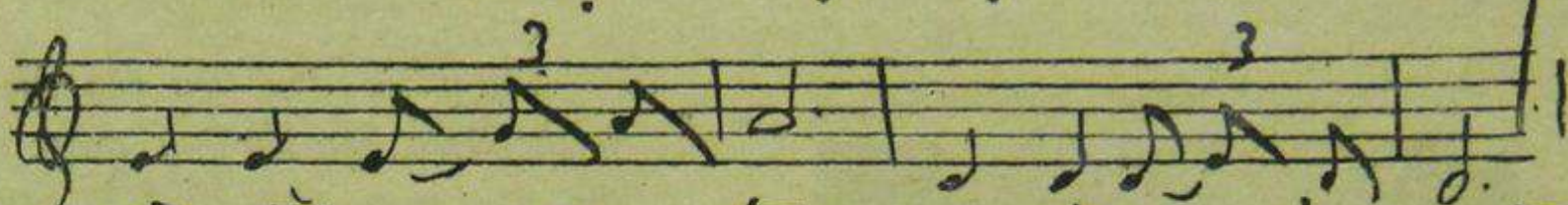


- 1.- một bat mùa (a) bay một giọt sương mai!
2.- một lời thề (g) neo một chiều... xôn xao!
3.- một hàm răng (g) trong một bàn... tay thườn!

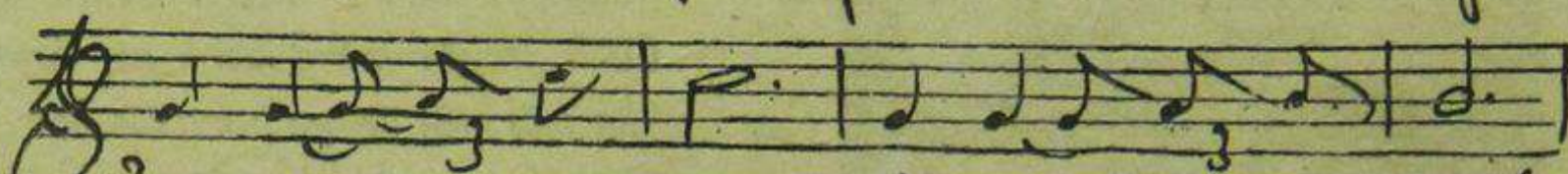
Điệp khúc



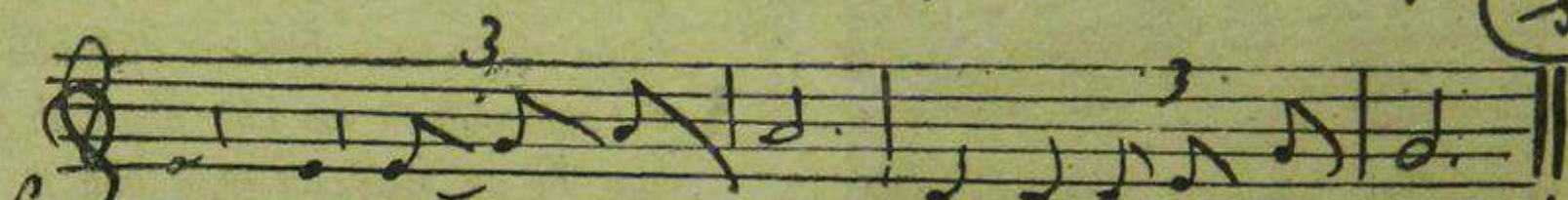
(Ước) thời (i) quanh đây Mây là (a) biết mây



Đỉnh đây (i) trong tay và tình (n) ở ngoài...



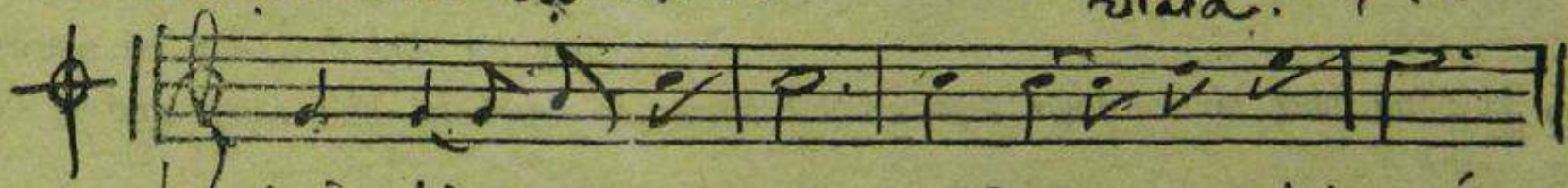
ở gần (n) bên tôi Hỡi người thi (ế) giới



Cũng như (ò) như thời. Đi' buồn (n) hay vui...

Chậm hẳn lại

ritard.



Đi Hết. (Ước) thời (i) quanh đây Mây là (a) biết mây



thở ♦ thở ♦ thở ♦ thở ♦ thở

ALEXANDER SOLZHENITSYN



Tác phẩm đầu tiên của Alexander Solzhenitsyn, sau khi ông được ra khỏi nhà giam trong năm 1956 là một cuốn trung thiên tiểu thuyết nhan đề « Một ngày trong đời sống của Ivan Denisovich ». Cuốn truyện mỏng manh này được coi như một hiện tượng trong văn học Nga. Từ một người bị bỏ quên trong một trại giam; Alexander Solzhenitsyn bỗng trở thành nhà văn danh tiếng khắp thế giới. Cuốn truyện trên đã được dịch hầu hết các sinh ngữ và các nhà phê bình văn học Âu-mỹ đều cho rằng ông là một thiên tài có thể tiếp nối truyền thống văn học Nga với những tên tuổi sáng chói như Leon Tolstoi, Dostoevsky, Gogol, Chekov v.v... Các bài ngắn ngắn mà chúng tôi dịch dưới đây có người

cho là giống như những đoạn « phác họa » nhưng có người lại cho rằng « có lẽ là thơ xuôi » ?

TRONG đêm trời đổ mưa, những áng mây trời bồng bênh qua bầu trời và tuy vậy đó là những giọt thất thường. Tôi đứng dưới một cây táo mà nó đang rơi rụng những bông hoa — và tôi thở. Cây táo và cỏ xung quanh đã khô sau cơn mưa, và một mùi thơm nồng dịu khó tả bốc lên làm chệnh choáng không khí. Tôi hít sâu khi trời, sâu mãi vào buồng phổi tôi, toàn thể ngực tôi cảm thấy rạo rức với hương thơm. Tôi thở và lại thở, nhắm

mắt rồi mở mắt — tôi không biết cách nào thì tốt nhất.

Đây có lẽ là sự tự do, sự tự do duy nhất, nhưng quý nhất của các sự tự do mà nhà tù đã tước đoạt của chúng tôi : tự do để thở như thế này, thở nơi chỗ này. Không có thực phẩm nào trên trái đất, không rượu vang, cả đến cái hôn của người đàn bà cũng không êm dịu hơn đối với tôi bằng không khí này, hương thơm bốc lên này và mùi thơm bông hoa của không khí.

t trời mưa tươi mát. Có nghĩa gì nếu chỉ là một khu vườn nhỏ được vây kín bởi các bin-đỉnh năm tầng như những cái hang trong sở thú? Tôi không còn nghe nữa những chiếc xe mô tô nổ máy, tiếng kêu rú lên của các máy thu thanh khuếch âm, tiếng nổ lẹt đẹt của các máy phóng thanh. Bao lâu mà tôi có thể đứng dưới cây táo sau cơn mưa và chỉ thở thoi — lúc đó tôi còn có thể sống được.

hồ Segden

CH Ữ A bao giờ có ai viết về cái hồ hoặc lớn tiếng đề cập đến nó. Hết thấy các con đường đến đó đều bị ngăn chặn, như thể nơi đó có một vài tòa lâu đài quyền rũ, và trên mặt hồ có treo một dấu hiệu giản dị, cấm lạng chỉ sự ngăn cấm.

Khi bạn thấy dấu hiệu đó nằm ngang qua trên con đường của bạn, dù bạn là người hay con thú đi nữa — phải quay trở lại! Cái dấu hiệu đó do những kẻ cai trị đầy quyền lực của thế giới này treo ở đó — dấu hiệu nghĩa là: không được cưỡi ngựa, không được bay, không được đi bộ và không được bò.

Có những tên lính gác với những khẩu súng trường và những khẩu súng sáu núp ở bên đường.

Đi vòng quanh và bạn lang thang trong rừng lặng lẽ tìm kiếm một con đường đi qua cái hồ. Nhưng bạn sẽ không tìm ra con đường, bởi vì ở đây không có ai để hỏi. Sợ hãi, người ta đã chạy trốn mất và chưa hề có ai đi vào trong rừng. Tất cả điều bạn có

thể làm là đi theo tiếng kêu leng keug của lục lạc bò và chọn con đường theo lối đi mòn của cầm thú ở giữa trưa trong một ngày mưa. Bỗng nhiên sự dài lớn của làn nước đó sẽ chụp phủ xuống bạn từ giữa những cây cối và trong khi bạn vẫn còn đang chạy bạn biết rằng hết thấy những nơi trên trái đất này bạn sẽ yêu mến cho đến những ngày cuối cùng của đời bạn.

Hồ Segden là một cái hồ tròn bị cắt đứt với những khoảng rộng. Nếu bạn đứng trên một phía bờ và la lên nhưng bạn sẽ không la trong trường hợp một người nào đó chú ý đến bạn, chỉ có một tiếng vang mệ mội sẽ vọng lại ở phía khác.

Một con đường rất dài chạy dọc theo mé rừng bao kín cái hồ. Một hàng cây ngang hàng, bằng phẳng đan kín không có lấy một lỗ hổng. Khi bạn đi xuống mé rừng bạn có thể thấy tất cả bờ hồ bị vây kín xung quanh: một vệt dài cát vàng, một đám lau sậy xám nhấp nhô, một miếng đất nhỏ có cỏ xanh bằng phẳng. Nước thì bóng loáng, êm đềm và lặng lẽ. Đây đó gần bờ hồ có bèo nhưng nước ở giữa hồ thì trắng trong thấu suốt, bởi vì dưới đáy hồ cũng trắng nữa.

N Ữ Ớ C cô tịch. Rừng hoang vắng. Cái hồ nhìn bầu trời, bầu trời nhìn cái hồ. Có thể có nhiều vật khác trên trái đất, nhưng ai biết — không vật gì có thể thấy được qua cây cối. Và nếu có bất cứ vật gì khác nữa người ta cũng không cần và sẽ không bao giờ nhớ tiếc ở tại đây. Đây là một nơi vui

sống trong sự tốt lành... Linh hồn bạn sẽ trôi chảy, y như khi trời rung động, giữa nước và bầu trời, và những ý nghĩ của bạn sẽ trở nên trong suốt và sâu sắc.

Nhưng không thể được như vậy. Một ông hoàng độc ác, cặp mắt lé đề tiện đã kiểm soát khắp cái hồ : đó là ngôi nhà mùa hè của y, đó là chỗ tắm của y. Những đứa con hiềm ác của y câu cá và bắn vịt nước từ một chiếc thuyền. Thoạt tiên một cụm khói xanh nhỏ phủ trên hồ, sau đó một lúc là tiếng nổ của phát súng.

Phía ngoài đó, ở bên kia khu rừng dân quê phải làm việc đổ mồ hôi xót con mắt. Và để cho không một ai có thể quấy rối chúng, tất cả các con đường tại đây đã bị ngăn chặn hết, câu cá và trò chơi chỉ dành riêng cho bọn chúng mà thôi. Đây là những dấu vết của một cuộc lửa trại mà một người nào đó đã cố gắng đốt lên : Chúng đập tắt, rồi tổng cổ hần đi.

Hỡi chiếc hồ hoang vắng thân yêu.

Quê hương

phản chiếu trên nước

TRÊN mặt của dòng nước chảy xiết bạn không thể nào nhận ra những cái chuân đích gần hay xa. Dù nó không có đầy bùn đi nữa, dù bèo bọt lênh đênh đi nữa sự phản chiếu trên những gợn sóng chấp chờn bất tận và dòng nước chảy mạnh đổi chiều một cách dữ tợn thì sự phản chiếu đó là cả một điều lừa dối, lơ mơ, không thể chấp nhận được.

Chỉ khi nào từ dòng nước này đến dòng nước nọ, luồng nước đến gần một cửa sông yên lặng hoặc trong những chiếc hồ nhỏ mà không bao giờ có những gợn sóng rung rinh, chúng ta thấy trong mặt nước trơn bóng như kiếng, chiếc lá nhỏ nhất của một cây trên bờ, mỗi làn của một cụm mây bạc đầu và sự xanh thắm của bầu trời trải rộng ra.

Như vậy dòng nước là với bạn và tôi. Nếu cố gắng như sức chúng ta có thể, chúng ta sẽ không bao giờ có và cũng không giờ bao giờ sẽ có thể thấy được điều phản chiếu sự thực trong tất cả bản chất nguyên vẹn rõ ràng tự tại của nó, vì không giản dị đâu, bởi chúng ta không còn đang chuyển động, không còn đang sống sao ?

kiến và lửa

TÔI ném một khúc củi mục lên ngọn lửa không để ý đó là nơi cư ngụ một thuộc địa đông đảo của loài kiến. Khi khúc củi bắt đầu kêu răng rắc, đàn kiến đổ xô ra ngoài và chạy quẩn quanh trong nỗi tuyệt vọng. Chúng chạy tới chạy lui trên mặt khúc củi, khô cứng lại và chết cháy trong ngọn lửa. Tôi nắm chặt khúc củi và lẩn nó sang một bên. Bây giờ nhiều con kiến thoát được, chạy vào trên cát và cây thông vô dụng

Nhưng thật kỳ lạ, chúng không chạy khỏi ngọn lửa ngay lập tức.

Ngay sau khi chúng đã chế ngự được sự sợ hãi của chúng, chúng bèn quay trở lại, chạy quanh thành vòng tròn, như thể bị một vài sức mạnh lôi

kéo chúng trở lại với quê hương bị ruồng bỏ của chúng — mà ở đó cả một đàn trở lại bò trên khúc củi đang cháy và chạy thật mau loanh quanh trên đó cho đến khi chúng bị tiêu hủy.

bão trên rặng núi

CƠ N bão bắt lấy chúng tôi trong một đêm tối như mực trên sườn núi. Chúng tôi lẳng lặng bò ra khỏi các căn lều của chúng tôi. Bão đang tiến về phía chúng tôi từ trên Chỏm Núi.

Vũ trụ không có gì ngoài sự đen tối, không trên, không dưới, không chân trời. Lúc bảy giờ bóng tối đã được xé toang ra bởi tia chớp, rặng núi Belolakaya và Djuguturlyuchat khổng lồ nhô ra, và những cây thông đen đúa rất cao quanh chúng tôi trông cao vút như rặng núi. Chỉ trong một thoáng giây chúng tôi hơi tin rằng mặt đất đã tồn tại, mà hơn một lần tất cả là đen tối và sâu thẳm.

Những làn chớp đang tiến đến gần hơn, bóng tối chợt sáng chợt tối lập loè chói mắt, một màu trắng rực rỡ một màu hồng chói lọi, một màu tím nhạt sắc sảo, và dần dần rặng núi và những cây thông xuất hiện, y như nơi chúng đã có từ trước, đã làm khiếp đảm chúng tôi với các kích thước uy nghi của chúng, và khi chúng biến mất trở lại thì không thể nào tin rằng chúng đã từng hiện tồn.

Âm vang sấm sét lấp đầy các thung lũng hẹp, sâu và tiếng gào thét không ngừng nghỉ của dòng sông có thể không còn nghe được nữa

Những tia sấm chớp từ tận trên Chỏm Núi cao đổ xuống giống như những mũi tên của các vị thần Lữ diêm (1) và cắt đứt thành từng đường ngoằn ngoèo và làm chảy tan từng giọt ánh sáng một như thể chúng đang đập vào những tảng đá làm tan ra hay đập mạnh và làm bể nát một vài vật sống động.

Và chúng tôi đã quên sự sợ hãi sấm chớp, sấm sét và mưa như cầm chỉnh đồ xuống, bởi vì một giọt nước trong đại dương không sợ cơn bão lốc. Chúng tôi trở thành vô nghĩa và biết ơn những vật nhỏ nhoi của vũ trụ. Một vũ trụ đã sáng tạo ngày hôm nay, từ hư vô, ngay trước mắt chúng tôi.

khúc gỗ du thụ

CHÚNG tôi đang cưa củi, nhặt lên một khúc gỗ du thụ và la lên trong sự ngạc nhiên — suốt thời gian kể từ khi cây du thụ này được tĩa xén cành nhánh và một cái máy cày nhỏ góc lên, cưa ra thành từng miếng, và những miếng gỗ này ném vào các xà lan và chất lên các xe cam nhông, đoạn xếp chồng lại và đổ xuống đất — tuy thế gỗ du thụ vẫn chưa chịu quy hàng!

Nó đã lú ra một mầm non mới, mà cái mầm này tự nó có thể trở thành một cây du thụ, hoặc một nhánh cây đầy lá xạc xào.

Chúng tôi đã đặt khúc cây trên giàn cưa — như thể một chiếc đầu của tử tội — nhưng không làm sao chúng tôi có thể cưa nó được. Làm sao mà

(1) Lord of Hosts

chúng ta có thể cura nó ? Nó cũng muốn sống nữa chứ ! Hãy xem nó muốn sống biết bao — còn hơn cả chúng ta muốn sống nữa mà !

sharik

MỘT đứa bé trai đứng trong sân chúng tôi nắm sợi giây xích cột con chó nhỏ tên là Sharik. Họ đã xích nó khi nó mới chỉ là một con chó con

Một hôm tôi đem cho nó một vài miếng xương gà con trong khi còn nóng và có mùi ngon lành. Nhưng đứa bé cũng vừa cởi xích cho con vật nhỏ bé đáng thương cho nó chạy. Trong sân tôi có tuyết dày và mềm như lông. Sharik nhảy tung tăng như con thỏ rừng, đưa hai chân trước lên khỏi mặt đất rồi hai chân sau, nhảy từ góc này tới góc kia ở trong sân và lại trở lui, với tuyết trên mõm của nó.

Nó chạy đến tôi, một sinh vật đầy lông và nhảy nhót khắp quanh tôi, rồi chạy đi đánh hơi những miếng xương — và chạy trở lui, cho đến khi bụng nó ngập trong tuyết

«Tôi không cần những miếng xương của ông» dường như nó nói thế, «chỉ cho tôi sự tự do của tôi thôi».

nơi sinh trưởng của Yesenin

BỞ N ngôi làng, làng này nối đuôi làng kia kéo dài ra một cách buồn tẻ dọc theo một con đường. Không có những vườn hoa quả và cũng không có khu rừng nhỏ gần bên, chỉ có hàng rào không vững chắc và các khung cửa sổ sơn màu rực rỡ quá. Một

con heo khổng lồ và mập phệ ủi đôi giày khiêu vũ ở giữa đường. Một đàn ngỗng có trật tự đồng thanh hợp xướng như thách thức giao chiến sau khi bóng một chiếc xe đạp thoáng vụt qua. Những con gà mái bận rộn bước cào trên đường và các sân sau để tìm kiếm thức ăn.

Cửa tiệm làng ở Konstantinovo đặt trong một túp lều giống như một cái chuồng gà không vững chắc. Có những con cá mòi. Hết thấy các loại cá mòi. Có những viên kẹo dính thành khối mà người ta ở khắp mọi nơi đã không ăn nữa mười lăm năm trước đây. Và cũng có những ổ bánh mì đen cỡ viên đá sỏi. Những ổ bánh mì mà cần một cái búa búa chớ không cần đến dao.

Những phần mỏng manh chia căn nhà Yesenin thành ra những chỗ ẩn núp và những cái lồng tôi tàn ở đó không có gì đáng cho bạn gọi là một gian phòng. Ở trong vườn có một túp lều không cửa sổ và dùng làm nhà tắm. Sergei Yesenin đã bỏ ra đó từ trong bóng tối để viết những vần thơ đầu tiên của thi nhân. Đứng bên kia trụ rào là một giấy ruộng.

Tôi đi quanh ngôi làng này mà nó cũng giống như bao làng khác, nơi mọi người cũng bận rộn với việc mưu sinh kiếm tiền, khao khát một mức sống cao hơn như của các người hàng xóm... và tôi đã bị kích thích. Một ngọn lửa dữ dội một lần đã đốt cháy vùng phụ cận này, và nó vẫn còn làm

(1) Yesenin là một trong những đại thi hào lấy lòng của văn học Nga. N.D. chú thích

má tôi cháy nóng. Tôi đi ra trên bờ sông thoải thoải xuống của dòng Oka, chăm chú nhìn về đằng xa và đó là một cảnh tuyệt diệu : có thể ông ta đã nhìn thấy giầy rừng chồi mờ nhạt đó ở đằng xa khi ông nói một cách huyền diệu : « *Rừng thông reo vang với tiếng khóc than của loài chim mỏ nhát...* Và thi nhân đã nghĩ đến những đồng cỏ dọc theo những khúc quanh của dòng Oka này khi ông viết về « *những đồng lúa của mặt trời trên chỗ trũng xoáy của dòng nước...* »

CÁI quặng vàng nào của thiên tài mà đấng Tạo hóa đã ném vào căn lều này, ném vào tâm hồn của chàng trai trẻ huyền ảo, quê mùa này, người đã nhìn quanh một cách sửng sốt và đã trực nhận ra nhiều vẻ đẹp nguyên chất trọn vẹn đến như thế — ở lò bếp, trong những vườn nhốt súc vật kín đáo, trong sân đập lúa, trong bãi đất hoang bên ngoài làng—vẻ đẹp mà người ta đã dầy xéo dưới bàn chân trong hằng ngàn năm trời và không bao giờ để ý đến?

chúng ta sẽ bắt diệt

CÓ một điều trước hết là chúng ta đã bắt đầu sợ chết.

Nếu chúng ta nghe một người nào chết chúng ta tránh viết cho gia đình họ hoặc đi thăm viếng : chúng ta không biết phải nói gì về việc đó, về sự chết. Chúng ta đã xấu hổ ngay khi đề cập đến nghĩa địa một cách đúng đắn. Bạn không nên nói với họ vì bạn

việc như «Tôi không thể đến trong ngày chủ nhật, tôi phải đi thăm viếng người thân của tôi ở nghĩa trang ». Thật là vô lý làm sao — thăm viếng người mà hẳn ta không thể dự vào một bữa ăn ?

Bạn muốn di chuyển một người chết từ tỉnh này đến tỉnh khác chẳng ? Bạn phải là kẻ điên khùng mới làm vậy —không một ai sẽ cho bạn một căn phòng trên chuyến tàu hỏa về việc đó. Và người chết cũng không chịu được cái cảnh đi qua thành phố một cách chậm chạp với âm nhạc, nhưng nếu họ không có thân nhân thì đem gấp đi trong những chiếc xe cam nhông.

Có một đạo họ vẫn thường đi quanh nghĩa trang của chúng tôi trong những ngày chủ nhật ca hát một cách vui vẻ và đem đưa những lư trầm thơm dịu dàng. Tâm hồn thì yên tĩnh và vết thương mà nó không tránh khỏi sự chết để lại trái tim đập ít hơn một cách đau nhức. Điều đó dường như sự chết đang nhìn chúng tôi từ dưới những mô đất con xanh biếc của chúng với một cái khẽ mỉm cười và nói : « không hề gì ! không hề gì ? »

Nhưng ngày nay, nếu tất cả nghĩa trang đã được giữ gìn, có những tấm bảng yết thị như : « *Các chủ nhân mộ chi ! ông phải phạt tiền nếu ông không hốt dọn rác rưởi năm rồi !* » Và hơn thế nữa một đôi khi họ cho xe ủi bằng phẳng để làm vận động trường hoặc một công viên văn hóa.

Và những việc làm đó dành cho người mà họ, đã chết cho đất nước như bạn và tôi cũng có thể chết như vậy lắm chứ. Giáo đường của

chúng ta vẫn dành một ngày cho họ — để tưởng niệm các chiến sĩ ngã gục trên chiến trường. Nước Anh Cát Lợi nhớ đến họ trong ngày Poppy (1).

Mỗi quốc gia đều làm như thế — dành ra một ngày để tưởng nhớ đến những kẻ đã dâng hiến sự sống của họ cho những kẻ khác. Trong khi chúng ta trên xứ sở này có nhiều sự sống hơn là hy sinh hơn bất cứ ở đâu khác, thế mà chúng ta không có lấy một ngày như vậy.

NẾ U chúng ta nhìn lại tất cả những kẻ mà họ đã mất sự sống của họ... ai sẽ là người xây tường lót gạch? Chúng ta đã mất những

người chồng, những người con, những kẻ thân yêu trong ba cuộc chiến tranh... Hãy nhận lấy sự mất mát hồi chiến tranh, vật tàn hại, hãy nằm dưới những tiềm bi tháp tứ giác bằng gỗ đã sơn phết của người... hãy để chúng tôi tiếp tục với sự sống.

Bởi vì chúng tôi sẽ bắt diệt.

Đây là chớp đỉnh triết lý trong thế kỷ hai mươi của chúng ta.

BÌNH THUẬN lược dịch

(1) Ngày tưởng nhớ các chiến sĩ bỏ mình trên các mặt trận ở Flanders trong cuộc chiến tranh 1914-1918 N.D. chú thích.

sắp phát hành :

mười bài tâm ca

tập nhạc tuyển của PHẠM DUY

bìa và phụ bản của Hiếu Đệ, Thái Tuấn, Nguyễn Trung, Ngọc Dũng

do nhà LÁ BỐI ấn hành trong tháng 12-65

chín

MƯỜI TÝ

TÔI ngồi lặng im bên Mười gần mười phút. Tôi nghĩ rằng chẳng cần nói năng nhiều mà chị em vẫn có thể hiểu nhau. Chẳng biết Mười có nghĩ như tôi không nhưng hình như em cũng ưa ngồi yên bên tôi như vậy mỗi khi tôi đến chơi.

Mười ngồi trên chiếc ghế nhỏ. Bốn chân ghế khấp khểnh trên nền đất gồ ghề.

Một chiếc bàn tròn chần giữa chiếc ghế của em và bộ ván cây xù xì tôi đang ngồi buông thông chân. Một tay em mân mê mấy quyển sách tôi vừa mang đến một tay em để trên đầu gối. Em mặc cái quần tây chẳng biết từ màu gì đã đổi sang màu xám với một miếng vá to và dài từ đùi lên quá gối. Chiếc áo bà ba đen đã phai màu.

Áo quần như vậy nước da đen điu sạm nắng với chút ít bùn trên tay, trên áo như vậy khiến em chẳng khác gì những cô bác trong làng. Tuy nhiên nhìn kỹ lại từng nét thì ta thấy Mười có khác. Chiếc mũi thon nhỏ nằm giữa đôi mắt dài, đôi môi mỏng với hàm răng nhỏ đều đặn khiến em có vẻ một thư sinh. Mép tóc hơi quăn buông xuống trán làm cho gương mặt em càng thêm dịu dàng. Em nhìn ra ngoài trời. Vài tia nắng cuối còn sót lại trên ngọn lá dừa nước. Cái chái sau nhà Mười, chỗ chúng tôi ngồi, ở sát con rạch con nên hàng dừa nước xanh mát nằm ngay bên cạnh tôi.

Hôm nay lại là ngày nước lớn ;

nước dâng lên mấp mé nền đất dưới chân bộ ván.

— Trời tối quá, chị đem sách tới màn chỉ cho cực !

— Giọng nói con trai mới lớn, tiếng bẻ tiếng còn của Mươi vang lên rồi im bật.

Tôi mỉm cười không nói.

Việc tôi mang sách xuống cho Mươi đọc cũng có nhiều nguyên do. Mà nguyên do gần nhất là tôi sợ em trở thành như cô bác trong làng, cứ say sưa rượu chè suốt năm suốt tháng.

BỮ A đó nhân đem băng về dán lại tờ khai gia đình cho thím Sáu tôi mang cả mủ cao su (*ballon magique*) về chơi với các em trong xóm Đáy. Dán tờ khai gia đình xong tôi bắt đầu nhúng tay vào nước bắn mủ cao su ra và kê vào ống trúc để thổi cho cao su phồng thành bong bóng. Đây cái bong bóng này là của em đây Út Trai, còn cái bong bóng này là của Mươi Vui, còn cái bong bóng này là của Chín Hồng. Mất các em sáng lên khi nâng quả bóng màu hồng đỏ lên cao rồi ép nhẹ vào lòng ngực các em. Trong khi chơi bong bóng với các em tôi vẫn trò chuyện với cô bác ngồi quanh đó. Bác Tư má của Mươi, than phiền con mất bác sao mờ đi chẳng thấy rõ. Bác nói người ta bảo rằng tại vì uống rượu mới như vậy.

Tôi ngạc nhiên :

— Ủa, thưa bác, bác mà cũng uống rượu sao ?

Bác hơi ngượng :

— Ở thì lóng trước cũng có uống cho vui. Giờ thì hết rồi cháu à. Lâu lâu uống chút định thôi.

Vậy mà tôi cứ ngỡ là ở xứ mình chỉ có đàn ông mới say sưa rượu chè chứ đàn bà hẳn phải ghét rượu ví dụ như thím Sáu vậy. Thím rất bức mình vì ông chồng say sưa tối ngày rồi về đánh đập vợ con. Tôi chép miệng.

— Chà, xóm này cô bác sao ưa rượu quá.

— Phải đó cháu. Đi cày cấy thức khuya trên sông lạnh lắm phải uống chút rượu cho ấm. Mà bữa nào không đi cày, ngồi không cũng buồn. Nhâm nhi cho vui.

Thét rồi nó quen đi.

Bác tư trở sang Mươi và nói tiếp :

— Nè, thằng này cũng lai rai rồi đó Chín.

Tôi quay sang em ngạc nhiên :

— Hả Mươi ? em mà cũng uống rượu rồi sao ?

MƯỜI hơi ngượng lúng túng :

— Mới lai rai chút ít thôi, chị.

Tôi nói nửa đùa, nửa thật :

— Coi chừng nghe, chị sẽ đi vận động cho con gái trong làng chẳng thèm uống con trai uống rượu. Cho mà nguy.

Mười với hai người bạn cùng lứa tuổi ngồi kề bên cười ha hả.

— Thì kiếm con gái làng khác, thiếu chi chị! Con gái làng khác còn đẹp hơn, dễ thương hơn.

Tôi thua lý, ngồi im, biết rằng không thể dùng cách ấy mà khuyên em đừng nên uống rượu nữa.

Trong khi tiếp tục thổi bong bóng cho các em tôi giải thích cho bác Tư biết khái quát sự tàn phá cơ thể do rượu gây ra như thế nào.

Trời đã tắt nắng ; tôi sắp sửa ra về, chợt Mười nói :

— Cho tui miếng mủ cao su thổi chơi đi chị.

Tôi nhìn em. Những nét tổng hợp của một thằng con trai ưa cười vợ, ưa nhâm nhi « lai rai » rượu đế và một đứa trẻ con thèm chơi bong bóng trông mới ngộ nghĩnh làm sao. Tôi tự nhủ.

— À thì ra nãy giờ mình đang nói chuyện với một đứa trẻ con.

Mà Mười trẻ con thật mặc dù em đã phải chăm coi, gánh vác mọi việc đi chài như một người lớn. Em lo canh chừng con nước khi nào thì nước ròng khi nào thì nước lớn, mùa nào thì nước ròng, khi nào thì nước kém, đi cày giờ nào có nhiều cá tôm. Rồi cũng một mình em chỉ huy việc lưới cá, lựa cá ra bán, vá lưới, giặt lưới, nhuộm lưới...

TÔI hỏi em đã xem sách, xem tiểu thuyết lần nào chưa :

Em cười nói :

— Cũng có chớ chị. Bữa đó coi quyển Tề thiên đại thánh anh hùng khí. Sách toàn vẽ bằng hình coi hay hết sức !

Tôi lại chợt nhớ mình đang nói chuyện với một đứa trẻ con.

Có những hôm em đưa tôi sang ấp Thảo Điền có việc. Ngồi ghe bành bồng trên sông rộng tôi nghĩ đến khi đất nước thanh bình. Ngày đó có lẽ tôi sẽ có đủ bạn đi vào thôn làng góp phần xây đắp quê hương. Trong khi làm việc bằng chân tay, các bạn tôi sẽ ca hát và dạy các em thanh niên như Mười ca hát. Ngày đó có lẽ các bạn tôi sẽ thực hiện được cái mộng bình dân hóa khoa học, lịch sử, địa lý cho dân làng nghe bằng những câu về, câu lý, câu hát ru em. Đến ngày đó chắc là Mười sẽ không còn thèm « lai rai » rượu đế nữa.

Để giải quyết cấp bách nạn uống rượu của các thiếu niên như Mười, Quyền đề nghị đem bóng tròn về tập cho các em chơi. Nhưng mà cái xóm Đáy bé nhỏ của Mười chỉ toàn là bùn lầy nước đọng thì dù cho là bóng bàn cũng không thể chơi được nơi đây. Cuối cùng chỉ có cách là mang sách về cho em và các bạn cùng lứa tuổi em chia nhau đọc.

THẤY tôi ưa nghe chuyện đời sống trên sông của em Mười, chịu khó kể tỉ mỉ khi nào thì quăng lưới rồi chờ đến bao giờ thì kéo lên. Em còn rủ tôi hôm nào về đi cày với em một bữa.

— Em hay đi cày ở phía trên kia sông
lắm chị — hôm nay thì Mưòi chịu xưng
em với tôi khi trò chuyện rồi — Trên đó
có nhiều cá bóng trứng, bán được tiền.
Khi nào chị muốn đi cày với em thì
cứ đi thẳng lên Gò Vấp, rồi đến đò An
Phú Đông. Tới đó chị hỏi ghe Mưòi
Tý đâu thì ai cũng biết hết.

Tôi hứa sẽ đi cày với em một bữa
và cũng định đi thật nhưng mà công việc
nhiều nên quên mất. Vả lại từ nay em hai
ba chồng sách về cho các em ở xóm đáy
tôi chẳng về chơi một thời gian khá lâu
bởi vì tôi biết các em còn sách đọc.

Cho đến bữa nọ xuống thăm Út
Nhỏ bịnh tôi được cô ta cho biết rằng
suốt hai ba tuần ngày nào trên bến đò An
Phú Đông gò vấp Mưòi cũng lóng ngóng
chờ tôi.

Chị em đang nói chuyện thì Mưòi
về. Em gặp tôi mừng rỡ :

— Bữa đó ghe em đi ngang cầu Gia
định thấy chị chạy xe « đầu lùn » về
hướng làng, em kêu quá mà chị hồn nghe.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Em nói chị đi xe gì ?

— Xe « đầu lùn » chở xe gì chị.

Thấy tôi ngờ ngác, Út Nhỏ
giải thích :

— Thì cái xe chị hay đi về dạy tại
em học chở xe nào ! Người ta còn kêu là
xe « xô lét » đó mà.

TÔI nghĩ rằng nếp sống của bà con
xóm Đáy thực là lý tưởng cho những
thằng con trai như Mưòi. Vừa dùng trí để
tính toán *con nước kém, con nước ròng, con
nước rông, con nước lớn*, tính toán phải
chặn nơi đâu thì có cá nhiều, cá ngon vừa
hoạt động khi quăng lưới, kéo lưới, giật
lưới, vừa an nhàn khi ngồi hai ba giờ chờ
kéo lưới ngắm mây nước cây cối xanh
tươi ven sông.

Tôi nghĩ rằng đời sống gần thiên
nhiên của Mưòi, đời sống trong gió,
trong nắng và trong cả ánh trăng sao sẽ
làm cho tâm hồn em vươn cao, đậm chồi
xanh như đợt dừa nước sạch sẽ, thơm mát.
Và tôi cũng nghĩ rằng chính Mưòi cũng
ưa đời sống kia bởi vì tôi đã từng nghe
em kể những công việc hằng ngày của
em bằng hai con mắt trong sáng.

VẬY mà mấy lúc sau này về xóm Đáy
chơi tôi chẳng gặp Mưòi nữa. Út Lớn
cho biết Mưòi đi làm việc ngoài Saigon.

Em làm phu ở một hãng nào đó.

Một dạo khác lại nghe em đổi sở,
làm công nhân cho một hãng làm diêm
quẹt. Muốn gặp em thật khó. Em phải đi
làm từ sáng sớm và về khi thật tối.

Một bữa tôi xuống xóm Đáy chơi.
Vì ham ngồi học đan lưới ở nhà Kim
Đính nên tôi về trễ. Vừa ra đến cổng
nhà Đính thì thấy bên kia đường đê có
hai thanh niên tiến về phía xóm. Một
người mặc áo sơ mi trắng quần tây màu
đen. Một người mặc áo sơ mi hồng đỏ
quần tây trắng, đầu đội mũ rơm. Tôi rảo

bước, chẳng để ý đến hai người. Khi đi ngang tôi chợt thấy thanh niên mặc áo đỏ mũ rơm dừng lại. Anh có gương mặt hao hao giống một người tôi quen. Anh ta tủm tỉm cười. Tôi buộc miệng :

— A... phải mười Tý không đây ?

Mười cười nhe hàm răng nhỏ đều đặn của em ra khiến tôi bất chợt gặp lại thằng con trai mấy tháng trước.

Tôi ngắm em từ đầu đến chân. Cái áo sơ mi đỏ đó cái quần tây trắng đó, đôi giày đó không phải là của em. Mà chính các nụ cười và đôi mắt long lanh cười chung với cái miệng kia mới thật là em Mười Tý.

Nét mặt ngộ nghĩnh của thằng con trai ưa cưới vợ và đứa trẻ con ham trò bong bóng may quá vẫn chưa mất. Và do đó, tôi biết em sẽ không sống lâu được ở Đô thành.

Mà thật vậy. Chẳng bao lâu Út Nhỏ lại báo tin mười Tý đã trở về với nghề cày cấy.

Bác Tư than thở :

— Hồng biết làm sao mà nó đi lung tung hoài không có làm được chỗ nào cho chắc chắn hết.

CH O đến hôm gần đây, tôi về làng đến thăm em.

Mười bây giờ đã lớn hơn xưa. Nét mặt em già dặn hơn trước và đăm chiêu hơn trước.

Tôi hỏi em đã học được cái gì khi đi ra sống ở Saigon.

Chẳng trả lời câu hỏi tôi, Mười lại nói :

— Đờ sao như cái gì a, hén chị ?

Tôi hỏi lại :

— Tại sao em bỏ nghề cày cấy ?

— Tại ở đây không có gì vui, cứ làm hoài làm hủ.

Tôi chặn lại :

— Chớ em ưa ở không mà chơi phải không ?

Mười vội lắc đầu :

— Không, ở không thì lại càng buồn nữa.

Tôi hỏi tiếp :

— Rồi em đổi nghề gì :

— Đi làm phu. Mười đáp.

— Tại sao nghỉ làm phu :

Mười chẳng trả lời vội câu nói của tôi. Em nhìn ra xa thung thỉnh nói ;

— Tại cũng vậy. Cũng chán chán.

— Rồi em còn làm gì nữa ?

— Công nhân hãng hộp quẹt. Mười tiếp luôn :

— Tưởng vui hơn. Rốt cuộc rồi cũng chẳng có gì vui hết.

Tôi hỏi :

— Bây giờ thì em đã bằng lòng cái nghề «cày cấy» của em chưa ?

Mười lúc lắc đầu :

— Cũng chưa, nhưng mà nó khá hơn hết nên phải làm.

THANH NIÊN VỚI GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG VƯƠNG PẪN LIÊM

« Ba phần tư dân chúng trên thế giới thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nhà ở và không biết đọc, biết viết... »: Đó là lời tuyên bố của ông James Yen, nhà lãnh đạo trứ danh phong trào Giáo-Dục quần chúng Trung Hoa, báo-động tình-trạng khàn-trương của thế-giới vào năm 1950 trước hiểm họa Nghèo đói, Dốt nát và Bệnh tật.

L IỀ N sau đó, UNESCO là cơ quan văn hóa quốc tế của Tổ chức Liên-hiệp-Quốc gắp rút cho phác họa chương trình công tác xã hội mệnh danh là « Kế hoạch Giáo dục Căn bản ». Chương trình này nhằm « giúp cá nhân tiến đến một trình độ xã hội và kinh tế cao hơn để họ có thể thực hiện được nhiệm vụ của họ trong xã hội kim

UNESCO đã mô tả đại lược những hành động liên quan đến việc thực hiện « kế hoạch Giáo dục Căn bản » như sau :

« ... Muốn cho một đoàn thể chấp nhận những kỹ thuật sản xuất mới mẻ hoặc những nếp sống hợp lý hơn, ta phải bắt đầu cho họ hiểu sự lợi ích của nó, và muốn cho họ theo những tập quán mới, ta phải bắt đầu dạy họ những kỹ thuật mới. Nói thế không phải là muốn đặt đề hoặc bắt buộc điều gì cũng được, vì cái gì mới mẻ chỉ có thể đem lại kết quả tốt đẹp là khi nào được các đương sự tán thành. Vậy trước hết phải chinh phục lòng tin ngưỡng của dân chúng. Một người lạ đến để ngai với dân cư một làng nào đó để sửa đổi cách tổ chức đời sống cho họ, y tìm cách dẫn giải sự lợi

chỉ của phương pháp cây bừa này hoặc phương pháp trồng trọt kia, nói đến chích thuốc ngừa bệnh nọ, thề nào cũng gọi một mỗi ngò vực dù người ấy có được quý mến đi nữa, giá trị của những đề nghị đó không thề nào được công nhận ngay lập tức, vì dân chúng đã có những tập quán và phong tục được kinh nghiệm xác định vững chắc với thời gian. Muốn cho họ nghe ta, trước hết phải được họ thừa nhận, mà họ chỉ thừa nhận ta khi nào họ cảm thấy ta hiểu họ và kính trọng họ...»(1)

GIÁO dục căn bản không phải là một hoạt động duy nhứt vào thời bấy giờ. Nó chỉ là một chương trình chuyên biệt của Unesco, tương đương và liên hệ đến nhiều chương trình khác của các cơ quan chuyên môn trong tổ chức Liên hiệp Quốc, như tổ chức y tế quốc tế, tổ chức Lương nông, tổ chức Lao động quốc tế, tổ chức di cư quốc tế v.v. Ngoài ra, Giáo dục căn bản ra đời lại trùng hợp với nhiều kế hoạch của các chính phủ mà đường lối và mục tiêu không khác xa nhau mấy, như giáo dục xã hội, giáo huấn căn bản, giáo dục quần chúng, phát triển cộng đồng... Và nếu quốc gia hội viên nào áp dụng kế hoạch giáo dục căn bản thì lần hồi về sau cũng tìm cách sửa đổi cho thích hợp với thực trạng địa phương của mình, đôi khi lại thề hiện dưới một hình thức khác. Như chúng ta thấy ở Việt Nam đường lối Giáo dục cộng đồng hiện nay dù sao cũng mang ít nhiều tính chất giáo dục căn bản của thuở ban sơ.

Tuy nhiên, đường lối Giáo dục cộng đồng của nước ta đã được biến thể từ lâu và có những sắc thái riêng biệt về mục tiêu nguyên tắc cùng phương pháp áp dụng. Đó là một đặc điểm quan trọng.

Một cách khái quát, chúng ta có thể quan niệm — hơn nữa được chính thức áp dụng ở bậc Tiểu học — **Giáo dục cộng**

đồng là một đường lối giáo dục có tính cách thực tiễn và vị nhân sinh, hướng về hai mục tiêu chính yếu là trẻ con và Dân chúng đặt trên nền tảng Học đường và địa phương.

Trong phương-pháp áp-dụng, người ta tìm cách hòa-hợp **cá-tính-hóa** và **xã-hội hóa nền học** bằng cách thực-thi một chương-trình hoạt-động rộng-rãi và linh-động thích-hợp với nhu-cầu, hoàn-cảnh địa-phương. Chương-trình này nếu được thực hiện phải nhằm chủ-đích giải-quyết những vấn-đề cấp-thiết cho địa-phương liên-quan đến lãnh-vực y-tế, kinh-tế, giáo-dục và xã-hội và phải được mọi tầng lớp dân-chúng chấp-nhận, hưởng-ứng cùng ủng-hộ trong tinh-thần hiểu biết.

KẾ-hoạch Giáo-dục căn-bản, đường lối Giáo-dục cộng-đồng hay bất cứ một chương-trình công tác xã-hội nào khác đều thường thường được chính-phủ chú-trọng qua việc thực-thi quốc-sách và các đoàn-thể tư hay từ-thiện khởi-động. Riêng về các đoàn-thể sau này, thanh-niên là một thành phần đáng kể trong công cuộc xây-dựng xã-hội và cải-tiến nông-thôn.

Chính trong quyền Thanh-niên với Giáo-dục căn-bản, Unesco đã nhấn mạnh vai-trò trọng-yếu của thanh-niên như sau : « Trong những quốc-gia mà nạn mù chữ, bệnh tật và đói rét bị đẩy lui một phần lớn, sự đóng góp của thanh-niên có thể là chỉ áp-dụng các chương-trình giáo-dục và thực-hiện các công cuộc tương-trợ để tổ tình đoàn kết với các bạn của họ ở những vùng kém ưu đãi còn ở những xứ bán-khai, thanh-niên tham-gia trực tiếp hoặc chính họ đứng ra tổ chức các hoạt-động giáo-dục căn-bản ». (Trang 35).

(1) Thanh niên với Giáo dục Căn bản, Unesco, trang 25-26.

TRƯỚC đây chừng mười, mười lăm năm, khi chương-trình Giáo-dục căn-bản còn đang thanh-hành nhiều đoàn thể thanh-niên, sinh-viên thiện-chí đã đổ xô vào các hoạt-vụ có tính-cách xã-hội nhằm giúp đỡ dân chúng của quốc gia mình hay các quốc gia bạn.

Với mục đích nói lên vai trò của người thanh niên đối với công tác cải tiến dân sinh và phát triển nông thôn, chúng tôi xin trình bày sơ lược việc làm của bảy đoàn thanh niên thiện chí các nước theo kế hoạch Giáo-dục căn-bản sơ-khai. Và sau đó, sẽ đề-cập đến nhiệm-vụ của Trường Thanh-niên phụng-sự xã-hội theo đường lối Giáo-dục Cộng-đồng ở Việt-nam.

1. — Thanh-niên lao-động công-giáo Chống nạn mù chữ ở đảo Maurice (Bắc Phi).

Hội Thanh-niên lao-động Công-giáo thành-lập năm 1925, là một phong-trào chủ-đích đề-cao giáo-dục xã-hội; luân-lý và tôn-giáo cùng sự tương-thân tương-trợ giữa thanh-niên và thiếu nữ lao-động. Hội cũng nhằm bảo-vệ và đại diện quyền lợi của họ trước pháp-luật và dư-luận quần-chúng.

Cho tới năm 1953, thực-trạng trên đảo Maurice có thể nói là bi-đát. Đa số dân-chúng còn mù chữ. Trường học đông-nghệt học-sinh nhưng vì quá ít ỏi nên không thấu nhận được phần lớn trẻ em. Trẻ con rời khỏi nhà từ năm 12 tuổi, không có nghề nghiệp, sinh sống khó-khăn. Ngoài xã-hội, dân-chúng nghèo đói, ăn ở trong những căn nhà lụp xụp, thiếu ánh sáng. Sự bảo-vệ luân-lý rất khó-khăn vì nạn phim ảnh dâm-tà đầu độc tinh-thần của thiếu-nhi cũng như người lớn.

Hội Thanh-niên lao-động công-giáo (J.O.C) dựa vào kế-hoạch GDCB đặt ra một chương trình hành-động như sau :

Nhiều thanh-niên hội-viên thành-lập những « buổi học tối và chủ nhật » để chống nạn mù chữ. Để giúp thêm phương tiện cho công tác này, Sở Giáo dục tráng niên hứa cung ứng lớp học, Hội truyền giáo sẽ tặng những ách giáo khoa dành riêng cho các trường Phi Châu.

Các chiến sĩ J.O.C cũng lo diệt trừ những « yếu tố phản giáo dục » đang phá hoại đời sống của người lao động. Hội J.O.C phát động phong trào sửa sang nhà cửa, nguyên nhân của sự đình trệ và thoái hóa. Hội cũng tìm cách tạo dựng hướng đi mới cho ngành phim ảnh.

Những cổ vấn thanh niên địa phương giúp lại Hội để gây phong trào khỏe bằng cách làm thêm sân chơi và chế tạo dụng cụ.

2. — Trại sinh viên công tác xã hội của Hội Tương trợ Đại học Thế giới (Ấn Độ)

Hội Tương trợ Đại học Thế giới (W.U.S.) được thành lập năm 1950 để đào tạo và phát triển tinh thần đoàn kết, tương thân tương trợ giữa các Đại học đường trên Thế giới. (Trụ sở : 13 đường Calvin, Genève — Suisse).

TRƯỚC tiên, Ủy ban Đề ly thuộc hội Tương trợ Đại học Thế giới xin sáp nhập vào chương trình hoạt động của viện Jamia Millia Islamia, một tổ chức Giáo dục Căn bản của Unesco tại Ấn Độ. Viện cung cấp lều vải cho một ban nhân viên thu hẹp và mười sinh viên mở một trại công tác tại làng Sarai Kale Khan và Nagli.

Mục đích của trại công tác xã hội là tìm cách phát triển nông thôn nên các đoàn viên tự ra tay đồn cây, dựng lều và dọn đất để mở lối đi dọc theo bờ sông Jamuna. Chương trình của trại nhằm vào các lãnh vực : xây cất, y tế vệ sinh công cộng, giáo dục tráng niên, hoạt động văn hóa và giải trí

lành mạnh. Đoàn viên bắt đầu mở cuộc nghiên cứu về kinh tế, xã hội cũng tìm hiểu các nhu cầu, nguyện vọng của dân làng. Kế đó sinh viên bắt tay vào việc cải thiện các giếng nước, đường xá, trường học. Họ dọn sạch và lấp bằng đường cái và đường mòn dài độ 500 thước ở Sarai Kale Khan và 300 thước ở Nagli. Ngoài ra, họ còn mở thêm đường lộ dài 90 thước nhân dịp kinh lý của ông Tổng trưởng Kế hoạch tới đặt viên gạch đầu tiên cho trường làng.

Mặt khác, sinh viên còn lo phổ biến những khái niệm vệ sinh, dạy trẻ con cắt móng tay, đánh răng, rửa mặt và dạy người lớn phương pháp cứu cấp. Sinh viên cũng săn sóc và phát thuốc cho bệnh nhân. Và sau hết là chương trình giáo dục tráng niên gồm có những buổi tập đọc, trình diễn cách chế tạo xà phòng và cách đóng giày.

3.—Liên đoàn thiếu nữ công giáo giúp đỡ dân chúng ở xóm nhà lợp xúp (Phi Luật Tân).

Liên đoàn Thiếu nữ công giáo đồng minh hội được sáng lập năm 1894 nhằm đề cao các nguyên tắc công giáo trong việc xã giao hàng ngày hoặc trong những cuộc tiếp xúc quốc tế.

LIÊN đoàn thiếu nữ công giáo chưa đủ tư cách là một tổ chức Thanh niên song cũng được đề cập đến vì đã tham dự vào công tác thực hiện chương trình phát triển cộng đồng cho khu D của Barrio Fugoso ở ngoại ô thành phố Ma Ni.

Năm 1947, sau một cuộc điều tra của Bác sĩ Horillino, giám đốc bảo sanh viện và bệnh viện nhi đồng người ta được biết phần đông dân chúng là những người tị nạn chiến tranh và hiện nay không có công ăn việc làm, nghèo khổ, bệnh tật. Chính quyền cũng như các đoàn thể tư nhân xúc

tiến ngay chương trình cứu trợ: phân phát áo quần và thực phẩm.

Cán bộ công dân vụ của Liên đoàn thiếu nữ công giáo hợp tác với văn phòng trường công, các kỹ nghệ nông sản đề tổ chức những buổi diễn thuyết về y tế, công cộng và cộng tác với Hội Hồng thập tự Phi mở lớp dạy cứu cấp. Liên đoàn còn thiết lập ấu trĩ viện thu nhận 50 trẻ con và kêu gọi trợ giúp vật liệu trang bị. Để chống nạn đói kém. Liên đoàn có tặng cho trại nuôi heo 50 đô la tiền mua heo nuôi. Ngoài ra, đoàn viên còn mở nhiều lớp may cắt, thêu đan khi được các đoàn thể khác cung cấp máy may cho dân ở Barrio Fugoso.

4.— Ủy ban Trung ương giáo phái Menno cải thiện phương pháp canh tác (Hy Lạp).

Ủy ban Trung ương giáo phái Menno chỉ huy các hoạt động xã hội của nhà thờ Menno, một giáo phái hòa bình khởi nguyên từ thế kỷ XVI.

«**Đ**OÀN hòa bình» được thành lập từ năm 1952, đặc biệt di chuyển hoạt động tại nhiều quốc gia trên thế giới khi được yêu cầu mỗi đoàn gồm chừng 5 thanh niên có kinh nghiệm trong công việc nông thôn (thợ mộc, thợ may, nông phu, giáo viên,...)

Công tác đầu tiên của đoàn là tổ chức nhiều buổi trình diễn về phương pháp canh tác tân tiến cho nông dân Hy Lạp vì những người này không biết khai thác triệt để tài nguyên địa phương. Họ chỉ dẫn dân chúng dùng hột bắp tập chủng với kỹ thuật canh tác mới và sử dụng phân bón hợp cách. Kết quả là năng suất tăng gấp đôi năng xuất cũ. Thanh niên đoàn hòa bình có tổ chức trình diễn phương pháp khai phá đất bỏ hoang để đánh tan mối nghi ngờ về giá trị của phương pháp canh tác hăng cơ khí.

Đoàn cũng giúp nông dân săn sóc vườn tược, trồng nhiều cây ăn trái. Năm 1953, họ mở chiến dịch chống côn trùng phá hại mùa màng.

Đoàn trú đóng ngay trong làng và sống mật thiết với dân chúng để gây cảm tình và sự tín nhiệm

5.— Chương-trình công-tác xã-hội của Cơ-quan Hành-chánh quốc tế (Algérie).

Cơ-quan Hành-chánh quốc-tế thành lập năm 1920 với mục đích kêu gọi nam nữ công nhân trên thế-giới cứu-trợ nạn nhân của thiên tai và tham gia hoạt-động lợi-ích chung.

TỪ năm 1946, cơ quan Hành chánh quốc tế đã phát động ở Algérie hai mươi một địa điểm gồm những thanh niên tình nguyện để giúp đỡ các tập đoàn túng thiếu và chủ trương phụng sự hòa bình bằng cách hợp tác những người không cùng tôn giáo. Công tác của họ là đào giếng đặt ống dẫn nước, mở đường đi trong vùng núi non giữa Alger và Bougie.

Dần dần về sau, Cơ quan Hành chánh quốc tế chú trọng đến những hoạt-động có tính cách giáo dục và xã hội để có cơ hội tiếp xúc sâu rộng với dân chúng địa phương.

Về hoạt động giáo dục đoàn viên tình nguyện mở lớp dạy Pháp văn cho trẻ con trong làng ở ngoài trời. Sau họ cùng dân làng mới dựng được ngôi trường một gian vách tre tô đất. Một túp lều khác ở cách chỗ cũ khá xa, ban ngày dạy một số ít trẻ con ; ban đêm dành riêng cho mục đồng và người lớn...

Về hoạt động y-tế, năm 1951, hai nữ y tá người Thụy sĩ được gọi tới Bérardi làm việc trong một phòng phát thuốc. Thấy dân-chúng quá khao-khát thuốc men nên

nhà cầm-quyền tiếp tay dựng thêm ngôi nhà phát thuốc khác nữa.

Ngoài các trạm đó, mỗi ngày y-sĩ còn đi tận trong làng quê hẻo-lánh để săn sóc các bệnh-nhân...

6.— Hội những người bạn Mỹ hợp-tác với Chính-phủ Mẽ-tây-cơ

Hội những người Mỹ là cơ-quan hoạt động xã-hội của « Hội những người bạn » và bảo-trợ cho những đoàn thanh-niên quốc tế thực-hiện các kế hoạch từ năm 1934.

NHỜ vào hoạt động Giáo-dục căn-bản mà hội những người bạn Mỹ đã phát triển được tinh thần hiểu biết giữa các dân tộc, nhất là dân tộc Mỹ và Mẽ tây Cơ

Mỗi mùa hè, gần hai ngàn thanh niên Hoa Kỳ đến hợp tác với chương trình phát triển xã hội của Mẽ tây Cơ : họ có thể lưu lại từ 6 tháng, một năm, hai năm. Năm 1942, 1943 nhiều thanh niên chuyên viên thắp cây, nuôi ong, bón phân đã gia nhập phái đoàn văn hóa Mẽ.

Năm 1959, chính phủ Mẽ yêu cầu hội những người bạn Mỹ về hợp tác hoạt động ở vùng Santiago, với sự giúp đỡ của 23.000 dân chúng để thiết lập trạm thuốc, trường học, mở mang đường sá, tăng gia sản xuất nông nghiệp.

Trong chương trình nhằm cải tiến nông thôn, Hội những người bạn Mỹ đã thực hiện các công tác quan trọng liên quan đến :

— sửa sang làng mạc

— phát triển giáo dục, y tế

— hoạt động thủ công nghệ, canh nông

— hợp tác với dân làng...

7.— Tổ chức các đoàn thể thanh niên nông phu của LHQ (Tích Lan).

Tổ chức Liên Hiệp Quốc đã bảo trợ cho các thanh niên vùng Minneriya (Tích Lan) tham gia chương trình Giáo dục Căn bản.

CH Ứ N G 10 đoàn thể thanh niên nông phu được chuyên viên LHQ hướng dẫn qui tụ nhằm mục đích chỉ dẫn phương pháp trồng lúa hữu hiệu, bằng cách thực hành, giúp Tích Lan sản xuất đủ lúa để thỏa mãn nhu cầu, phát triển ở thanh niên những đức tính của người chỉ huy trong buổi giải trí, công tác tập thể và hội họp.

Tất cả các thanh thiếu niên từ 10 tuổi trở lên trai cũng như gái, đều được quyền gia nhập đoàn thể, miễn là mỗi người được cha mẹ cấp cho 8 mẫu ruộng để canh tác. Đoàn viên phải tuân theo các điều kiện sau đây : Dùng cày lưỡi bằng sắt, dùng phân sinh vật (5 tấn mỗi mẫu) dùng phân hóa học (142 tấn mỗi mẫu), gieo mạ bằng cách giải tung lên, bừa lại trong vòng 18 ngày, cấy lúa, làm cỏ lúa và chống sâu bọ, dùng máy đập lúa xoay tròn.

Trong các mùa hè, đoàn đã trình-diễn cách dùng cày có lưỡi sắt, bừa Mă-lai và cách thức cấy lúa.

Nhờ các thành-quả thu-hoạch được của đoàn-thể thanh-niên mà nhiều nông-phu đua nhau mau phân bón hoá học để dùng và cải-tiến các kỹ-thuật canh-tác khác. Chính các người lớn đã thốt ra câu : “ Tại sao chúng ta không tổ-chức như các thanh-niên ? ” Như vậy, vai-trò của đoàn-thanh-niên nông-phu rất quan-trọng trong công cuộc phát-triển cộng-đồng ở Tích-lan.

8.— Trường Thanh niên Phụng sự xã hội ở Việt Nam.

Trường Thanh niên Phụng sự xã hội

(School of youth for Social Service) thuộc Viện Đại học Vạn Hạnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã được thiết lập vào tháng 8-1965 với mục đích đào luyện những thanh niên nam nữ có chí hướng đưa về nông thôn để cải thiện đời sống của dân chúng bằng tình thương.

TR Ứ C khi đề nghị đến vai trò của Thanh niên phụng sự xã hội chúng tôi xin mở đầu ngoặc ở đây đề điểm qua những hoạt động của chính phủ, các cơ quan từ thiện và đoàn thể thanh niên có tính cách Giáo dục Căn bản hay Giáo dục cộng đồng.

Năm 1954 chiến tranh Việt Pháp kết thúc. Xã hội Việt nam trong tình trạng đổ vỡ hoàn toàn, hậu quả thảm khốc của hơn 10 năm chinh chiến và gần 100 năm bị nô-lệ. Chính phủ bắt đầu kiến thiết và tái thiết từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc. Nhiều chương trình rộng lớn được hoạch định và thực hiện nhằm cải-tiến dân sinh và phát triển cộng đồng cùng lúc với sự có mặt của kế hoạch Giáo-dục căn bản. Điều đáng quan tâm hơn cả là giáo chức cộng đồng ở bậc Tiểu học thừa hành kế-hoạch GDCB và nối tiếp đường lối GDCB gánh vác một trách vụ tương tự như cán bộ chuyên môn các ngành y tế, xã hội... Trong khi đó, để tiếp tay với chính phủ trung-ương và chính quyền trung ương, các cơ quan từ thiện và các đoàn thể thanh niên cũng đã cố tâm thực hiện nhiều công tác công ích nhằm đối phó với nạn Nghèo đói — Dốt nát — Bệnh tật.

Nhưng vẫn cho đến ngày nay, giữa tình trạng của đất nước, đã hơn 10 năm mà mọi chương trình qui mô nói trên chưa có thể kết thúc được. Trái lại hình như người ta đang thấy có một sự bắt đầu trong vấn đề ấy. Chắc hẳn người ta đã tìm được những khuyết điểm và nhược điểm của nó.

Nhiều người đã có dịp khẳng định rằng đường lối giáo dục cộng đồng hiện tại rất thích hợp với hoàn cảnh và thực trạng Việt Nam. Qua các hình ảnh công tác của các đoàn thể thanh niên đối với giáo dục căn bản có lẽ chúng ta lại phải xác nhận một lần nữa rằng chỉ có thanh niên thiện chí thành tâm mới hy vọng thực hiện chu toàn đường lối GDCĐ.

Trường Thanh niên Phụng sự Xã hội (SYSS) ra đời cũng vì nghĩa đó.

Đường lối của trường cũng như vai trò của thanh niên về sau được vạch rõ trong quyền Chi nam như sau :

T RƯỜNG Thanh niên Phụng sự Xã hội là một trường chuyên nghiệp thuộc viện Đại - học Vạn hạnh. Mục đích của trường là đào luyện những thanh niên nam nữ có chí hướng, kiến thức và khả năng chuyên môn để đi vào xã hội nông thôn Việt nam, thực hiện một cuộc cách mạng xã hội bằng tình thương và bằng sự cộng tác với dân quê trên căn bản đồng sự và thông cảm. »

« Ngu dốt, bệnh tật, nghèo đói và nghi ngờ là những khối nặng mà rất nhiều khu vực trong xã hội ta đang phải gánh chịu. Người thanh niên V.N không thể không nhận thức điều đó, cũng như không thể không đứng dậy hành động. Chương trình hai năm của Trường TNPSXH có thể cung cấp cho người thanh niên những kiến thức thực tiễn và khả năng chuyên môn về giáo dục, kinh tế và y tế để người thanh niên có điều kiện và cơ hội đem thực hiện lý tưởng cách mạng xã hội của mình... »

« Học viên nam nữ sẽ phải học tập tận tình trong hai niên khóa mới có đủ điều kiện thực hiện được lý tưởng cải-tiến xã hội của mình. Bởi vì khi tốt nghiệp người TNPSXH sẽ phải đi hẳn vào quần chúng để học tập các vấn đề của họ, phụng sự

quần chúng, bàn bạc kế hoạch cải tiến và phát triển đời sống với quần chúng. Hơn thế nữa, người TNPSXH sẽ biết bắt đầu cuộc cách mạng xã hội bằng những gì mà quần chúng biết và xây dựng trên những gì mà quần chúng có... »

Kết-luận

B ẮT cứ một chương-trình công ích nào cũng có tính cách kế hoạch Giáo-dục căn bản. Hầu hết các quốc gia trên thế-giới dù đứng ngoài tổ chức Unesco đều chịu ảnh hưởng của GDCB trong khi thực hiện các chính sách cải tiến dân sinh và phát triển nông thôn.

Hoạt động của 7 đoàn thể thanh niên vừa trình bày ở trên đã nói lên nhiệt tâm thiện chí tinh hăng say của thanh niên các nước tham dự mọi chương trình nhằm nâng cao mức sinh hoạt của dân chúng liên quan đến kế hoạch GDCB trong khuôn khổ tương trợ kỹ thuật chuyên môn và nhất là trợ giúp về tài lực, vật lực, nhân lực. Đối với chính phủ vấn đề trợ cấp ấy tùy thuộc ngân sách quốc gia có thể làm giảm nhẹ đi mọi chương trình. Song đối với thanh niên và sinh viên vấn đề đó nếu đặt ra có hơi quá đáng : **và đường lối GDCB không chấp nhận sự làm thay và trợ cấp cho dân chúng** mà chỉ nên hướng dẫn họ nhận định lấy và tự hành động để giải quyết nhu cầu của mình tùy thuộc vào khả năng địa phương.

Cũng trong tinh thần hiểu biết ấy, người thanh niên phụng sự xã hội sẽ đảm nhiệm vai trò cải-tiến nông thôn bằng cách hợp tác với dân chúng. Không phải là tư cách một công chức, người thanh niên sẽ dễ dàng hành động và hoàn thành sứ mạng của mình, và lại bên cạnh còn có một sức mạnh vạn năng làm hậu thuẫn : thần Phật tinh giáo.

nguyễn thụy long

NHỮNG NGÀY CÒN KHÔNG

LÊ vẫn còn đó, tôi nhủ thăm nàng còn đó nhưng dần khô héo như một nhánh cây mùa đông, những chiếc lá đã rụng hết, cành khô vươn lên buồn bã trên màu trời xám. Lê cũng vậy, nàng khô héo dần, nàng gầy yếu, da mét xanh và tiếng nói của nàng yếu ớt. Nàng ngồi trước mặt tôi, đan những ngón tay gầy vào nhau. Tôi nhìn thấy những sợi gân xanh, chính những đường gân tổ cáo tuổi dậy thì của nàng đã qua.

— Em mới đậu tú tài, em cho là một sự may rủi, năm năm trời thi hoài thi hỏng. Trong ba năm cùng gặp anh em không còn học hành gì được hết. Kỳ anh đi

Đà Lạt em có nhận được thư gửi về, em nghĩ anh thay đổi nhiều...

Tôi lơ đãng nhả khói thuốc. Khi còn ở trên Đà Lạt tôi có viết thư về cho nàng. Một buổi chiều mưa tôi ngồi trong nhà Thủy Tạ trên hồ Xuân Hương chợt nhớ đến Lê, nhớ đến những kỷ niệm đắng cay trong cuộc tình hai đứa. Tôi coi như mất Lê, nàng đã nhận lời lấy một người con trai nào đó. Tôi viết thư cho nàng không phải vì muốn níu kéo nàng về phía mình. Tôi viết vì nhớ vì muốn cho nàng yên tâm về cuộc sống của tôi. Tôi thần nhiên kể cho nàng nghe những buổi du ngoạn thần tiên của tôi ở Đà Lạt với một cô gái bé con.

Bây giờ nàng đang ngồi đối diện tôi, đôi mắt nàng dò xét. Tôi lơ đãng nhìn ra mặt sông nắng chiều lấp lánh trên những con sóng nhỏ. Bên bờ sông là Thủ Thiêm. Chuyến «bắt» qua lại đã được năm lần suốt từ lúc chúng tôi ngồi đây. Ly «bia lầy» của nàng đã cạn gần nửa. Nàng nhắc.

— Sao, anh không còn gì để nói à?

Tôi buồn bã búng mẫu thuốc xuống giòng sông :

— Ba năm trời nay anh đã nói quá nhiều, nhưng tóm lại vẫn chỉ có một câu : Anh yêu em !

Tôi nhìn vào khuôn mặt xanh xao của nàng, những ngón tay gầy và những sợi gân xanh nổi hằn trên mu bàn tay :

— Anh cứ nghĩ em hạnh phúc em sẽ sung sướng, anh không ngờ ngày gặp lại em lại...

— Lại thấy em thảm hại quá phải không ?

Lê đã nói hộ tôi câu đó, nàng thở dài :

— Anh thương hại em phải không, đừng thương hại, số mệnh cả anh ạ ! Còn anh thì sao ?

Tôi bẻ những lóng tay kêu côm cốp, tôi chống tay vào cằm.

— Chả sao cả ngoài bệnh tật, chỉ cần một đêm đau đớn rồi có thể chết lúc trời gần sáng. Anh nghĩ có lẽ mình không sống lâu, anh đã phung phí tuổi trẻ quá nhiều...

Lê đưa tay sang nắm lấy cánh tay

tôi, nàng lắc đầu, đôi mắt nàng tha thiết hơn bao giờ :

— Đừng, Lê không muốn anh nói đến điều đó, anh cố gắng tỉnh dưỡng.

Tôi cười nhạt.

— Em không biết là suốt một tháng trời nay anh chỉ ăn cháo thôi à, anh không còn uống rượu nữa. Trong những ngày anh nằm trên giường bệnh anh đã suy nghĩ nhiều.

— Anh suy nghĩ gì ?

— Suy nghĩ đủ mọi chuyện.

Lê dụi dè hỏi tôi sau nụ cười kín đáo :

— Các cô bồ của anh, những cô trẻ măng và xinh như mộng có đến thăm anh không ?

Tôi nhìn lại nàng một lần nữa. Tôi đốt một điếu thuốc khoa gấn lên môi. Tôi thở khói một cách hỗn xược vào mặt nàng. Mấy năm về trước Lê cũng đẹp vậy, da thịt nàng hồng hào, nụ cười nàng tươi, bàn tay trắng muốt nuột nà. Nàng đã đi tản bộ với tôi ở con đường trường đua Phú Thọ một buổi chiều thật đẹp. Buổi chiều đó còn mãi trong trí nhớ tôi. Khi đó tôi xây rất nhiều ước vọng cho một gia đình tương lai mà người vợ là Lê. Bàn tay kia có lần tôi đã úp mặt vào đó, Những ngón tay nàng không còn những nét quyến rũ đó. Bây giờ không thể mang so sánh với những người bạn gái mới của tôi. Đột nhiên tôi tức giận tôi muốn nàng phải nổi nóng, phải đối đáp lại hành động của tôi bằng một lời nói nào đó thật cay đắng.

— Em vừa già vừa xấu !

Đôi mắt nàng thoảng nháu lại, nàng úp xấp bàn tay xuống mặt bàn, nhìn vào đó rồi mỉm cười :

— Vâng đúng vậy, em tàn úa rồi, người ta nói con gái chỉ có một thời, đó là tuổi dậy thì. Năm nay em đã hai mươi sáu...

Tôi càng thêm tức giận vì lời tự thú của nàng. Tôi cố gắng khơi cho nàng phải tỏ thái độ một cách quyết liệt hơn :

— Bỏ của anh thật xinh, nó mới có mười bảy tuổi, nó không tiếc anh một cái gì hết, nhưng phải mỗi tội hay ghen.

— Dạ...

Tiếng dạ của nàng vừa nhỏ vừa đầm ấm. Nàng vẫn giữ thái độ từ tốn.

— Em đi với anh như thế này có sao không ? Nếu cô ấy biết ?

Tôi gần giọng :

— Sao ! chẳng sao hết, lời thôi anh đã « dăng » đi liền kiếm cô khác, có khi còn đẹp hơn nữa kia.

Nàng cười thật tươi, đôi mắt sáng long lanh :

— Vậy hả, thế thì anh đâu có yêu người ta.

— Ừ đâu có yêu !

— Nói tóm lại anh vẫn chưa yêu ai, anh chưa bị người con gái nào chi phối, nhưng cô đó đối với anh chỉ là kẻ qua đường...

Tôi thở phào, gục đầu xuống hai tay ôm lấy má, tôi gật đầu thú nhận.

— Thật thế tại sao anh vẫn chưa thể yêu được ai.

Tại sao vậy ? Đối với Lê bất cứ lúc nào tôi cũng thất bại. Tôi đâm nghi ngờ tình yêu của nàng đối với tôi. Nhiều khi tôi tự hỏi hay là Lê không yêu tôi ? Nhưng tại sao nàng vẫn cứ tiếp nhận sự vuốt ve của tôi ? Những chiếc hôn vội vàng trong bóng tối. Và có lần nàng đã khóc, khóc nức nở để rồi khi lau khô nước mắt nàng lại cười. Nụ cười lúc đó rạng rỡ như mặt trời buổi bình minh sau một đêm dài tăm tối. Một thời gian tôi bị quay lộn trong tình yêu của nàng tôi hoang mang đến cực độ. Rồi nàng nhận lời ăn hỏi với một gã con trai nào đó, một năm qua nàng không chịu cho cưới. Ở ngón tay đeo nhẫn nàng vẫn trống trơn. Tôi cứ nghĩ khi gặp lại nàng tôi phải nhìn thấy một chiếc nhẫn hứa hôn nhỏ xíu. Lý do đó khiến tôi có thể dứt nàng dễ dàng. Có lần tôi đã hung hăng nói với một người bạn biết câu chuyện này :

— Rồi mày coi, mày sẽ thấy tao ra tay. Mày còn lạ quái gì hành động đê tiện của tao đối với con gái nữa. Chỉ cần một « chương » thôi đủ để nó dăng xa tao suốt đời. Ấm mãi khổ tao quá thế rồi.

Nhưng chương đó của tôi yếu xìu, nàng đến chúng tôi lại đi chơi với nhau. Tôi lại than thở, lại úp mặt vào tay nàng thú nhận :

— Anh vẫn còn yêu em, không cách gì làm anh quên em được hết, và anh vẫn ao ước được lấy em. Anh sẽ bỏ hết, bỏ hết để yêu có mình em thôi...

Nàng vẫn ngồi đó, nàng đang dắc thẳng, giữa buổi chiều úa tàn trên mặt sông. Gió lồng lộng làm mái tóc bỏ xòa của nàng bay bay, những sợi tóc lòa xòa phất chéo qua mặt nàng như những vết cắt. Tôi thấy nàng gầy yếu quá độ. Nàng vừa có cái vẻ dút dặt của một con mèo thích được một vuốt ve vừa gây nổi lòng tội nghiệp. Thật tình lúc đó tôi muốn nhào đến ôm nàng vào lòng, muốn được ép mặt vào tóc nàng và thì thầm : Anh xin lỗi em, em không xấu đâu, đối với anh em đẹp nhất, đẹp nhất :

Buổi chiều thứ bảy quán nổi Mỹ Cảnh dần đông khách. Những con sóng dập dềnh vỗ vào mạn tàu. Từ chiếc tàu Bạch Tuyết du ngoạn vắng đưa lại một điệu nhạc buồn. Đêm Trung Hoa. Vẫn chỉ ngần ấy âm thanh có gì thay đổi đâu từ bao nhiêu năm nay. Lê cũng vậy ngoài sự tàn phá nhan sắc, nàng không có gì thay đổi. Nàng cũ kỹ, mái tóc vẫn thế, tâm hồn vẫn thế. Lê vẫn còn nguyên vẹn của tình yêu buổi đầu. Như khi nàng ngồi ở chiếc ghế tại nhà nàng tiếp tôi. Nàng ôm con mèo nhỏ trong tay, buổi chiều giăng mưa bụi ngoài cửa sổ. Ngày đó lòng tôi chứa đầy mặc cảm khi tôi bước chân tới nhà nàng. Tôi nghèo quá, thuộc loại người không có một mảnh đất cắm dùi. Tôi không như bây giờ, không có những bộ quần áo sang trọng, không có những tờ giấy trăm để trong túi. Đời sống nàng bề ngoài phẳng lặng, an phận. Ai cũng nghĩ thế. Ngay cả tôi nhiều khi cũng tưởng lầm như vậy. Nhưng sau tôi đã hiểu nàng, xót xa khi biết nàng có những nỗi buồn làm chết đời con gái.

Tôi vuốt ve những đường gân xanh trên tay nàng, nắng nhạt chiều chênh chếch làm óng vàng những sợi lông tơ ở mặt Lê. Khi tôi ở căn gác đường Bùi Viện, Lê vẫn thường đến thăm tôi vào chiều thứ bảy. Hai đứa ngồi nói chuyện với nhau ở đi vắng kề sát cửa sổ rộng. Phía xa một tháp chuông cao vút, nhọn hoắt như đầu bút chì. Tôi không nhìn thấy cây thập tự giá ở trên đỉnh có lẽ vì màu nắng buổi chiều quá vàng. Ngay dưới tầm mắt chúng tôi những nóc nhà mái bác úp cũ kỹ chen chúc bên cạnh những tòa buyn đình cao ngất. Khi nắng nhạt màu nàng ra về chiếc nón cầm tay đu đưa theo nhịp bước chân dưới hàng cây sao bên đường. Tôi đứng nhìn theo nàng cho tới khi chiếc bóng trắng mất hút ở cuối đường. Tôi quay gót trở về lòng buồn mênh mang. Buổi tối tôi ngồi ở quán nhắm nháp ly cà phê hai đồng đắng ngắt. Tôi hỏi thăm bây giờ em đang làm gì ? Một bóng đen nào đó đã đè nặng trên tình yêu của chúng ta ? Cả hai đều biết điều đó, đều nghĩ đến bóng đen đó nhưng không ai nói ra : Nói ra làm chi biết thì giữ kín trong lòng.

Lê nhìn mông lung ra mặt sông nhạt nắng.

— Chiều sắp hết rồi đó anh !

— Ừ chiều sắp hết.

— Anh đưa em về nhé !

Tôi gật đầu :

— Mình sẽ đi dọc theo bờ sông này cho tới lúc về đến nhà em, như hồi hai năm trước...

Lê bấu lấy tay tôi, nàng kéo tôi đứng dậy, tôi đặt tiền xuống bàn dần chiếc ly lên trên. Nàng nói nhỏ bên tai tôi khi xuống khỏi bậc thang :

— Anh cứ nhắc hoài đến dĩ vãng.

Tôi im lặng đi bên nàng, gió lồng lộng làm vạt áo nàng tung bay quăn quít bên bước chân tôi. Buổi chiều ở bờ sông đông người dạo mát, hai đứa trẻ bụ bẫm ở chân của đôi vợ chồng dạo mát đang đùa nghịch trước mặt chúng tôi. Lê nói nhỏ :

— Hai đứa trẻ đẹp quá !

Tôi đưa mắt nhìn bọn nhỏ rồi nhìn Lê, tuổi nàng cũng xứng đáng có những đứa con như vậy. Lê thấy tôi nhìn, nàng nhếch mép cười vu vơ :

— Bao giờ thì em cho người ta cưới ?

Tôi hỏi nàng bằng giọng dửng dưng. Thật tình tôi không còn muốn tham dự vào hạnh phúc lứa đôi của nàng. Ích gì, tôi đã mất nàng rồi, nhưng không hiểu vì sao chúng tôi vẫn cố kéo dài những ngày còn không, những buổi chiều gặp gỡ buồn nhiều hơn vui. Những câu tra gạn, những từ chối không nghe chuyện người khác.

Lê vừa đi vừa vuốt nhưnng sợi tóc xòa xuống bên vai.

— Không biết nữa, nhiều khi em cũng tự hỏi câu ấy.

Nàng đi chậm lại một chút, nhìn vào mặt tôi.

— Anh có ghét người chồng tương lai của em không ?

Tôi nhú mày, cúi mặt, đá văng một viên sỏi ra xa.

— Anh không có ý kiến, không muốn có ý kiến.

Giọng nàng hơi thẳng thốt :

— Tại sao vậy anh ?

Tôi ngửa mặt nhìn lên cao, tôi lắc đầu :

— Tại sao anh lại có ý kiến gì nhỉ? anh không hề quen biết hắn ta... anh đâu có coi hắn ta là một người để anh phải suy nghĩ. Anh suy nghĩ về cái khác, về một bóng đèn len giữa tình yêu này... bóng đèn đó...

— Đừng, đừng anh, van anh đấy !

Con đường nhựa rộng uốn cong trước Hội trường Diên Hồng. Vườn hoa nhìn ra sông đông người dạo mát, cầu sang miệt Khánh Hội đã bật sáng. Đèn điện trên những ngọn điện bật quá sớm thành ra lạc lõng trong buổi chiều dần tàn. Ở tuốt miệt cuối sông ráng trời còn đỏ rực.

Đi cạnh Lê tôi chợt thấy lòng mình buồn mang mang hình như tất cả mọi đam mê đều khô cạn trong hồn tôi qua một thời gian quá ngắn ngủi. Tôi trở nên trầm tĩnh và dửng dưng. Sự dửng dưng đó có thể làm Lê buồn, tôi biết vậy nhưng làm sao được. Chúng tôi vượt qua một cây cầu xuống một con dốc, trời sẫm màu dần. Hai năm trước ; những buổi tối mùa hạ chúng tôi cũng đi ở trên con đường này sau giờ nàng tan học, gió từ dưới sông thổi lên lồng lộng. Nàng cần nhàn về sự đam mê của tôi :

— Anh cứ đi đón Lê làm gì ?

Tôi chưa xót nhìn nàng :

— Làm gì, làm gì nữa, tại sao Lê lại phải hỏi câu đó. Lê không biết anh khổ khi không nhìn thấy Lê à ?

Tới một chỗ vắng tôi giữ Lê lại, thay vì cúi hôn nàng tôi đưa tay lên cổ nàng. Chiếc cổ quá nhỏ bé đối với hai bàn tay tôi. Trong lúc đó tôi chợt thấy mình ích kỷ đến cực độ. Tôi muốn xiết chặt những ngón tay muốn thấy nàng rẫy rụa muốn thấy xác nàng vật xuống cỏ khi tôi buông tay. Tất cả những ý nghĩ đó quay lộn trong đầu óc tôi, tôi thốn thức khi nhìn thấy nét kinh hoàng của nàng chợt hiện ra trong ánh mắt. Nếu nét kinh hoàng đó còn đọng ở khoé mắt nàng thêm một phút nữa, nếu nàng kháng cự, cào cào tôi... Nhưng trái lại, gương mặt nàng dịu lại, hai tay buông xuôi, tôi nhìn thấy vành môi nàng mím môi đợi chờ, nàng nhìn thẳng vào mặt tôi rồi từ từ nhắm mắt. Những ngón tay tôi nói lỏng dần để rơi xuống tấm vai mảnh mai của nàng. Tôi ôm chầm lấy nàng run lên, tôi gục mặt vào tóc nàng, trong mũi tôi bỗng kếp thoang thoảng :

— Không, không, anh chẳng làm gì được em hết.

Một lát nàng xô nhẹ tôi ra nàng thở phào, đưa mắt nhìn vu vơ lên bầu trời điểm sao thưa thớt, nhìn lên những cột ống khói đen xì của nhà đèn Chợ Quán. Ở đó phát ra những tiếng o.. o.. buồn nản.

Bây giờ chúng tôi lại đứng ở đúng chỗ này. Buổi chiều đã hết, vì sao hôm mọc đơn độc ở cuối trời, những ống khói nhà máy đèn vươn cao làn khói đen tuôn lên không ngừng, chúng sẽ hợp lại thành mây hay loăng đi vì gió ? Tôi chợt thấy mình già nua, chợt thấy mình đứng đưng đứng trước nàng. Tôi nói một câu khi nhìn ra giòng sông tối đen :

— Thế là hết một buổi chiều.

Lê chợt nhắc lại chuyện cũ :

— Cũng ở nơi này hai năm trước anh tính giết em.

Tôi xiết nhẹ bàn tay nàng, vờn tay trên mặt nàng vuốt những sợi tóc lòa xòa cho gọn gàng. Tôi không hưởng ứng lời nói của nàng. Lê tiếp :

— Chắc bây giờ anh chẳng đại gì hành động như vậy ? Với anh, em tàn phai rồi.

Giọng nói của nàng chưa xót lẫn tủi phận. Tôi nâng mặt nàng lên, nhìn sâu vào mắt nàng, khẽ lắc đầu :

— Không phải đâu Lê, không phải chỉ vì lý do đó. Đời sống chúng ta khô héo dần, em nhận thấy điều đó chứ. Sự đam mê của anh cũng theo thời gian mà tàn lụi dần, như nhan sắc của em. Mình sống quá mệt mỏi, nhưng với tình yêu này anh chỉ bớt hành động cuồng nhiệt đi thôi tất cả đã biến vào trong tim trong máu anh chứ không phải biến vào sự quên lãng, phụ bạc. Nó sẽ sống mãi, sống mãi trong sự thâm trầm và bao dung...

Tôi vuốt ve mái tóc nàng. Trong bóng tối nhờ nhờ tôi nhìn thấy nét mặt nàng buồn bã, nàng gật đầu khi thở dài. Nàng nhìn ra sông, nhìn lên bầu trời đầy sao, nhìn lên những ống khói cao ngệu

— Em đã lớn lên ở vùng này, đêm đêm nghe tiếng buồn nản, em nghĩ một ngày kia mình sẽ đi khỏi vùng này để không còn nghe âm thanh buồn bã đó mỗi đêm nữa. Vậy mà em lại nhận lời lấy chồng ở đây, một đời trói chặt ở đây.

Hết, hết phải không anh, đến khi ha tay buông xuôi...

Nói xong, nàng cúi mặt nhìn xuống. Tôi cúi sát mặt vào tai nàng gọi tên nàng nho nhỏ. Đêm lạnh dần. Khi từ già nhau tôi vẫn còn đứng nguyên ở chỗ cũ, tôi không nhìn theo nàng, tôi nhìn ra sông. Tôi nghĩ đến lời nói của nàng vừa rồi và tưởng tượng đến bước chân nàng đang đi. Nơi mà một thời gian tôi từng ao ước tới. Tôi đánh diêm châm một điếu thuốc nhả khói lên trời.

Mỗi ngày đọc

NHẬT
BÁO

DÂN TIẾN

***tin tức đầy đủ, bình luận xác
thực, trang trọng phong phú***

Thỉnh thoảng vài người Mỹ ngồi trên xe la lỏi, chỉ chỗ chắc là say. Thỉnh thoảng chàng thấy một cô gái ngồi nép sát vào lòng chiếc xe xích lô máy một cách ngượng ngịu khó chịu khi bắt gặp cặp mắt Du và những cặp mắt khác. Bởi vì cô gái ấy để lộ một cặp đùi hai bắp chân trắng toát khi chiếc váy đầm tung lên. Hình ảnh này chàng đã tình cờ bắt gặp nhiều lần. Và lần nào cũng vậy chàng cảm nghe một nỗi xót xa làm bủn rủn cả tâm thần. Chàng thường tự hỏi những cô gái ấy mặc chi những thứ « kiêu » ấy để phải ngượng ngùng, khốn khổ như vậy. Ấy là chưa kể đến những trường hợp không « hợp co » một cách dị hợm hơn như chiều hôm qua chàng đã gặp trên đường phố Tự Do. Một cô gái quê đen đui lùn xùn và rất ốm. Và « kiêu » áo nọ đã bày ra hai bắp chân đen đui tong teo có nhiều vết sẹo đơn và hai cánh tay da thịt như gắn vào một cách lạc lõng. Lại đi bên cạnh một người Mỹ cao ngệu. Và những ngọn đèn của Saigon về đêm thường huyền ảo lắm nhưng cái hình ảnh đó Du cho rằng nó không huyền ảo mà còn thô bỉ nữa là khác.

Nhưng rồi Du nghĩ đến đời sống của mình và tự hỏi giữa mình và cô gái kia ai đã hơn ai ? Đời sống đô hội ở đây đâu cần đến những giá trị nào đâu. Khi ra đường phố, có một bộ đồ đắt giá và hợp thời trang vẫn « bảnh » hơn như thường. Ấy là chưa kể đến cô gái kiêu ở trên buyn-din cao ngệu có máy lạnh và chàng thì ở một căn gác mà trưa nào chàng cũng phải đi lang thang. Những lần mệt mỏi, ngồi

trong quán nhỏ bên ly nước đá chanh hoặc trong một công viên vắng người chàng thường hát với nụ cười vắng lạnh và dáng điệu trầm tĩnh rất dễ sợ : *Ngày hôm nay lang thang trên đường Lòng vương vấn và nhớ...* Chàng chấm dứt ngang sau chữ *nhớ* với hai con mắt ngẫu dục lại lúc đỏ như muốn nói lại những chân trời nào cũ xưa quen thuộc đã mất. Và đời sống ở đô thị này đã dạy chàng một điều là chàng không thể nào sống ở đô thị được. Chàng đã quyết định trở lại quê hương nơi có mảnh vườn con, có đồng ruộng xanh và nhất là có một hình bóng không bao giờ nguôi tan không bao giờ hóa kiếp. Nhưng rồi có phải là định mệnh chẳng mà chàng lại phải nán lại đây một thời gian ? Tuy rằng lúc quyết định chàng đã quyết đi ngay nhưng sức nhớ cần phải mua một món thuốc chữa bệnh cho người chú, nên chàng đã phải nán lại một buổi. Và trên một chuyến buýt Saigon-Cholon trong một buổi sáng nọ khiến chàng phải ở lại đây. Ở lại một thành phố đông đảo, ồn ào. Thành phố của một khối cô đơn chen lẫn. Thành phố của những chuyến buýt chở cả niềm mỏi mệt chạy đều trên những con đường đã có từ lâu lắm...

TR Ầ trước hai ly nước mía, chàng thông thả bước đến trạm xe buýt gần đó. Nơi đây hằng mấy mươi người đang đứng thấp thỏm chờ đợi. Một ông lão ngo chàng nói « xe cô gì lúc này đón mệt quá ». Không biết nói sao chàng chỉ khẽ cười với ông lão. Thấy ông lão còn giữ nguyên vẻ chất phác của

người dân miền quê, chàng vui vẻ hỏi lại «Thưa bác, bác là người gốc gác ở đâu vậy?». Như gặp người đồng xứ, ông già vui vẻ đáp «Qua hả em, qua ở tại Phước Long. Lúc này lộn xộn quá nên mò về đây sống đỡ qua ngày, Về đây nội cái nước đón xe này qua ngán quá. Mà bây giờ chỗ qua ở cũng, chưa về được đâu». Còn em ở đâu? ông già ngó Du bằng cặp mắt thật hiền lành. Chắc có lẽ ông nhận xét cách ăn mặc xuề xòa và dáng điệu hiền lành của Du.

Cháu ở Mỹ Tho. Cháu cũng định nay mai về ở dưới. Vùng cháu ở không yên lắm nhưng tạm được.

Rồi chuyến buýt cũng phải đến. Du nhận thấy chuyến xe khá đông người và ông lão thở phào ra một cái. Cố gắng Du và ông lão cũng kiếm được một chỗ đứng trên xe. Hơi người bốc ra lẫn với hơi khói sáng của chiếc xe cũ kỹ nghe nóng hằm hập và khó chịu.

— Em có về tới Gia Định không? Ông già lại hỏi.

Không, cháu xuống chợ Trương Minh Giảng. Còn bác về đâu? Du hỏi một cách miễn cưỡng.

— Qua xuống Gia Định thăm thằng con trai qua, nó bị giam ở dưới, Nghe nói nó nhậu nhẹt rồi đánh lộn tranh gái gì đó. Thật là mệt, hồi ở trên nó hiền lành mà bây giờ không biết sao nó lại như vậy. Qua rầu quá. Vái trời ngày nào bình yên về trên ở cho nó sướng cái thân. Khỏi phải nắng non, chen lấn như thế này».

Ông già nói một hơi không ngừng khiến mọi người trong xe nhìn ông một cách thương xót và ngạc nhiên. Bởi ở đây, trên những chuyến buýt này, những chuyện như thế không mấy ai nói đến. Họ chỉ nói bằng những con mắt mệt mỏi của họ mà thôi. Đã bước lên một chuyến buýt đông đảo như thế này dù là một cô gái hay cậu trai tinh nghịch cũng có một cái nhìn và thái độ khác ngay. Những cặp mắt đổ dồn về ông già và Du khiến chàng ái ngại. Bất thần khi xe mới đến đường Kỳ Đồng chàng nháy phốc xuống quên cả chào hỏi ông lão và cũng không nhìn vào chiếc buýt.

B UỒ I sáng kia khi lách mình qua khỏi xe buýt và sau khi nghe cánh cửa đóng rầm lại một cái Du cảm thấy trong tâm hồn mình đang dậy lên nỗi phân vân rất lạ. Một năm trời ra đi, biết dưới quê chàng có còn nguyên vẹn chẳng? Chiến tranh đâu có báo trước những điều thay đổi. Khi ở nhà thu xếp đồ đạc thì lòng chàng cảm thấy cương quyết lắm. Nhưng hiện giờ chàng không hiểu sao, đầu óc không dứt khoát gì hết. Hai việc đi và ở cứ loanh quanh trong ý nghĩ đuổi bắt thoáng hiện của chàng. Chàng đang miên man với ý nghĩ lộn xộn trong đầu thì bưng một cái hình ảnh quay cuồng trước mặt chàng đưa chàng trở về với một dĩ vãng ấm êm mà đau khổ thực tại mà mơ hồ. Có phải thật như thế chẳng? Đỗ Tú Uyên. Bây giờ là tháng mười một. Nghĩa là đúng một năm. Em còn nhớ không? Thời gian đi mau quá. Mà chuyến buýt này còn đi mau hơn. Nhưng kỷ niệm còn đi mau

hơn nữa. Để bắt gặp tâm hồn ở cuối đường tường nhớ? Trên một chuyến xe chở cả nỗi niềm mệt nhọc. Ôi những con người trên chuyến buýt. Chén lặn trong một cô đơn chung.

QUA hình ảnh quay cuồng trên chuyến xe gầm thét giữa lòng thành phố sáng hôm đó, chàng bỗng nhớ lại tất cả những hy vọng khổ đau, say mê, đắm đuối. Mới chỉ có một năm. Nhưng đủ cho chàng cảm nghe sự sụp đổ mất mát trong hồn chàng như bao đời sống tình khôi đã mất đi vĩnh viễn. Nhưng chỗ trống mất mát đó chắc là không sao lấp nổi. Những bom đạn của chiến tranh có bao giờ lấp được. Chúng chỉ càng xói tan hoang. Và sau cái tan hoang là một điều bí ẩn khôn cùng. Bởi vì đã có một lỗ hổng. Và một lỗ hổng không bao giờ được lấp kín. Đỗ Tú Uyên. Một năm rồi. Khi một người bước xuống bầy chiếc băng trống, chàng lặng lẽ ngồi xuống. Năm ngón tay người con gái đứng trước mặt chàng bầu vào dưới cái cặp da, những ngón cong cong thon muốt dịu dàng. Cái cặp da mà chàng thấy thật là rạng ngời thật là đẹp. Bởi vì trên đó nơi phía phải có một hàng chữ in đậm nét: *Đỗ Tú Uyên*. Bấy giờ trong chàng đã bừng hiện lên hai hình ảnh *Đỗ Tú Uyên*. Một *Đỗ Tú Uyên* đang đứng đó trên chuyến buýt và một hiện chỉ là một hình bóng mờ mờ trong kỷ niệm yêu đương đắm đắm thăm một thời. Nhưng chàng cũng không hiểu tại sao có sự giống nhau lạ lùng như thế? Hay là trí nhớ chàng đã hoang vu như lá cây rừng? Hay là có

một phép lạ nào đó? Cũng một khuôn mặt thon thon cũng một mái tóc uốn dài sả ra phía sau và nhất là một nốt ruồi đen tròn như hạt tiêu nhỏ nằm gọn gàng trên má phải. Cũng một cặp môi đỏ thắm tự nhiên và hơi trề ra một chút, cũng một cái cằm hơi nhọn và dáng dấp thanh thanh. Du ngồi đó mà tâm hồn như bay bổng về cõi kỷ niệm xa mù. Một năm trước chàng đã yêu một người con gái. Đó là mối tình đầu tiên trong đời chàng.

TÌNH yêu tha thiết chân thành của chàng đã vượt thắng bao trở ngại lúc ban đầu. Bởi vì chàng vốn nghèo. Và *Đỗ Tú Uyên* cũng đã lọt vào mắt xanh của bao cậu trai làng mà gia cảnh lại bề thế hơn chàng nhiều. Ban đầu gia đình nàng cương quyết không chịu nhận chàng là « rề » bởi vì cái rề của chàng còn non yếu không bám nhiều vào những chất màu mỡ phì nhiêu của dưỡng tố. T. Chàng và người yêu phải khốn khổ một thời gian. Sau cùng tình yêu chân thành đã vượt thắng. Nhưng định mệnh, thứ định mệnh được viết hoa trong thời buổi chiến tranh đã quàng lên hồn chàng một tan vỡ từ trong xương máu bởi hồi của một đêm nghe nhìn thời gian ngưng đọng của một đêm chân lý trở về trong dòng nước mắt khổ đau bởi vì sống là sống với thử thách khôn cùng của một đêm bỗng muôn đời tình yêu dựng đứng từng đường tơ kẽ tóc của một đêm con người là con người yếu đuối xanh xao trước một đợt biến từ đâu như chiếc vung không lồ

chụp xuống và chân lý muôn đời thường nằm ngoài tầm tay với của con người vốn bất lực từ lúc tu oa nhưng mầu mỡ phì nhiêu nổi chết lạ lùng không sao hiểu được. Bởi vì định mệnh đã sùng sững. Và định mệnh ác nghiệt kia là một trái bích kích pháo từ đâu rơi xuống ngay nhà người chàng yêu dấu vào một đêm mà những ngọn đèn đã được thắp sáng hơn, những đồ đạc đã được sửa soạn chu đáo long lầy hơn. Bởi vì sáng mai Du sẽ đến đó. Đến để biến tình yêu đau khổ thành tình nghĩa vợ chồng. Nhưng chiến tranh có cần gì tình nghĩa. Và thế là Du trở thành một kẻ lạc loài ngay ở quê hương mình.

B UỒN bã, chàng bỏ lên Saigon tìm sinh kế. Sống ở đây như một chiếc bóng chấp chờn, leo lét. Rồi cái sinh hoạt náo nhiệt, tranh dành hỗn tạp ở chốn đông đảo này đây lại khiến chàng có ý định trở lại miền quê. Khi ý định kia sắp sửa thành tựu thì chàng lại một phen nghe trong tâm hồn dậy lên nỗi xôn xao đưa chàng trở về với nỗi xôn xao, bàng hoàng của những tháng ngày cũ mà một hình bóng đã sáng rực lên từ cõi tình luân lưu từ trong xương máu.

Thế là chàng đã phải ở lại. Bởi vì giữa một hình bóng tưởng nhớ qua kỷ ức hoang vu và một hiện diện thịt da trước mắt chắc ai cũng không thể làm khác Du là chọn cái hình ảnh thứ hai. Cứ mỗi lần lên chuyến buýt Saigon Chợ Lớn nhằm vào giờ tan học chàng lại cảm nghe một nỗi phân vân rất lạ. Đôi lúc chàng muốn cô gái kia biến thành một hình bóng cũ đời lúc chàng

muốn quên phứt cái hình ảnh đầm thắm một cách xót xa của thửa ban đầu và muốn rằng giữa mình và cô gái kia là một kiếp sống mới không biết từ đâu đến nhưng chỉ hiện diện vào giờ phút cùng có nhau trên một chuyến xe hay cùng đi với nhau giữa một thành phố đầy đầy những khuôn mặt lạ. Sự thực thì có bao giờ họ cùng đi với nhau đâu. Bao giờ Du cũng giữ một khoảng cách đủ nhìn thấy nhau phía sau người con gái. Nhưng lâu dần thành ra người con gái cũng chột hiệu. Đi một khoảng đường thế nào người con gái cũng hơi nghiêng mắt ra sau như đã tỏ rằng ta đây cũng « thông cảm ». Và những lần như thế Du liền đứng khựng lại, ngó qua ngó lại làm ra vẻ ngờ ngác như không biết gì. Thật ra chàng đã sợ. Chàng liều lĩnh ở lại chọn cuộc phiêu lưu này cũng vì qua hình ảnh người con gái chàng có thể vuốt ve nỗi ảm ức tẻ tái của mình. Tuy vậy, những lần vì chuyến buýt vào giờ đó quá đầy không ghé lại trạm, thế nào chàng cũng đón một chiếc taxi chạy đến chỗ trạm người con gái thường xuống. Những lúc không đón được taxi chàng thường lơ thần suốt cả buổi như cảm thấy một sự thiếu vắng gì đó rất mơ hồ xa vút nhưng cũng rất thân thiết.

Về phía người con gái cũng thật lạ. Nàng không có vẻ gì là một cô gái Saigon. Hơn nữa lại là Saigon của 1965. Lúc nào nàng cũng chỉ mặc chiếc áo vải trắng, nội hóa, và chiếc quần đen không lệch bẻch dưới gót giày. Mái tóc uốn nhưng xõa dài xuống phía sau và trên đầu có chận ngang một miếng vải tím bằng hai ngón tay. Bây giờ sự đuổi bắt giữa Du và cô

gái đã thành một thói quen. Không biết lúc này đối với chàng — cô gái kia — có còn là một hình ảnh để nỗi với chân trời cũ trong đó có một hình ảnh xa xưa chăng? Hay là hai hình ảnh ấy đã trở thành một, đã đủ cần thiết để xóa mờ kỷ ức leo lét của Du.

NHUNG rồi một hôm chàng như điên dại đi khắp cả đường phố Saigon. Chàng đã đi từ Trần Hưng Đạo đến Phạm Ngũ Lão qua Hồng Thập Tự, đến Nguyễn Thiện Thuật qua Phan Đình Phùng đến Công Lý qua Phan Thanh Giản đến Trần Quốc Toản. Bởi vì hôm đó là lần thứ tám chàng không gặp cô gái. Không biết nàng đã về đâu. Kể từ lần thứ tư sợ cô gái đôi giờ đi trên chuyến buýt, chàng đã đứng đợi chờ trong thấp thỏm, mệt mỏi suốt ngày sau đó. Và các buổi sáng hôm sau chàng lại đến thật sớm vào lúc Saigon những ngọn đèn đường còn vàng vọt trong cơn gió mát rượi. Và chàng cứ đứng đó một cách lầm lì một cách tê dại để đợi chờ, đến trưa, đến chiều. Chàng như muốn quay cuồng khi phải nhìn hoài cái dòng xe cộ lũ lượt không bao giờ ngừng nghỉ trên con đường Trần Hưng Đạo vào Chợ Lớn. Và những chuyến buýt vẫn cứ đông nghẹt cả người. Nhưng chàng vẫn thấy nó trống trải một cách lạ, bởi vì trên ấy toàn là những cặp mắt lạ, như nhìn vào nỗi ái ngại của chàng. Bởi chàng cứ đứng mãi ở một trạm chờ. Và giữa dòng thác lũ không ngừng nghỉ của xe cộ của tiếng động của sự hối hả ngược xuôi của bao khách qua đường chàng cảm nghe sự trống rỗng từ đâu trong

tâm hồn toát ra một cách mơ hồ mà lãng đãng một cách ràn rụa mà xót xa. Bây giờ chàng không hiểu chàng nhớ tiếc hình ảnh cô gái trên chuyến buýt này hay hình bóng một Đỗ Tú Uyên của một đêm nào tóc tang khởi đến đã buộc chặt chàng vào với hình ảnh đó suốt đời. *Làm sao ta quên được. Đêm vẫn là đêm đen tối nhưng, bởi vì đêm đã lên tiếng. Đỗ Tú Uyên. Anh sẽ mang bóng hình em như mang tháng ngày trong hai con mắt mở to nhìn suốt cõi khổ khan đã thành ra kỷ niệm.*

Có thể là cả hai hình ảnh cùng dựng dậy trong mơ hồ một cõi vượt ve cho nỗi đau đớn của chàng. Hai nhưng là một. Bởi vì trong nỗi đắm thắm của kỷ niệm mơ hồ mà chàng hằng ấp ủ thì cô gái trên chuyến buýt kia chính là một thực tại hiện có trước mặt chàng. Bởi vì nàng vẫn thường đứng đó hay ngồi đó trên cùng một chuyến xe với chàng. Bởi vì thỉnh thoảng cô gái nhìn chàng bằng một cặp mắt có thể giao nối lại niềm hoài vọng xanh xao của chàng.

Và nàng cũng là Đỗ Tú Uyên. Bây giờ chiếc gương để chàng soi thấy khuôn mặt thương tích của mình đã biến mất. Bây giờ cùng một lúc trí nhớ hoang vu của chàng phải dựng dậy một chiếc gương xưa và một bóng mơ hồ trong gương đã xa mù, huyền hoặc. Có phải tại chàng quá tham lam chăng? Nếu nghĩ thế thì tội cho chàng biết mấy. Bởi vì giữa một kỷ niệm thiết tha và qua một hình ảnh dựng dậy cõi mơ hồ kia vẫn chỉ là một nỗi rạo rức, xôn xao đẩy lên từ một tâm hồn căng thẳng. Bây giờ ý nghĩ chàng như tấm màn ảnh đón nhận mọi hình ảnh liên tục dồn dập chiếu lên trên đó. Chàng

tự đặt ra nhiều giả thuyết về cô gái. Có thể vì biến chuyển gia đình và nàng thôi không học nữa. Hay nàng là con một công chức đã chuyển chuyển đi nơi khác. Hay nàng lâm bệnh, có thể nào nàng chết rồi chăng. Bây giờ chàng lại hối tiếc sao những lúc đi theo nàng không đi luôn đến nhà để bây giờ có thể đến đó hỏi thăm tin tức của nàng. Lần nào cũng thế, chàng chỉ đi theo một đoạn đường ngắn để được đứng lại (chỗ góc đường nơi cô gái queo khuất vào ngã tư kẻ đó) và cảm nhận trong tâm hồn mình một cảm giác huyền diệu lâng lâng mà chàng không sao hiểu được. Nhưng chàng lại nghĩ nếu biết nhà cô gái thì biết đâu sẽ làm cho chàng mất đi cái niềm bí ẩn của một hình bóng vừa gợi dậy một làn khói mơ hồ vừa gìn giữ tình yêu chàng mãi mãi một vẻ gì kỳ bí. Bởi vì biết nhà nàng, rồi sẽ gặp những khuôn mặt khác của gia đình nàng, như thế nàng sẽ không còn là một Đỗ Tú Uyên. Bởi Đỗ Tú Uyên thực ra đã chết rồi. Và bởi vì nàng đã chết một cách rất đối oan nghiệt, nên hình bóng của nàng là một hình bóng sẽ dựng sống trong hồn chàng một hình ảnh cô đơn cùng cực ở giữa thảng ngày mòn mỏi trong cõi ý thức hoang vu leo lét thoáng hiện thoáng biến của chàng. Đột nhiên chàng cảm nghe trong tâm hồn mình có một cái gì vừa đau nhói vừa trống rỗng khi ý nghĩ cô gái kia cặp tay đi với một người Mỹ vào tửu điểm hiện lên trong đầu óc chàng. « Có thể lắm chứ, biết đâu đấy » chàng nói ý nghĩ đó lên thành tiếng và cùng lúc sự lạc lõng của câu nói khiến chàng nhận thấy một điều có thực là hai bắp chân chàng như bị buộc vào một vật nặng. Chàng nghe mỗi một cái tinh thần lẫn lộn xác. Chàng lại lầm bầm « Có thể lắm chứ. Chiến tranh đâu có báo trước những sự biến

đổi ». Lúc đó chàng lại nhớ đến khuôn mặt hiền hòa của ông lão mà chàng đã gặp trên chuyến buýt và cuộc nói chuyện của hai người. Hình ảnh này khiến chàng chọn ngay một quyết định mà không phân vân chút nào. Đó là việc trở về sống ở Mỹ Tho như chàng đã có nói với ông lão. Nhưng lúc nói với ông lão chàng chỉ nói như là như một câu chuyện để nói. Bây giờ thì nghĩ đến bao điều biến đổi nghĩ đến ngày mai phải xa thành phố này, nghĩ đến điều huyền nhiệm vừa gợi dậy trong hồn chàng một cách bình thản, nhẹ nhàng, chàng chợt hiểu rằng cô gái kia cần biến đi để chàng có thể bình tâm trở lại với quê hương. Bởi vì chỉ có Quê Hương — nhất là quê hương của nàng chàng mới thực sự là chàng : nghĩa là thực sự là một bóng đèn mà hình ảnh kia có thể chiếu lên. Thôi. Hãy trở về Quê Hương. Hãy thắp lên một ngọn đèn đủ sáng. Cho riêng em cho riêng anh. Cho riêng những nỗi khổ đau trên trái đất này. Và chiến tranh tàn bạo ời, chắc người không bao giờ cần một ngọn đèn. Một ngọn đèn, và bởi vì đó là một ngọn đèn leo lét ở trong tâm hồn quẩn quai như Đỗ Tú Uyên như Du nên người chẳng bao giờ biết được. Người chỉ biết có một điều : ấy là bóng tối trùng vây lạnh giá, tê dại hằng triệu ngàn năm !

THẾ là sáng hôm sau trên một chuyến xe Saigon về Mỹ Tho có một chàng trai dáng điệu bình thản vô song, lạnh lùng vô song, trầm tĩnh vô song. Bởi vì chàng đang trên đường trở về với mình, trở về với chân lý khổ đau, trở về với ngọn đèn leo lét trong ký ức mơ hồ từng gợi dậy nỗi triền miên xanh xao của núi rừng sông biển. Chuyến xe đã đi, tâm hồn chàng đã đi và ngày tháng cũng sẽ đi. Nhưng dưới năm đất khô cằn kia vẫn ngàn đời còn lại : Đỗ Tú Uyên.

lâm trầm khách

SÁU MƯƠI TRỪ MỘT

Lâm Trầm khách là nhà văn mới của Trung Hoa Dân quốc, sinh năm 1923 tại Phúc Kiến. Sau khi tốt nghiệp tại trường sư phạm, ông theo học được khoa nhưng sau cùng theo đuổi môn giáo dục và tâm lý học. Tác phẩm đã xuất bản của Lâm Trầm Khách gồm có ba cuốn tiểu thuyết nhan đề là : « Chân dung một người điên », « Một phút và hằng triệu năm » và « Nợ máu »

Truyện ngắn « Sáu mươi trừ một » này đã được đăng trên một tạp chí văn chương ở Đài Bắc.



N HỜ trời tôi chỉ là chồng nàng chứ không phải học trò của nàng. Hễ mỗi lần nhìn thấy nàng ngồi xuống trước một xấp bài thi với cây bút chì đỏ và cái vẻ nghiêm nghị trên mặt nàng thì tôi cảm thấy lo lắng cho những đứa học trò nhỏ của nàng. Nàng

theo phương pháp và quá kỹ lưỡng đến nỗi một sợi tóc cũng không thoát khỏi cặp mắt nàng. Tuy vậy nhưng nàng lại công bình cho nên không học sinh nào trong lớp nàng được nhiều hoặc ít hơn một điểm mà trò đó thực xứng đáng được.

Tuy thế điều căn bản này là một người đàn bà có lòng tốt, dễ cảm và cố nhiên là rất đáng yêu. Nàng có thể bị xúc động trong ba ngày mới lấy lại sự bình thường nếu tôi vô tình giết chết một con bướm. Nhưng khi nàng đối diện với một bài làm của học sinh tức thì nàng thay đổi ngay. Thật ra nàng là tất cả những hình ảnh sau đây hợp nhất trong « vương quốc học trò » của nàng : Hoàng đế Tần Thủy Hoàng, A Lich xăng Đại đế, Napoléon và Hitler. Nàng đọc các bài thi đó với tinh thần hết sức tập trung vào từng chữ một và khi thì xô một cái gạch vào chỗ này khi thì đánh một dấu hỏi vào chỗ nọ. Tôi rất sợ những dấu nhỏ bé này và thêm vào đó những câu làm tiêu tan mối hy vọng của tuổi trẻ. Như tôi đã nói ở trên, tôi rất biết ơn là được làm chồng nàng chứ không phải làm học trò của nàng.

Tết nhất đã gần kề với chúng tôi. Hầu hết các bà vợ đều bận rộn với việc mua sắm thức ăn và quần áo mới cho con cái họ hoặc lo những công việc khác trong nhà. Nhưng thay vì thế vợ tôi lại để thì giờ trước những ngày nghỉ của nàng, lo chấm các bài vở của học trò nàng. Thường thường tôi không xen vào công việc của nàng. Tôi quá lười biếng trong việc ấy. Nhưng đêm hôm đó, lúc tôi đi tìm cuốn sách, tôi đi đến bàn làm việc của nàng và tôi đã thất kinh khi chú ý đến góc phía trên phải của một bài thi có ghi dấu số 59 bằng mực đỏ có vẻ dọa dẫm.

« Nay, hãy đợi một chút ». Tôi lấy bài thi lên.

« Việc gì vậy ? » Vợ tôi, quyền hạn tối cao của nàng bị xâm chiếm, nhìn thẳng lên, sẵn sàng nổi giận,

« Năm mươi chín hả ? » Tôi hỏi, « Không thể rộng rãi cho thêm một chút ít gì sao ? »

« Nay, xem đây, cái điểm 59 này có việc gì với anh ? »

« Không có gì cả », Tôi nói tiếp. « Tôi không biết nó là câu hay cô, và tôi không thể không chú ý. Nhưng cho hẳn 59 đúng là con số giản dị của điểm bị đánh rớt ; là một cái gì em nên cân nhắc kỹ lưỡng hơn ».

« Tôi không thể làm khác hơn được ». Giọng nói và cử chỉ nàng hết sức giống như một quan tòa trong một phán quyết nghiêm khắc. « Ngay cả nó là con trai tôi, tôi cũng không thể làm gì khác hơn ».

« Tôi không cãi với em về việc câu học sinh này được một điểm có thể rớt hay không » Tôi nói « Nếu em không thể cho nó được 60 thì cho nó 55. Dù cho nó sẽ bị rớt, hãy cho nó rớt trong một trường hợp ít đau đớn hơn — tôi định nói về cảm tưởng của nó. Nếu em không thể làm bất cứ điều gì tốt hơn thì làm tệ hơn. Nó sẽ cảm thấy tốt hơn. »

« Đây là vấn đề nguyên tắc. Anh nên hiểu đây là một bài thi. Tôi không thể thay đổi được, không phải như cái lỗi anh bảo tôi tính sổ chi tiêu gia đình mà thắng bằng cả hai mặt được »

« Rất có thể em đúng về điểm đó. Tôi đã là học sinh

và một đôi khi tôi cũng làm việc như một thầy giáo. Tôi biết rằng một vài điểm thêm phản ánh những gì mà học trò đã thành tựu, nhưng tôi rất nghi ngờ việc nó phải đúng đích xác như thế nào đó. Em không nhận ra chỉ một điểm nhỏ nhất đánh rớt đó có thể thay đổi cả cuộc đời của đứa bé như thế nào. Nếu em chấp nhận ý kiến của tôi, thì một điểm trong bài thi chỉ để chứng tỏ là đầu hoặc rớt của một học trò thôi. Điểm đó sẽ không là con dao mà giáo sư dùng để cắt nó ra từng mảnh. Bằng cách cho cậu học trò 59 điểm, tôi nghĩ rằng em đã cắt nó rất sâu đậm. Nếu em chắc chắn là nó học không giỏi, cho nó 55. Làm thế mà lại đúng đắn hơn. Điều này không có gì cả, nhưng thử tưởng tượng rằng một ngày kia em sẽ thấy vé số của em với vé số của người trúng độc đắc chỉ trót một số cuối cùng thôi. Lúc đó em sẽ cảm thấy như thế nào ? »

« Điều đó sẽ là một việc đáng tiếc nhất. » Nàng nói « Nhưng trở lại với trường hợp điểm 59 này không đáng gì đến sự tưởng tượng của tôi. Tôi đã đi đến điểm đó bằng một sự cứu xét rất cẩn thận. Như một giáo sư, tôi phải nghiêm trang và công bình và không được để cho tình cảm tôi lôi cuốn đi ».

« Bây giờ hãy để tôi kể cho em nghe một câu chuyện ». Tôi liền lĩnh nói « Và chuyện này cũng giống như của em vậy ».

TR Ư Ớ C khi chúng ta biết nhau, em ơi, tôi là một giáo sư trung học. Mọi người cho rằng tôi có biệt tài điều khiển « vấn đề » học sinh. Qua những sự cố gắng của tôi, tôi đã thu xếp để cứu một số học trò gây phiền phức mà nếu không hẳn sẽ bị đuổi khỏi nhà trường. Và các cậu học sinh này đã được tốt lành trên các lãnh vực của riêng họ sau khi đỗ đạt. Tôi nhận được nhiều phần thưởng cho những gì tôi đã làm — tôi không nhớ họ gọi là gì; nhưng dù sao đó là một thái độ nhận xét đúng của Bộ Giáo Dục về công việc của tôi.

Sau khi tôi đến Đài Loan vào năm 1949, tôi đã thay đổi nghề nghiệp. Nhưng trong mười năm cuối cùng, tôi đã gặp hơn một lần các học sinh đã từng gây những vấn đề khó khăn trong lớp học tôi. Họ đang làm công việc khá tốt lành. Một người là thiếu tá trong không lực, nhiều người trong giới thương mại, và một người không chắc chắn lắm là một giáo sư. Phần lớn tên họ tôi đã quên. Chỉ có một tên tôi không thể nào quên được đó là tên của cậu mà tôi đã cho 59 điểm trong cuộc thi cuối cùng của cậu ta. Tên cậu ta là Lý Minh Lâm.

Việc đó xảy ra khi tôi là giáo sư ở một trường Chuyên tiếp. Trong những năm này các giáo sư đã được trả một số lương xứng đáng, và tôi có đủ cao vọng để làm một vài thí nghiệm. Đề mục của tôi là làm sao cải cách cái gọi là vấn đề học sinh. Chúng tôi có một hệ thống giáo sư dạy riêng tương tự như em có bây giờ. Tôi là giáo sư của lớp trong cấp thứ tám.

Ngày nọ có một ông già cho gọi tôi. Tất cả các giáo sư mà tại sao ông ta lại gọi đích tên tôi chắc không phải là một việc thường. Dù sao, lúc đó đúng trước khi cuộc họp hội đồng quản trị vào mỗi nửa tháng, nên tôi rất hồi hã. Ông tự giới thiệu và tôi nhớ lại đã có gặp ông một lần trước đó. Bây giờ ông lại đến tìm tôi để xin giúp đỡ cho con trai ông, Lý Minh Lâm, nghe đâu sắp bị đuổi khỏi nhà trường.

Một mình cậu Minh Lâm này cũng đã đủ nổi bật hoàn toàn trong vấn đề học sinh. Thực ra, cậu không học lớp tôi, cậu học ở lớp A. Chỉ vài tuần trước đây, cậu đã đánh một bạn học mạnh đến nỗi phun máu. Mới ba ngày trước đây cậu đã ăn cắp một cái kính hiển vi ở phòng thí nghiệm. Cậu đã có hồ sơ cá nhân rất xấu. Cha cậu hiển nhiên là biết rõ kết quả của tính nết này. Ông đã biết phần chắc nhất là con ông sẽ bị đuổi. Tuy thế, tôi đã hứa là sẽ làm bất cứ việc gì tôi có thể làm được.

Vụ Minh Lâm sẽ bàn đến ở chương trình nghị sự cuộc họp của các giáo sư Toán trưởng học sinh trình một bản tường thuật dài nhằng về tội lỗi của cậu bé. Thầy giáo lớp cậu cảm thấy một cách mạnh dạn rằng giữ một học sinh như thế trong lớp là một sự nguy hiểm. Vị thành niên phạm lỗi là một chứng truyền nhiễm. Cũng có những lời biện hộ một cách rụt rè là nên đặc ân cho đứa bé thay đổi đến học lớp khác. Nhưng số đông chia xẻ quan niệm do thầy giáo của cậu bé đã trình

bày. Bằng cách tống cổ cậu bé đi, nhà trường sẽ được an toàn. Tôi không thể nên được nữa. Vì thế tôi biện hộ :

« Đây là một trường trung học thực nghiệm của Giáo sư Sư phạm. Chúng ta nhìn nhận nó là một trường trung học tốt nhất trong toàn tỉnh, và tổ đông nhiều người ở ngoài, cũng đã đồng ý với chúng ta. Bây giờ chúng ta phát giác chúng ta có một học sinh xấu. Việc này không là công trạng gì đâu, cha mẹ cậu có thể đã nhận ra điều này và gửi cậu vào học trường đây với hy vọng chúng ta có thể có đủ khả năng làm một việc gì cho cậu. Nhưng tất cả chúng ta lại toan tính tống cổ cậu ấy ra khỏi nơi đây. Chúng ta có chắc rằng một vài trường khác có thể làm một việc tốt hơn không ? Hay gia đình cậu ? Hay xã hội ? Bằng cách tống cổ cậu ta đi, tôi e rằng chúng ta đã trốn tránh trách nhiệm của chúng ta. Tưởng tượng rằng một trong chúng ta có đứa con trai bị bệnh một cách nguy ngập-Tự nhiên việc trước nhất là gửi nó đến một bệnh viện tốt nhất. Nếu bệnh viện tốt nhất đó, bởi vì lý do bệnh tình nó trầm trọng đến như vậy, nên từ chối không nhận sự sống của nó quả rất là mong manh. Nhà trường cũng áp dụng việc tương tự đó sao. Tuy nhiên cậu Minh Lâm có thể là một học trò xấu, song chúng ta không thể nào từ chối được.

Cuộc thảo luận tiếp tục một cách cặn kẽ trong một lúc. Sau cùng viên Hiệu trưởng ủng hộ những gì tôi đã nói. Chúng tôi quyết định, rằng Lâm sẽ được coi là bị hai lần phạm lỗi và chịu sự kiểm soát.

Chỉ có một mình giáo sư lớp A không đồng ý. Ông ta đề nghị là Lâm nên ra khỏi lớp ông. Ý kiến của ông ta hoàn toàn minh bạch. Viên Hiệu trưởng nhận lời và quay sang tôi.

« Bây giờ, ông Lương, ông là một người lão luyện về vấn đề trẻ em — Ông sẽ đồng ý không nếu tôi cho Minh Lâm qua học lớp của ông ? »

Trong tình thế đó tôi không thể nói không. Ngay sau khi cuộc họp giải tán, tôi cho đi kêu Lý Minh Lâm. Cậu đi vào phòng tôi, vẻ buồn chán.

« Ngồi xuống » Tôi nói.

« Em thích đứng hơn »

« Phải em là trò ăn cắp kính hiển vi không ? »

« Dạ thưa phải »

Em có biết em sắp bị đuổi không ?

« Mẹ ghê em sẽ đánh em chết » Những giọt lệ bắt đầu chảy từng giọt xuống mặt nó. « Làm ơn cứu em, xin thầy làm ơn » nó van xin.

« Thầy đã gắng xin rồi » Tôi nói « Thầy hứa với ông hiệu trưởng là em sẽ tự sửa mình bắt đầu từ ngày hôm nay. Và em sẽ tiếp tục theo học trong lớp tôi ».

« Xin đội ơn thầy, em đội ơn thầy rất nhiều ».

« Bây giờ em có bằng lòng kể tôi nghe vì sao em ăn cắp cái kính hiển vi không ? »

Nó cúi thấp đầu xuống, suy nghĩ một lát và rồi trả lời bằng với giọng quả quyết :

« Em muốn làm cái máy chụp hình »

Tôi ngạc nhiên « Em biết làm sao để làm cái máy chụp hình không ? »

« Nó rất giản dị. Em đã làm cái vỏ nhưng em không thể tìm ra một miếng kính tụ quang. Bởi vậy em nghĩ em có thể chỉ mượn cái kính hiển vi để xem có thể nó sẽ làm được hay không ? »

« Mượn à ? » Tôi lớn tiếng. « Nhưng ai cho phép em mượn cái đó ? »

Nó lại cúi đầu và không nói một lời.

« Lâm, tôi muốn nói rõ điểm này với em. Tôi đã nói với nhà trường rằng em sẽ là một học trò tốt. Bây giờ em học trong lớp tôi. Nếu em lại ăn cắp bất cứ món gì nữa, em sẽ làm tôi mất mặt. Em hiểu chớ ? »

Nó hứa với tôi rằng nó sẽ không bao giờ lại lấy bất cứ món gì nữa.

Hai tuần sau đó, một học sinh trong lớp tôi trình với tôi là cậu đã bị mất một cuốn tự điển. Đó là một việc nhưc đầu thực sự cho giáo sư một lớp riêng vì đó là việc của một thám tử, một khả năng mà tôi hoàn toàn thiếu. Dù sao đi nữa công việc điều tra không thuộc những đề mục họ dạy tôi ở trường Giáo sư Sư phạm. Tuy nhiên, tôi mở một cuộc điều tra không bỏ sót chỗ nào và nhận thấy với sự hoảng hốt của tôi, rằng trong số chín học sinh trong lớp không có tự điển, thì Minh Lâm là một trong số đó. Và bởi lý lịch của nó, cố nhiên nó là tên đáng nghi ngờ nhất.

« Em cảm thấy gần chắc là Minh Lâm đã lấy nó. Nó đã mượn cuốn tự

điền của em nhiều lần trong tuần qua, đưa bị mất nói. Rồi cậu ta nói thêm :
« Thừa thầy, em cảm thấy lo lắng cho thầy vì thầy đã đem một tên móc túi vào lớp này ».

TÔI không làm sao giải quyết cho xong việc rắc rối này. Tôi bảo tất cả học sinh ngồi xuống và tôi lục soát hết thầy. Tôi xem xét hết sức kỹ lưỡng không sót chỗ nào. Khi tôi đến chỗ Lý Minh Lâm, tôi thấy hai tay nó run rẩy. Tôi tìm ngăn bàn của nó nhưng không có cuốn tự điền ở đó. Tôi soát cặp của nó, cũng không có. Tôi rờ vào cái áo choàng của nó tức thì tay tôi cảm thấy một vật gì trong túi nó ít nhất cỡ y như cuốn tự điền.

Tôi không lục soát nữa. Tôi đi qua các học sinh khác. Một lúc sau tôi chấm dứt cuộc tìm kiếm. Tôi nói với các học sinh rằng không may mà có một vài chuyện như thế đã xảy ra và bày tỏ niềm hy vọng của tôi là sáng mai tôi sẽ thấy cuốn tự điền ở trên bàn của trò bị mất. Ngay sau khi cuốn sách tìm được, tôi nói, vụ này coi như chấm dứt. Rồi tôi cho lớp học ra về. Tất cả ồ ạt ra về và chưa đầy một phút, tất cả biến mất.

Tất cả trừ Lý Minh Lâm. Tôi nhận thấy nó trong hành lang. Nó có vẻ luống cuống.

« Theo tôi Minh Lâm » Tôi gọi. Nó theo tôi vào phòng ngủ của học sinh. Tôi bảo nó vào phòng ngủ tôi, bảo nó kéo cái ghế và ngồi xuống. Nó không chịu làm như vậy. Trong lúc này nó lấy cuốn tự điền từ trong túi áo choàng ra và để nằm trên bàn viết của tôi. Nó

quay mặt vô vách tường không nói một lời.

« Ngồi xuống » Tôi gần như la lên. Nó do dự và rồi lấy hai tay che mặt đoạn ngồi xuống một cách miễn cưỡng.

« Minh Lâm, bây giờ em mong đợi tôi làm gì cho em ? »

Nó cúi thấp mặt xuống.

« Em biết là tôi phải làm việc gì. Tôi không thích thấy em bị đuổi khỏi nhà trường. Nhưng em còn ở trong thời gian thử thách. Điều lệ nhà trường đòi đuổi em đi và trong trường hợp này tôi không thể làm gì để cứu vớt em được.

Nó đứng dậy một cách quả quyết và nói. « Vâng, xin cứ đuổi đi ». Tôi giận đến nỗi khó có thể dẫn được. Tôi muốn tát ngay mặt nó. Tôi cầm cuốn tự điền lên và nhân thấy tên của sở hữu chủ ở trang đầu đã được gôm đi, và thay vào đó là tên Lý Minh Lâm được viết bằng chữ in, lớn.

Vào lúc này tôi đã bình tĩnh lại một chút. Tôi cảm thấy thương hại cho đứa bé. Tôi hỏi nó nếu nó cần cuốn tự điền đến thế, sao lại không hỏi cha nó mua cho một cuốn. Nó oà khóc lên.

« Dĩ ghê em sẽ không chịu đâu » nó la khóc gần như ngoài ý muốn. « Đối với em, Anh ngữ là môn em rất thích. Em không thể nào học nó mà không có một cuốn tự điền ».

« Nhưng ăn cắp không phải cách giải quyết vấn đề của em. Em cần cái kiếng tụ quang cho máy ảnh vì thế em đã ăn cắp một lần. Bây giờ em cần một cuốn tự điền. Vì lẽ gì em không chịu nói với tôi như vậy ? »

nhiều sự phiền phức ở trong trường.
Em không trở lại nữa đâu. Chúc thầy
gặp nhiều may mắn.

Học trò của thầy

LÝ MINH LÂM

Tôi sưng sốt. Tôi cảm thấy như
thể thân xác tôi bị đánh đập. Tôi đã
cố gắng rất nhiều, tự nhủ mình, vì lẽ
gì, mặc dù với tất cả sự nỗ lực của tôi,
tôi đành thất bại.

Lúc bấy giờ một tiếng gõ ở cửa đã
mang tôi trở về với thực tế. Đó là cậu
học sinh đã trình với tôi trong buổi
sáng về việc cây dù của cậu ta bị
đánh cắp.

« Em rất hối tiếc — thưa thầy, em
đã tìm ra nó. Em để nó trong phòng
tắm ».

« Vậy em đã tìm ra cây dù »

Tôi đưa tờ giấy có mấy lời của
Minh Lâm nhận là nó đánh cắp.

« Thưa thầy, em rất lấy làm hối
tiếc. Em đã làm hại anh ấy. Chúng ta
phải làm bất cứ việc gì chúng ta có
thể làm được để đưa anh ấy trở lại
trường học ».

Giây phút này tôi nghe có tiếng
động bên ngoài phòng tôi. Khi tôi tiến
lại phía cửa, thấy cha của Lý Minh
Lâm đang tới. Ông lôi con trai theo
với ông.

« Ông Lê, » ông già gần như hụt hơi.
« Con tôi nó đã làm mất cái áo len và
nó không chịu nói với tôi nó làm mất
hoặc mất ở đâu ra sao. Tôi đã đánh
đập nó và nó vẫn không chịu nói ».

« Tôi lấy làm vui sướng việc em
trở lại đây, Minh Lâm ». Tôi nói « Tôi
đã định đi tìm em. Em thấy đó, cây
dù đã tìm ra rồi. Cố nhiên là em không
lấy nó. Tôi rất hối hận, chúng tôi mắc
nợ em một lời xin lỗi. Nhưng cây dù
này em tìm ở đâu ra vậy ? »

« Tôi đem cầm cái áo len của tôi và
với số tiền đó tôi mua cây dù ». Nó òa
khóc lên, « Thầy thấy đó, tôi phải
nhận là tôi ăn cắp cây dù. Tôi không
được lựa chọn với tiếng tăm của tôi »,

TÔI dắt nó theo tôi tới lớp học và
thú nhận sự lầm lẫn của tôi trước
tất cả học sinh. Tôi tiếp tục nói về việc
bất công mà hết thảy chúng tôi đã làm
cho Minh Lâm và xin lỗi về tính không
cẩn thận của tôi.

Từ đó trở đi tôi có thể có lý để
mong đợi một sự thuận buồm xuôi gió
trong trường học của Minh Lâm mà
không lầm thêm một lần nữa. Tôi dạy
môn sử ký và số điểm tôi cho Minh
Lâm căn cứ trên phép tính toán chính
xác và đó là số điểm 59 — chỉ thiếu
một điểm thì nó được đậu, nếu đó
đích xác là điều cần thiết cho nó
cần kiếm được. Nhưng trong trường
học của Minh Lâm, đó là điểm bất
tường bực vì nó đã không đậu trong
hai khóa sau nữa. Và khoảng phạt
học sinh bị đánh hỏng trong ba khóa
học là phải ở lại lớp cũ trong năm kế
đó. Việc đó, không cần phải nói, là
quá sức chịu đựng của gia đình Minh
Lâm. Sau đó không ai thấy Minh Lâm.
Tôi không thể nào biết nó đã trôi dạt



nêo về của ý

Truyện dài

NHẤT HẠNH

VII

HỒI trưa tôi nhận được trên ba mươi lá thư, từ Nữ Ước chuyển về. Chỉ có một cái thiệp của Huệ Dương và một cái thơ của Phượng là từ Sài Gòn, còn những thơ khác đều là thơ chúc tết địa phương cả. Bên này nội cái số tiền thiên hạ dùng để mua thiệp chúc tết và dán tem trong dịp Giáng Sinh cũng thật đã là nhiều. Mỗi gia đình có một bản danh sách những người quen thuộc cần được gửi thiệp Giáng Sinh và Năm Mới. Chỉ kể cái việc đi mua hàng trăm cái thiệp như thế, bỏ vào phong bì và viết địa chỉ cũng đã thấy mệt và tốn thì giờ lắm rồi. Nếu Nguyên Hưng chỉ có chừng mười người quen thì Nguyên Hưng còn có thể có thì giờ chọn mua mười cái thiệp chúc khác nhau, mỗi cái thích ứng với một người quen. Rồi Nguyên Hưng viết những dòng chữ thăm hỏi chúc tụng riêng cho từng

người. Thế nhưng nếu ta có đến hàng trăm người, ta không thể nào làm như thế được. Cứ việc mua một thứ thiệp, bỏ phong bì, dán tem rồi gửi đi. Làm như cái máy. Chỉ cần cẩn thận đừng bỏ quên một tên nào trong « bản danh sách » là được. Mỗi năm bản danh sách ấy có thể thay đổi chút ít. Có thể là có một người chết. Có thể là có một người bạn ăn ở tệ quá, cần phải cắt đứt « liên lạc ngoại giao ». Có thể là có một vài người mới quen thân cần phải ghi vào trong danh sách. Nguyên Hưng, có thể thiên hạ tưởng như là tôi « lè loi » lắm mới phải xách khăn gói về Princeton trong cái dịp lễ Giáng Sinh này. Anh chàng Jack chẳng hạn, cũng đã nghĩ như thế đấy. Nhưng thực ra tôi có lè loi đâu ; tôi chỉ từ chối lời mời của rất nhiều người quen thuộc mà thôi. Cả năm chỉ có được mấy tuần lễ hoàn toàn

của mình, cho mình, tội gì đem tiêu phí bằng cách sống ràng buộc trong lễ nghi giao tiếp phiền toái. Ngồi trong cái phòng này đây cũng êm ấm chán; muốn nói chuyện với Nguyên Hưng hay với bất cứ người nào tôi cũng có thể nói chuyện được mà. Mình còn phong lưu lắm. Bây giờ đây, còn có những người không có nhà, không có lò lửa, không đón năm mới. Và trên mảnh đất quê hương ta, chiến tranh đang càng lúc càng trở nên khốc liệt. Người dân sống trong tình trạng trên đe dưới búa. Chúng mình mất mát thật nhiều rồi. Quê hương chia cắt, đất nước lâm vào cảnh khói lửa. Chúng ta còn một chút Phương Bối, nhưng Phương Bối cũng đã chìm trong sương mù rồi. Tuy nhiên chúng ta còn có nhau, chưa đến nỗi lẻ loi, cô đơn. Nhưng chúng ta muốn đứng về phía những người lẻ loi, cô đơn. Tôi muốn người ta thỉnh thoảng nghĩ tới những kẻ khổ đau, nghĩ tới mà thôi, chứ không nên thương hại. Những người khổ đau không muốn thương hại. Họ muốn có một thứ tình thương chân thực và đậm ấm.

B Ế N này, trong dịp Giáng Sinh, có nhiều tổ chức quyên tặng cho người nghèo. Tôi không thích người ta gửi quà cho cô nhi quả phụ và những người bán cùng mà không bao giờ thấy những cô nhi quả phụ và những người bán cùng. Có thấy họ, anh mới biết thế nào là khổ đau. Có biết khổ đau anh mới biết thương yêu. Tiền bạc và tặng phẩm nhận được trong dịp này là hằng chục triệu — nhưng đó chỉ là kết quả của lòng trắc ẩn, chưa phải là tình thương yêu. Tết này có một tổ chức chuyên môn xin giấy cho trẻ nghèo. Người ta xin được hàng triệu đôi giấy trẻ con rồi. Và trong số những người tặng năm đồng bạc thay vì một đôi giấy trẻ con, hẳn có rất ít người tưởng tượng được hình dạng đứa bé sẽ có hân

hạnh nhận được đôi giấy, và có lẽ hình dáng của đôi giấy nữa.

Năm ngoái cũng vào ngày này tôi đi chợ mua thức ăn cùng với Kenei Kira, một thanh niên Nhật Bản. Buổi chợ chiều hăm bốn tháng chạp có khác. Ai cũng có vẻ vội vã. Ai cũng muốn cho công việc mua bán mau xong để về nhà chuẩn bị lễ Giáng Sinh. Chúng tôi phải mua thức ăn cho một tuần lễ, vì từ hăm lăm tới đầu năm sẽ không có chợ. Hình bóng của những người con trai ngoại quốc đi chợ mua thức ăn cuối năm có lẽ làm cho một vài người động lòng trắc ẩn. Có một bà đến ân cần hỏi chúng tôi xem chúng tôi có cần bà giúp gì không. Chúng tôi nhã nhặn cảm ơn và chúc bà « merry Christmas ». Cô thu ngân viên gói hàng cho chúng tôi rất sốt sắng, nhìn chúng tôi với đôi mắt ái ngại và chúc « merry Christmas » một cách cảm động. Họ nghĩ rằng chúng tôi sẽ cô đơn lắm, buồn bã lắm, và nhớ nhà lắm trong dịp lễ Giáng Sinh này. Thực ra thì trong hai chúng tôi không có ai theo đạo Cơ đốc cả cho nên chúng tôi chưa bao giờ có được được cái nao nức của buổi chiều Giáng Sinh. Mà không có cái nao nức ấy thì làm gì có được cái cảm giác cô đơn lẻ loi trong đêm Giáng Sinh. Nguyên Hưng cứ nghĩ lại thì biết. Ở Saigon mỗi năm nhờ sự nhắc nhở của các cành thông, các thiệp chúc, các thứ giấy kim tuyến, vân vân... mà chúng ta biết Lễ Giáng Sinh đến. Chính ở Phương Bối chúng ta cũng ăn lễ Giáng Sinh, cũng thức đêm, cũng có một cây Giáng Sinh thật đẹp trong nhà, nhưng không phải vì thế mà chúng ta có thể chia sẻ được cái nao nức thực sự của những người bạn theo Cơ đốc giáo. Có lẽ tại vì chúng ta chỉ biết tôn kính đức Kì Tô như một nhà đại văn hóa chứ không như một vị giáo chủ. Mà chắc đối với đức Phật cũng vậy, chúng ta ít khi nhìn ngài qua sự huyền diệu màu nhiệm của tôn giáo: chúng ta có khuynh hướng tôn kính người như một bậc thầy, một nhà văn hóa

mà không thờ phụng người một cách mê say như người ta thờ phụng thần tượng. Nói nao nức thì có lẽ ngày ba mươi Tết cho chúng ta nhiều nao nức hơn.

VẬY mà Nguyên Hưng ơi, vào khoảng sáu giờ chiều ngày ấy chúng tôi bỗng thấy Brown Hall quá vắng. Trời lạnh nhưng, chúng tôi cũng cứ rủ nhau đi ra phố. Lúc đó, trời không có tuyết. Chúng tôi đi trên những con đường vắng teo, những con đường phố đầy giấy rác của buổi chiều hăm bốn. Những con đường này suốt năm không có khi nào đầy giấy rác như vậy. Cửa nhà nào cũng đóng, cửa tiệm nào cũng đóng. Quả đúng hết là không khí ba mươi tết bên nhà. Bỗng dưng chúng tôi thấy buồn, cái nỗi buồn của những người tha hương khi tết đến. Ở đây, Đêm Giáng Sinh đúng là một đêm có giá trị tương đương với đêm giao thừa ở quê nhà. Chúng tôi bỏ dở cuộc dạo chơi và trở về campus center uống trà, nói chuyện và xem T.V. Cái hoàn cảnh xung quanh quả có thể ảnh hưởng đến tâm lý ta một cách lớn lao, phải không Nguyên Hưng. Những cái vui buồn thương ghét của chúng ta bị hoàn cảnh quy định một cách đáng kể. Rốt cuộc chúng ta thường vâng theo mệnh lệnh của hoàn cảnh, của dư luận mà ít khi thấy rõ được những ước muốn chân thực của con người chúng ta. Để rồi chúng ta phải trở thành một mẫu người khác, một mẫu người xa lạ với chính chúng ta, một mẫu người mà xã hội muốn chúng ta trở thành. Nguyên Hưng, chúng ta thuộc về hạng người muốn chống lại sự đồng hóa tập thể đó. Chúng ta trời dấy, vùng vẫy, đập phá để khỏi chui đầu vào những khuôn đúc của xã hội. Và cố nhiên là chúng ta gặp sức phản ứng dữ dội. Nhiều lúc tôi thấy tôi lâm vào một tình trạng cực kỳ nguy hiểm. Đó là những lúc tôi phải đối diện với chính tôi trong một cuộc vật lộn dữ dội giữa hai cái tôi không đồng nhau. Xã hội tạo cho ta

một cái tôi xa lạ mà chính trong những lúc ấy, ta mới nhận được ra nó là xa lạ. Còn thường ngày ta vẫn cứ tưởng nó là cái tôi đích thực. Sự chạm trán giữa hai cái tôi ít khi đưa đến một cuộc hòa giải. Nó tạo tâm hồn của chúng ta thành một bãi chiến, và chính ngũ uẩn của tôi bị tàn hại tan hoang như mặt đất sau cơn phong vũ điên cuồng. Cây cối ngã nghiêng, cành lá xác xơ, nhà cửa tan nát. Những lúc ấy quả tình là tôi cô đơn lắm, Nguyên Hưng. Nhưng mà mỗi lần vượt qua được một cơn giông tố như thế, tôi thấy tôi lớn hơn lên. Có thể một ngày nào đó tôi không vượt nổi nó và tôi sẽ ngã quỵ, nhưng bây giờ tôi thấy rõ ràng rằng nếu tôi chưa trải qua những cơn bão tố như thế thì tôi không phải và không thể là tôi bây giờ. Tuy vậy không phải là tôi không sợ những cơn giông bão. Nghĩ đến chúng, tôi còn muốn rơi nước mắt. Mỗi lần chúng đến là một lần tôi bị cuốn vào một trận chiến ác liệt đến nỗi thế giới bên ngoài không thể giúp tôi được một chút gì. Mỗi lần chúng đến, chúng tàn hại tôi, tiêu diệt tôi; nhưng cũng có thể nói rằng mỗi lần chúng đến là chúng cứu được tôi. Ít khi chúng ta nghe được bước chân chúng. Chúng xuất hiện một cách đột ngột nhưng chúng đã đến từng bước một trên những đôi hài bằng nhung. Giông nhận thức và tư duy của tôi, chính giông nhận thức và tư duy của tôi đã mang chúng đến từ từ, để một buổi sáng nào đó cơn bão tố xuất hiện đột ngột với tất cả mãnh lực của nó.

TRONG mùa thu vừa qua, tôi cũng có trải qua một cơn khủng hoảng nội tâm như thế đó, Nguyên Hưng. Đó là vào ngày mồng một tháng mười dương lịch. Sự việc xảy đến một cách đơn giản. Và giông bão ban đầu tưởng như chỉ là một cái ráng trời. Năm sáu giờ đồng hồ sau khi sự việc xảy ra, tôi vẫn chưa thấy gì rõ rệt. Chỉ thấy

bản thể của tôi hình như bốc khói bay đi mất, và ở chỗ thay vì có tôi, chỉ còn có một đám mây mù loang loảng ở lại. Tôi thấy rằng từ lâu tôi tưởng tôi là một cái gì có thật, nhưng bây giờ thì tôi thấy tôi không là một cái gì hết.

Cổ nhiên đó không phải là một suy tưởng triết học, cũng không phải là một trạng thái chứng ngộ của thiền-định. Đó chỉ là một cảm tưởng tầm thường, rất tầm thường. Cảm tưởng ấy là cái hình dáng và bản chất mà tôi tưởng là tôi, mà Nguyên Hưng tưởng là tôi, vốn là một điều được bịa đặt ra. Thực chất của tôi hư vô hơn thế nhiều mà cũng hiện thực hơn thế nhiều. Nó xấu xí hơn thế nhiều mà cũng đẹp đẽ hơn thế nhiều. Nó vừa không lại vừa có.

Cảm giác bắt đầu từ lúc gần mười một giờ khuya tối hôm mồng một, lúc tôi đang lục soạn ở lầu thứ mười một của thư viện Butler. Nguyên Hưng biết rằng đúng mười một giờ khuya thì thư viện đóng cửa. Lúc đó chỉ còn chừng mười hoặc mười lăm phút nữa thì tôi phải ra khỏi thư viện rồi. Tôi rút ra một cuốn sách, cuốn sách mang một cái tên có dính líu đến đề tài khảo cứu của tôi, một cuốn sách lớn và nặng. Cuốn sách xuất bản năm 1892, và năm 1892 cũng là năm sách được đóng dấu đưa vào thư viện. Ở bìa sau, tôi đọc bản ghi ngày tháng của người mượn sách. Lần mượn thứ nhất: 1915. Lần mượn thứ hai: 1932. Và tôi sẽ là người mượn lần thứ ba; tôi, Nguyên Hưng nghe rõ chưa? Tôi sẽ mượn vào ngày 1-10-1962. Cuốn sách nằm bảy mươi năm trên giá sách ở tầng lầu thứ mười một của thư viện và đã qua tay hai người đọc. Thư viện được tổ chức theo kiểu *stack* và vì vậy ta có thể tới tận nơi để rút sách ra xem trước khi quyết định là có nên mượn về hay không. Vậy thì trong khoảng thời gian bảy mươi năm, đã có hai người đứng chỗ tôi đang đứng, rút cuốn sách tôi vừa rút và có ý định như ý định của tôi là mượn cuốn sách đem

về! Bỗng dưng lúc ấy tôi ao ước được gặp hai người kia quá. Tôi sẽ ôm lấy họ, không biết để làm chi, nhưng phải ôm lấy. Họ đi mất rồi. Cũng như hôm nay tôi là họ, và mai tôi sẽ đi. Hai điểm nhất định A và B trên một đường thẳng không bao giờ gặp nhau, nhưng vẫn ở trên một đường thẳng. Bởi vì nếu gặp nhau thì không thể được gọi là A là B nữa, sẽ ngớ ngàng nhìn nhau. Và sẽ tự giới thiệu với nhau như bất cứ những người xa lạ nào khác. Tôi đang đứng đây, gặp họ trong không gian nhưng không gặp họ trong thời gian.

Ô M cuốn sách trong tay, tôi lặng đi một hồi lâu, có lẽ đến ba bốn phút, rồi bỗng nhớ lại lời bạn tôi, ông Cerbu, nói với tôi hôm trước trong lúc bàn về vấn đề khảo cứu tư tưởng Phật học Việt Nam. Tôi nhớ Anton có nói rằng tôi đang còn trẻ. Lúc ấy tôi không tin Anton. Tôi mà còn trẻ à. Tôi cứ tưởng là mình đã sống lâu quá, đã sống *nhiều* quá rồi. Mấy chục tuổi thì được gọi là trẻ. Bây giờ giật mình ngó lại thì mình không hẳn là trẻ, không hẳn là già, cũng không phải là lưng chừng. Mình chỉ là một cái gì không thực là có, không thực là không. Có những lúc tôi trẻ con quá, Nguyên Hưng cũng biết đấy, và vẫn tinh nghịch, vẫn đùa cợt, vẫn chơi trò đồ tìm với cuộc sống một cách thành thực say mê. Vẫn biết giận dỗi, vẫn thích được ngợi khen, vẫn sẵn sàng khóc cười. Nhưng ở dưới đáy những cái đó, còn có cái gì nữa nhỉ? Có hay không? Nếu có, sao ta lờ nó lên không được? Nếu không, sao ta cứ đinh ninh rằng có?

Rồi trong khi ôm lấy cuốn sách 1892, tôi thấy lóe lên vài tia hào quang của trực giác: thì ra tôi không có lý tưởng nào cả, không có hoài vọng nào cả, không có lập trường nào cả, không có chủ trương gì cả, không có hứa hẹn chi với ai cả, không tự công nhận mình là một thực thể giữa những

thực thể. Quyết nhiên không phải môi trường sinh hoạt của nhân loại nói chung đã tạo nên cái thấy đó. Quyết nhiên không phải vì chán nản vì lo sợ vì ước muốn vì say mê mà có cái thấy đó. Cái thấy đó hồn nhiên, tinh mạc mà xuất hiện. Lấy gậy đập vào tôi lấy đá ném vào tôi lấy súng bắn vào tôi lấy lửa đốt cháy tôi đi, Nguyên Hưng sẽ thấy tan biến cái hình dáng cái ý niệm về con người tôi mà cả tôi cả Nguyên Hưng đã từng tạo dựng nên, đã từng tưởng là có thực. Đề rồi sẽ hiện hiện cái gì có thực, mờ ảo như mây khói như hư vô nhưng sẽ không phải là mây khói là hư vô, không xấu xí không đẹp đẽ nhưng vẫn có xấu có đẹp như hình bóng trên màn bạc. Lúc ấy, Nguyên Hưng ơi, tôi thấy tôi trở về. Áo của tôi, giày của tôi, ngọn đuốc của tôi mất hết. Tôi chỉ còn là một con châu chấu vô tư nằm trên lá cỏ. Ừ, đúng là một con châu chấu. Nó không nhớ lại tiền thân. Tiền thân của nó biết thế nào là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tiền thân của nó biết thế nào là tăng, giảm, cấu, tịnh, sinh, diệt. Nó nằm trên lá cỏ, không phải đề xa lánh, đề phản đối, đề chê bai. Trẻ con thích những con chuồn chuồn có cánh đỏ và mình đỏ như những trái ớt. Nó màu xanh, lẫn trong cây cỏ. Ít đứa trẻ nào thấy. Nó không trốn, nhưng mà nó không gọi. Nó không biết triết học là gì và nhất là lý tưởng là gì. Nó cảm ơn bài học của cuộc đời. Nguyên Hưng ơi, em sẽ chạy hấp tấp qua đồng cỏ để đón đứa trẻ con năm xưa trở về. Và khi không trông thấy tôi, Nguyên Hưng sẽ trở lại. Trong lúc tâm hồn em tràn đầy thất vọng, em sẽ may mắn tìm thấy nó trên một lá cỏ.

N G U Y Ê N Hưng ơi, những ngày ấy Steve đi Boston và tôi ở nhà một mình. *Cửa sổ phòng tôi để mở rộng suốt ngày đêm, như một lời cầu nguyện.* Chuyện xảy ra cho tôi không phải là một chuyện

vui, nhưng không phải là một chuyện buồn. Có những vấn đề của sự sống mà ta không thể xem là những vấn đề có thể nghiên cứu và suy tư. Ta phải sống, phải chết với chúng, phải giao chiến, phải đồng nhất với chúng. Chúng không thuộc riêng phạm vi của trí tuệ, chúng có gốc rễ ở cả phạm vi của tình cảm và ý chí nữa. Chúng khua động tiềm thức và bản thể. Chúng thống trị tim óc xương tủy máu huyết của con người. Nó là một hủy thể, rồi nó trở nên hủy thể của hủy thể. Còn tôi thì thành một bãi chiến trường. Ra khỏi cơn bão tố thì mới biết còn hay mất. Còn hay mất đây không phải chỉ cho sinh mệnh — còn hay mất đây chỉ cho một cái gì quan trọng hơn sinh mệnh, đó là cái ta, cái ta trước giờ bão tố. Lúc đó tôi cảm thấy tôi rất cần những người thương yêu nhưng tôi cũng biết rằng nếu có mặt họ trong những lúc đó thì tôi lại càng cô đơn hơn, càng khổ đau hơn. Có lẽ tôi phải đánh đuổi họ, hoặc là tôi trốn chạy họ, nghĩa là tôi phải đánh đuổi tôi.

Nguyên Hưng, khi bão tố đã gây xong tan nát, khi những lớp vôi hồ rã xuống thì quang cảnh cũ cũng vừa tan. Trong hoang vắng có một vài tia nắng xuất hiện từ chân trời xa rọi tới. Những tia nắng đó đã không sưởi ấm được cảnh tượng chút nào mà còn làm tăng thêm tính chất cô đơn và hoang tàn của mặt đất. Tôi xuất hiện trầm lặng, mình mang đầy thương tích và rất cô đơn, một thứ cô đơn tuy có sức mạnh nhưng vẫn là cô đơn. Trong hình thể mới, tôi biết Nguyên Hưng không nhìn ra được tôi. Và những người tôi nghĩ là thân yêu cũng không nhìn ra được tôi. Mọi người muốn tôi nguyên vẹn như chú bé ngày xưa. Làm sao mà có thể như thế được, Nguyên Hưng. Làm sao tôi có thể vừa sống vừa không sống như thế được. Sống nghĩa là phải chết, chết trong từng giây từng phút, chết trong những cơn bão tố để làm điều kiện cho sự

sống phát sinh mãi mãi hoài hoài. Nguyên Hưng hãy xua đuổi tôi đi, mọi người hãy xua đuổi tôi đi. Tôi không thể vừa sống cuộc sống của con người vừa làm một đối tượng bất biến cho sự thương yêu, cho sự ghét bỏ, cho sự nhàm chán hoặc cho sự chiêm ngưỡng. Tôi phải lớn và vì vậy những chiếc áo mẹ tôi may cho tôi ngày trước đã phải rách ở những đường chỉ. Tôi có thể cắt kỹ vào rương kỷ niệm những chiếc áo còn thơm mùi trẻ thơ và phẳng phất tình thương của mẹ, nhưng tôi phải có áo khác để mặc cho vừa kích thích. Áo của tôi, tôi muốn tôi được tự may lấy. Tôi không tìm ra được thứ áo mà xã hội may sẵn. Chiếc áo tôi, trước mắt xã hội, sẽ có vẻ dị kỳ, sẽ không được chấp nhận. Tôi biết điều đó. Mà đây không phải chỉ là vấn đề một chiếc áo — đây là vấn đề của cả con người của tôi. Tôi từ chối tất cả những thứ thước đo người ta bắt buộc chúng ta phải dùng. Tôi nghĩ rằng tôi có một thước đo riêng của tôi, do tôi tìm ra. Và như vậy là tôi phải khai chiến với thiên hạ rồi, phải không Nguyên Hưng. Tôi khai chiến với xã hội, tôi khai chiến với tất cả những ai xâm phạm nhận thức độc lập của tôi. Nhưng mà còn Nguyên Hưng còn những người thân yêu thì sao? Tôi bắt buộc phải khai chiến với em, với tất cả mọi người — bởi vì tôi không thể không là tôi, bởi vì tôi không thể lại chui vào trong cái vỏ trứng mà tôi vừa phá vỡ để thoát ra. Đó là nguyên do của sự cô đơn. Tôi biết tôi có thể dùng cái vốn liếng tình cảm cũ để ép để đưa Nguyên Hưng cùng đi với tôi trong một chuyến du hành không gian, chuyến du hành mà đôi khi chính tôi cũng phải cảm thấy chóng mặt. Nhưng không gian thì quá hoang vắng và tốc độ thì không thể nào lường trước được. Liệu Nguyên Hưng có thể ngồi lâu một bên tôi được không hay là lại choáng váng lại sinh lòng oán hận thù ghét tôi, lại ép tôi phải trở về

ngay trên mặt trái đất, nghĩa là trên mặt phẳng của những ước lệ những bằng giá trị cố hữu giả tạo? Như thế có lợi chi cho cả hai bên, cả Nguyên Hưng cả tôi hay không?

Cho nên tôi muốn đốt cháy cái túp lều hiện giờ đang làm chỗ trú ngụ của Nguyên Hưng. Tôi muốn gây xúc động, gây hoang mang, gây hỗn độn cho Nguyên Hưng để Nguyên Hưng có thể đập vỡ được cái vỏ cứng đã từng giam hãm mình, bẻ gãy những xích xiềng đã từng ràng buộc mình và phá tan những thần tượng đã từng chế ngự mình. Để vươn lên và để nhận thấy rằng mình không thể còn khổ đau còn sung sướng vì những cái bé nhỏ. Để sống như những người tự do, không chấp nhận một luật lệ nào hết của xã hội, không vi phạm một luật lệ nào hết của sự sống. Có lẽ giây

phút huy hoàng nhất là giây phút mà tôi được chứng kiến sự trở về của Nguyên Hưng — tôi ưa gọi đó là một sự trở về — Sẽ đẹp tuyệt vời cái giây phút Nguyên Hưng vừa thoát ra khỏi trạng thái hỗn độn nàiệm mầu gây nên cho Nguyên Hưng bởi sự tiêu hủy của túp lều trú ẩn cuối cùng. Tôi hình dung được hình bóng của Nguyên Hưng vừa thoát ra khỏi chiếc vỏ cứng ngàn đời, đứng oai hùng trong ánh sáng rực rỡ của túp lều đang bốc cháy ngàn ngút. Giờ phút ấy là giờ phút mà Nguyên Hưng mất hết nhưng cũng là giờ phút mà Nguyên Hưng bắt đầu có hết. Và chỉ bắt đầu từ giờ phút đó tôi mới thực sự có Nguyên Hưng.

Trong những ngày quẩn quai khổ đau tôi không hề nói năng. Tôi chỉ có thể làm những công việc tay chân. Có lẽ Steve nhận thấy rằng có một cái gì rất khác thường đang xảy ra cho tôi nên từ hôm ở Boston về Steve nói năng và cử động rất dè dặt. Nghĩ đến những lúc ấy mới thấy thương Steve. Nó không khơi chuyện với tôi và chỉ nói rất

vẫn tất những điều cần rọi. Đôi khi tôi biết Steve ngồi lặng yên nhìn tôi hàng năm mười phút bằng cặp mắt lặng lẽ và đượm chút ít lo lắng. Steve rút vào buồng ngủ và để tôi ngồi một mình trong phòng. Thái độ của người con trai trẻ tuổi ấy thật đầy hiểu biết. Một buổi sáng chủ nhật tôi rủ Steve ra công viên bờ sông ; hai chúng tôi ngồi chơi trên thảm cỏ cho đến hơn một giờ trưa mới về. Chúng tôi chẳng nói chuyện gì cho nhau nghe cả. Khi về đến nhà, Steve hỏi rất nhỏ nhẹ : thầy có mệt không ? Tôi trả lời không và cảm ơn Steve.

TUỒI trẻ là tuổi đi tìm chân lý. Ngày xưa tôi viết trong nhật ký : dù sự thực có tiêu hủy anh, anh cũng vẫn phải bám víu vào sự thực. Như thế là tôi cũng đã biết rất sớm rằng tìm thấy sự thực không phải là tìm thấy hạnh phúc. Anh ao ước *trông thấy nó*, nhưng *hễ trông thấy nó rồi* là anh không thể không khổ đau. Thà rằng anh không trông thấy gì hết. Thà rằng anh chịu sự điều khiển của một người khác, hay một đám người khác. Mỗi người đều tự xét đoán mình và xét đoán kẻ khác bằng những nhận thức và những tiêu chuẩn vốn không phải là của mình. Đó chỉ là những gì tạo ra do ước lệ do truyền thống. Đó là những thước đo mà con người mượn ở dư luận ở quan điểm những người chung quanh ở trật tự hiện thời của xã hội mà mọi người đang phải chấp nhận. Nguyên Hưng cho cái này là xấu, cái kia là tốt, cái này là thiện, cái kia là bất thiện, cái này là chân, cái kia là ngụy. Nhưng mà những tiêu chuẩn để đoán định ấy vốn không phải là của Nguyên Hưng. Nguyên Hưng đi mượn thước để đo. Những cái thước đi mượn không bao giờ có thể gọi là chân lý cả. Chân lý không thể đi mượn, chân lý chỉ có thể thực chứng. Chân lý là trái của thực nghiệm tâm linh, của khổ đau, của sự xúc tiếp giữa tâm linh với thực tại, thực tại hôm nay cũng như thực tại muôn đời. May mắn lắm, hoặc rủi ro lắm

con người mới bắt gặp được nó. Và nó của người này không phải là nó của người khác, nó của hôm nay không phải là nó của hôm qua. Nếu Nguyên Hưng khám phá được một cái gì mà Nguyên Hưng biết là sự thực của hôm nay do tâm linh của nguyên Hưng ấn chứng thì Nguyên Hưng sẽ thấy mọi giá trị cũ đảo lộn và Nguyên Hưng sẽ có một lối nhìn mới nó khiến cho Nguyên Hưng vượt thoát những ước lệ, những thành kiến, những cố chấp, những tiêu chuẩn và những trật tự... Có những khuôn vàng thước ngọc ngày xưa, nay đã được nhận thức như đã mang tính cách phong kiến. Khi Nguyên Hưng đã đạt tới một tiêu chuẩn nhận thức chân xác về thực tại rồi thì Nguyên Hưng không thể còn giả dối mà chấp nhận những gì đã trở thành sai lạc trước mắt Nguyên Hưng. Nguyên Hưng sẽ hành động theo nhận thức mình và như thế chỉ biết tuân theo quy luật của sự sống do nội tâm Nguyên Hưng ấn chứng mà từ bỏ tất cả mọi quy luật của xã hội hiện tại. Xã hội sẽ trả thù Nguyên Hưng một cách đích đáng vì Nguyên Hưng đã dám cải lại trật tự của nó. Lịch sử nhân loại đã chứng kiến những cuộc trả thù ấy. Bao nhiêu thảm kịch đã xảy ra, thảm lắng, bi thiết. Lịch sử nói « mi sẽ chết nếu mi cải lại ». Vậy mà bao nhiêu người dám, tuy thức nhận sự yếu đuối của mình, cải lại bóng tối. Bất cứ ai lỡ trông thấy sự thực, lỡ chia xẻ nhận thức về sự thực với những bậc vĩ nhân thì dù ít dù nhiều phải chịu chung số phận của họ. Chịu chung số phận mà không chịu chung danh vọng.

NGUYÊN Hưng, tôi đã nói rằng những tia nắng đầu rọi trên cảnh tượng tan nát sau cơn bão tố dù có chứng nhận được cho một cuộc thoát hình, vẫn chỉ làm cho cảnh tượng thêm nét cô đơn hoang vắng. Tôi có cảm tưởng là mình đang mang những đau xót của một bà mẹ khi chưa sinh con mà đã biết trước rằng

con mình sẽ bị lên án tử hình. Bà mẹ tương lai kia sống trong thao thức, khổ đau, không hề có được một chút an ủi, một chút tự hào, một chút hy vọng. *Biết* là mình đang có một đứa con. *Biết* là mình không nên có đứa con đó thì hơn mà vẫn phải buồn lòng mang nặng đẻ đau đẻ rồi bị thảm chứng kiến sự tàn diệt của nó và của chính lòng mình, của chính mình. Nhưng định nghiệp đã rõ ràng như vậy rồi. *Biết* trước cả rồi. Sao lại không sinh một đứa con mũm mĩm, dễ thương và hiền lành như mọi bà mẹ khác? Đẻ mà hy vọng, đẻ mà tự hào, đẻ mà sung sướng, đẻ mà tiếp nhận lời khen ngợi của mọi người?

Nhưng mà không lẽ chúng ta không đứng dậy? Không lẽ chúng ta để cho rêu phủ chúng ta như phủ một ngôi cổ tháp? Không lẽ chúng ta bơi theo một cái bản ngã giả tạo không phải là ta? Gần đây tôi có viết cho Hương một lá thư, trong ấy tôi kể câu chuyện một người thiếu nữ nghèo ước mơ được sống trong nhung lụa. Tên nàng là Minh. Nàng gặp một thương gia trẻ tuổi, rất giàu có, cưới nàng. Như thế là mộng của nàng thành tựu. Mộng của nàng như tôi đã nói chỉ là được sống trong ngọc vàng nhung lụa, cho nên nàng về với chàng thương gia trẻ tuổi không phải vì tình yêu. Còn người thương gia cũng nói rằng chàng cưới nàng là vì nàng rất giống với người vợ trước của chàng, tên là Nguyệt. Cũng không vì tình yêu. Nàng không nề hà điều đó. Nàng sống cuộc đời giàu có và chỉ cần chiều chàng một điều: đó là nghe lời chàng đề tập cho mọi ngôn ngữ mọi cử chỉ giống hệt như Nguyệt, người vợ trước. Đòi hỏi đó ban đầu thì không khó chịu lắm nhưng càng ngày càng trở thành một thứ gông cùm, một thứ quyền lực thống trị nàng. Nàng là Minh nhưng nàng phải bắt chước cho giống Nguyệt. Có những màu áo mà

Nguyệt ưa, đọc những sách báo mà Nguyệt đọc, nói những lời mà Nguyệt nói, ăn những món ăn mà Nguyệt ăn... Nàng không được là Minh, mà phải là Nguyệt. Đó là tất cả bi kịch. Nàng cảm thấy khổ đau vì nhân cách nàng chỉ là một cái móc áo, trên đó chàng móc cái nhân cách Nguyệt. Nhưng nàng không thể và không có can đảm khước từ cuộc sống giàu có, bởi vì nàng đã làm quen với nó, đã bị nó phong tỏa rồi. Nghe đến đây, chắc ai cũng ước mong rằng nàng có đủ can đảm để từ bỏ chàng thương gia, về sống trở lại cuộc đời giản dị của một người thôn nữ, và khôi phục lại bản ngã đích thực của mình. « Đứng vào địa vị nàng, ta sẽ nhất định từ bỏ nếp sống nhục nhã kia ». Ai cũng nói thế. Nhưng chúng ta chỉ là những người ngoại cuộc, những người đứng ngoài, những người xem kịch. Vì thế cho nên chúng ta có vẻ sáng suốt, tỉnh táo, Giá chúng ta là nàng thực, thì chúng ta mới thực sự cảm thấy lúng túng. Mà Nguyên Hương ơi, ai trong chúng ta mà lại không là nàng? Tất cả chúng ta đều đang phải tuân theo mệnh lệnh ác nghiệt của guồng máy xã hội hiện tại. Chúng ta đang cúi đầu vâng lời, và chúng ta phải ăn, nói, suy nghĩ, hành động theo những mẫu mực mà xã hội đã thiết lập và muốn chúng ta phải tuân phục. Chúng ta không được tự do là chúng ta, cũng như Minh không được là Minh. Đẻ rồi chúng ta, tất cả chúng ta, đều được xã hội chế biến và khuôn đúc thành những hóa phẩm giống nhau. Hóa phẩm, mà không còn là nhân phẩm. Guồng máy đưa tới một cái *collective resemblance* mà khi nhìn vào, chúng ta thấy nhân tính và cá tính con người bị đe dọa trầm trọng. Chúng ta cúi đầu đi theo, tại vì chúng ta không có can đảm chống trả lại, không có can đảm từ bỏ. Cũng như Minh. Chúng ta có hơn gì nàng đâu. Tại vì chúng ta đã làm quen với cuộc sống xã hội đầy tiện nghi này rồi và chúng ta đã bị nó khống chế mất rồi.

NGUYỄN Hưng có biết rồi câu chuyện đi đến đâu không. Một bữa kia Minh khám phá ra rằng Nguyệt, người vợ trước của chàng thương gia, vốn là một kẻ ngoại tình. Minh mong lấy chứng cớ đó để làm cho chàng thương gia tỉnh mộng. Nhưng không. Chàng bảo vì Nguyệt ngoại tình nên Nguyệt đã bị chính tay chàng giết. Nhưng giết xong vẫn chưa hả giận. Thấy Minh giống Nguyệt, chàng cười nàng về, làm cho nàng giống Nguyệt thêm, làm cho nàng thành Nguyệt, để được giết Nguyệt một lần nữa. Và chàng xông lại để giết Nguyệt. Nguyệt vùng vẫy tuyệt vọng.

Tôi không dám kết luận là Nguyệt có chết hay không và vì vậy tôi không khép câu chuyện lại được. Mà dù Nguyệt không chết thì Nguyệt cũng ngắc ngoải rồi, như con người của xã hội chúng ta đang ngắc ngoải. Tôi mong ước một sự vùng dậy của con người, chờ đợi một sự vùng dậy của con

người, phải kịp thời, đừng chậm chạp quá như Minh để đến giờ phút chót mới chịu vùng vẫy.

Nguyên Hưng, một buổi sáng, tôi thấy trời hé nắng. Tôi nhận được một cái thiệp chúc sinh nhật từ nhà gửi qua. Hôm đó quả đúng là ngày sinh nhật của tôi. Mà cũng là ngày tôi được tái sinh một lần nữa, không biết là lần thứ mấy. Trong một lá thư Tuệ chép cho tôi ba câu thơ của Trữ Vũ :
*«tôi đi giữa sa mạc hiu quạnh
một con gấu bỗng đến vỗ tôi
nhưng tôi ngó thẳng vào mặt nó... »*

Nhưng tôi ngó thẳng vào mặt nó ! Phải, tôi đã ngó thẳng vào mặt nó, và đã thấy được mặt mũi nó rồi. Tôi như một người vừa được giáp mặt tử thần. Tôi như một người ốm nặng vừa mới bình phục. Tôi mặc áo, xuống đường và lững thững trên hè phố, thêm khát ánh nắng buổi mai sau một chuỗi ngày u ám. Gió bão dịu dần.

(CÒN NỮA)

Giới thiệu sách mới

Tòa soạn *Giữ Thơm Quê Mẹ* vừa nhận được các tác phẩm sau đây do các tác giả gửi tặng :

— KHÔI QUÊ HƯƠNG thơ Thanh Việt Thanh, Mai diên xuất bản. Sách dày 57 trang, gồm 15 bài thơ sáng tác và một bài thơ dịch Liberté của Paul Eluard. Đây là thi phẩm thứ ba của nhà thơ Thanh Việt Thanh nội dung nói lên « những hình ảnh thân yêu đậm đà của quê hương ».

— NỖI BUỒN QUÊ HƯƠNG thơ Vũ Tiêu Giang do Những người con đất mẹ xuất bản. Sách dày 89 trang, gồm 27 bài thơ, giá 45 đồng.

— DẤU CHÂN DU MỤC thơ của CHGVA, gồm 24 bài thơ, in ronéo trên khổ nhỏ.

— CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI CỦA CON NGƯỜI của Krishnamurti, bản dịch Pháp—Việt đối chiếu của Nguyễn Minh Tâm và Đào Hữu Nghĩa. Sách dày 43 trang, giá 20đ.

— TIẾNG CA QUÊ HƯƠNG thơ Phổ Đức, nhân chứng xuất bản. Sách dày 59 trang gồm 23 bài thơ, giá 60đ.

— ĐÊM TÓC RỐI truyện dài của Dương Nghiễm Mậu. Thời Mới xuất bản sách dày 219 trang, giá 70đ.

— NGỒI LẠI BÊN CẦU tập truyện ngắn của Trần Phong Giao. Giao Điểm xuất bản. Sách dày 124 trang. Bản đặc biệt không đề giá,

Hằng ngày đón đọc

nhật báo

đất tổ

**cơ quan thông tin và nghị luận
của Phật giáo**

ĐÓN ĐỌC:

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Số Xuân Bính Ngọ

(tức số 7—8)

Phát-hành ngày 1-1-1966

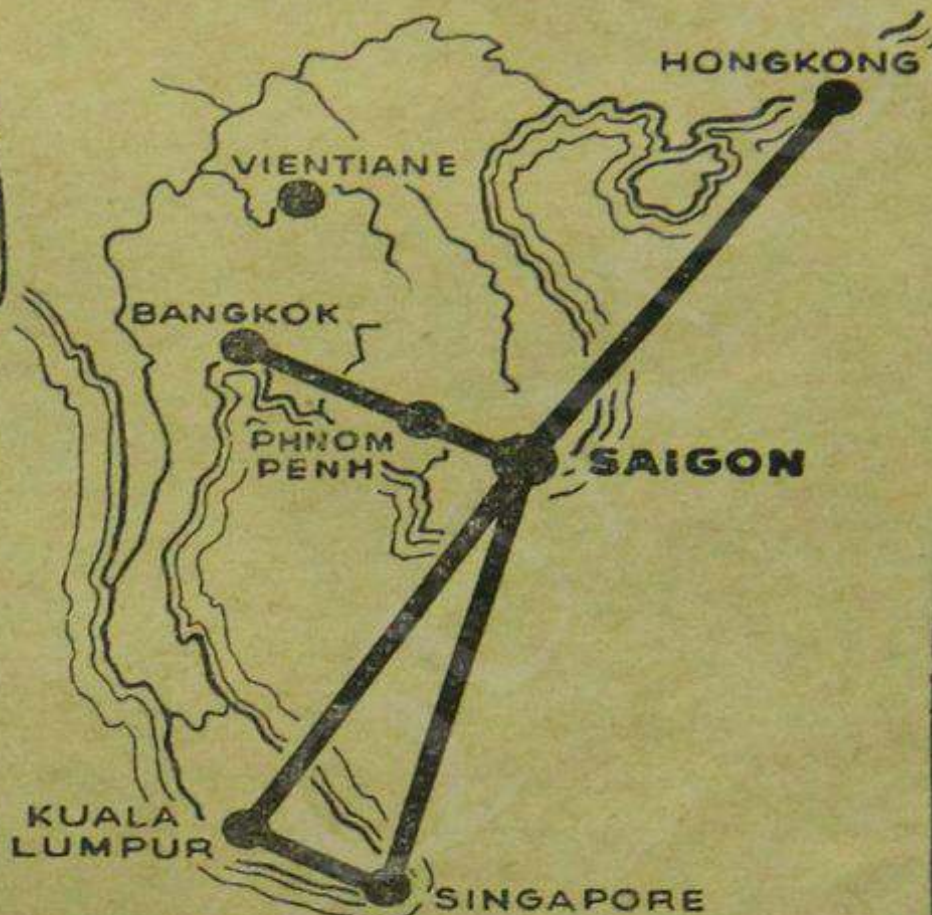
- DÀY 200 TRANG
- TĂNG CƯỜNG NHIỀU BÀI VỞ ĐẶC - SẮC,
PHONG - PHÚ CỦA CÁC VĂN - NGHỆ SĨ
TÊN TUỔI VÀ NHỮNG CÂY BÚT MỚI
- MỘT TẬP BÁO KHÔNG THỂ THIẾU CỦA
CÁC BẠN YÊU MẾN VĂN NGHỆ
- MỘT TẬP BÁO ĐỂ TẶNG CÁC BẠN BÈ LÀ
MỘT MÓN QUÀ XỨNG ĐÁNG MÀ NGƯỜI
NHẬN SẼ GIỮ GÌN MÃI MÃI

Sẽ đến tay các bạn vào ngày 1-1-1966

V
I
E
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN-LỰC CƠ TRĂNG LỆ NHỨT THỀ-GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG : 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI-MÁT-MỀ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN - ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

*Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng
thức những món ăn đặc-biệt do các nữ
tiếp-viên xinh-lịch niềm-nở tiếp đãi*

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

116. NGUYỄN-HUỆ SAIGON. 21.624-625-626

In tại
Nhà in và Xuất bản HY MÃ LẠP SƠN
Số 190, Đại lộ Lý thái Tồ, Saigon
K. D. số 2449/BTLC
ngày 2 - 12 - 1965.